



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình ảnh: **Đặng Thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL. 2557** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **CÂU CHUYỆN THIÊN Ở TRÚC LÂM - HUẾ** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 10
- ◆ **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á** (Nguyễn Lộc), trang 12
- ◆ **HƯƠNG VỀ PHẬT ĐẢN QUA KINH THÁNH CẦU** (Tuệ Như), trang 14
- ◆ **BẾN BỜ THIÊN** (Trúc Nguyên) tr15
- ◆ **TRÂM TƯ VỀ NGÀY ĐẢN SANH** (Tâm Minh Vương Thúy Nga), trang 18
- ◆ **NGHE RA, THẮNG TƯ RẰM** (thơ Mặc Không Tử), trang 18
- ◆ **ÔNG BỤT TRONG TÔI** (Thích Nữ Chúc Hiếu), trang 19
- ◆ **NHÀ VĂN VÕ HỒNG TỬ TRẦN** (Vĩnh Hào), trang 20
- ◆ **BUỔI CHIỀU QUA CẦU NGÂN SƠN NHỚ VÕ HỒNG** (T. Phước An), tr. 21
- ◆ **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC - tiếp theo** (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 22
- ◆ **MỪNG PHẬT GIÁNG SINH, ƯU ĐÀM HOA** (thơ Đồng Thiện), trang 23
- ◆ **LUMBINI!** (thơ TN. Tịnh Quang), tr. 24
- ◆ **TÍNH ƯU VIỆT CỦA PHẬT GIÁO...** (Đông Phương Mai Lý Cang), trang 26
- ◆ **THỜI GIAN, BÉ DẦU, CÁI NHÌN...** (thơ Mặc Phương Tử), trang 27
- ◆ **NỬA CHỮ CŨNG THẦY** (Võ Hồng), trang 29
- ◆ **KHOẢNG LẠNG** (TN. Khánh Năng), trang 32
- ◆ **THÔNG TAY VÀO CHỢ** (thơ Mai Quang, thơ pháp Songuyen), trang 32
- ◆ **MỘT PHẬT TỬ TƯƠNG ĐỐI HOÀN HẢO** (Đào Văn Bình), trang 33
- ◆ **BẾN GIÁC, CỎ RIÊNG** (thơ Quỳnh Dao), trang 35
- ◆ **TÂM THỂ** (thơ Phù Du), trang 36
- ◆ **SÓNG** (thơ Diệu Đức), trang 37
- ◆ **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ - Đơn I-485** (Huỳnh Tấn Lê), trang 38
- ◆ **SÁM HỎI** (thơ Tâm Thánh Thiện), trang 39
- ◆ **NỤ CƯỜI SƠ TÂM** (Lam Khê), tr. 40
- ◆ **QUẢNG GÁNH LO** (thơ Xuân Mai), trang 42
- ◆ **ĐỨC PHẬT CỦA THẮNG MƠI** (Huỳnh Kim Quang), trang 46
- ◆ **HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG - song ngữ, ch. 7** (Thích Nguyên Tạng dịch), tr. 48
- ◆ **THẦN CỦA NGHỀ ĐỨC: THIÊN SỰ KHÔNG LỘ** (Nguyễn Giác), trang 50
- ◆ **LỜI CỦA BIÊN** (Huệ Trân), trang 52
- ◆ **HIỆU NẰNG CỦA THIÊN TRONG VIỆC TRỊ BỆNH** (Y sĩ Huệ Lộc), tr. 54
- ◆ **CẦN ĂN, UỐNG GÌ ĐỂ TRÁNH UNG THƯ?** (thơ Phạm N. Lương), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: CANH KHOAI MỠ** (Diệu An), trang 57
- ◆ **MƯỜI LỜI KHUYÊN ĐỂ BIẾT SỐNG VÀ BƯỚC THEO BƯỚC CHÂN PHẬT** (Hoang Phong dịch), trang 58
- ◆ **TÂM PHẬT TRONG EM** (thơ Thích Nữ Giới Định), trang 59
- ◆ **CHỈ LÀ ẢO ẢNH** (thơ Nguyễn Tôn Nhan), trang 63
- ◆ **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM - 7. Bốn Chân Lý Cao Quý** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao dịch), trang 64
- ◆ **BA THỨ ĐỌC: THAM, SÂN, SI** (GDPTVN HKbiên soạn), trang 61
- ◆ **GIÁC MƠ** (thơ Nguyễn Nguyên An), trang 68
- ◆ **SAKYA CARE FOUNDATION RA MẮT** (Việt Báo), trang 69
- ◆ **VỊNH Ờ NÚI, CHÙA HANG, SỰ BÀ...** (thơ Trần Bách Linh), trang 70
- ◆ **GIÀO NGÔN TẬT ĐÓ CHƯA PHAI...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 72
- ◆ **THE STORY OF CITTA HOUSEHOLDER** (Daw Mya Tin translated), trang 73

Báo Chánh Pháp Số 18, tháng 5 năm 2013, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ miễn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

Bước chân nhẹ nhàng. Nở sen tịch lặng. Chuyển động ba nghìn thế giới.

Từ đó, con đường rộng mở; mà huyền diệu thay, nghìn xưa nghìn sau, ai cũng có thể cất bước để chạm đến nơi chốn thăm sâu, cao vòi, tuyệt cùng của trí tuệ, giải thoát. Nhưng nguyên khởi để vẽ một con đường vượt qua trùng trùng sinh-diệt diệt-sinh thì không thể lặp lại lần thứ hai.

Chỉ có một, con người siêu tuyệt ấy, con người của lịch sử nhân gian, con người của huyền thoại trời rồng các cõi, là thực thể hay siêu thể, trải bóng dài trong không gian và thời gian vô tận, thị hiện một cuộc đến-mà-không-đến, đi-mà-không-đi, vô tiền khoáng hậu.

Trần gian chưa từng có diễm phúc nào to lớn cho bằng, từ mảnh đất trầm luân thống khổ, bừng nở những đóa sen thanh khiết đón nhận bước chân nhẹ nhàng của người, bậc đại hùng, đại trí, đại từ bi: Đức Phật của chúng ta, Đức Phật trong chúng ta.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

AFGHANISTAN: Tin ảnh thực tế về công việc khai quật thành phố cổ Phật giáo tại Mes Aynak



Các nhà khảo cổ học và nhân công địa phương khai quật khu vực chính của thành phố cổ tại Mes Aynak, nằm trên Con đường Tơ lụa cổ nổi liền Trung Hoa và Ấn Độ với Địa Trung Hải



Nhân công địa phương khai quật một phần của các xưởng đồng trên đỉnh núi, bên trên thành phố cổ tại Mes Aynak



Thomas Ely, nhà khảo cổ học người Anh (mặc áo sơ mi xanh) và các nhân công địa phương tại trung tâm của những phế tích. Là chuyên gia về tác phẩm kim

loại, Ely tin rằng đội khảo cổ đã xác định được một toà nhà đúc tiền đồng lấy từ đồng nơi ngọn núi bên trên thành phố cổ



Nhân công địa phương làm việc trên núi



Trong sân của một trong số các tu viện Phật giáo tại di tích Mes Aynak, các nhân công làm 2 vật chứa hình hộp (ở giữa) để bảo vệ một bảo tháp và một tượng bị đổ do thời tiết cho đến khi chúng được dời đi.



Một bảo tháp và các công trình kiến trúc khác tại một tu viện Phật giáo trên đỉnh núi ở di tích Mes Aynak. Lớp nhựa được bọc để bảo vệ chúng tránh mưa đông và tuyết.



Một bảo tháp Phật giáo bên trong một tu viện ở Mes Aynak



Một số các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo khai quật từ Mes Aynak, được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Afghanistan ở Kabul. Các quan chức Afghan hy vọng sẽ xây một bảo tàng ngay tại phía bắc Mes Aynak.

Photos: Jay Price – MCT (Big News Network – March 23, 2013)

NHẬT BẢN: Chùa Anrakuji tham gia trào lưu làm mai mối

Wakayama, Nhật Bản - Số lượng chùa chiền tham gia trào lưu làm mai mối ngày càng tăng trong những năm gần đây tại Nhật Bản.

Vào giữa tháng 2 -2013, có 12 nam và 12 nữ - hầu hết ở tuổi trên dưới 40 - đã tập trung tại chùa Anrakuji ở thành phố Wakayama để dự một buổi tìm ý trung nhân, với khoản tiền mà mỗi người tham gia sự kiện phải đóng là 2.500 yen.

"Xin hãy trân trọng cơ hội gặp gỡ nhau tại đây, cho dù các bạn không tìm được người phù hợp cho mình", Sư trưởng Shunko Yoshino phát biểu khi bắt đầu buổi mai mối.

Mỗi người đàn ông tự giới thiệu về mình trong 3 phút tại các bàn của những phụ nữ tham gia. Họ vui

về nhưng chân thành nói về nghề nghiệp, gia đình và về các khía cạnh khác của bản thân.

Sau đó những người tham gia đã làm những chuỗi hạt nhiều màu sắc và dùng trà, rồi họ viết tên người mình thích lên một tấm thiệp và nộp cho sư trưởng Yoshino. Nhà sư đọc một câu kinh Phật, cầu chúc sẽ có những cặp đôi tốt đẹp.

Cuối cùng có được 4 cặp nam nữ hợp ý nhau.

Sự kiện mai mối được khởi động vào năm 2011 bởi sư trưởng Yoshino của chùa Anrakuji cộng tác với sư trưởng Ryushin Yasutake của chùa Dorakuji. Tính cả lần gần đây nhất vào tháng 2 nói trên, 2 chùa này đã tổ chức được 7 lần mai mối.

(Mahabhodi IP – March 26, 2013)



Chùa Anrakuji, một trong những ngôi chùa có tổ chức các buổi mai mối - Photo: google images

HOA KỲ: Bạc thầy về tranh cuộn Tây Tạng và tác phẩm lớn tại Sebastopol

Vào ngày 1-5-2013, bạc thầy tranh cuộn (thangka) Tây Tạng là Tashi Dhargyal sẽ bắt đầu vẽ một 'thanbhochi', loại tranh vải nhiều tầng được thiết kế để trưng bày tại các lễ cầu nguyện đặc biệt. Thanbhochi này sẽ cao 20 feet và rộng 14 feet, là bức đầu tiên được sáng tác bên ngoài đất nước Tây Tạng theo phương pháp truyền thống. Dhargyal sẽ vẽ thanbhochi tại một xưởng vẽ ở thành phố Sebastopol, California, nơi sẽ mở cửa cho công chúng vào tháng 5.

Sẽ mất 3 hoặc 4 năm để hoàn thành, bức thanbhochi này sẽ trình bày hình ảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và 2 đại đệ tử của Ngài, cùng các vị bổn

sư của 4 trường phái chính của Phật giáo Tây Tạng. Dhargyal sẽ hoàn thành tranh bằng các chất màu và vàng truyền thống. Khi vẽ xong, tranh sẽ được triển lãm tại các bảo tàng và tu viện trước khi cúng dường cho Tu viện Nyamtso ở Kham, Đông Tây Tạng.
(Buddha Dharma – March 27, 2013)

BANGLADESH: Tu viện Phật giáo cổ được phát hiện tại Munshiganj

Ngày 23-3-2013, tại vùng Bikrampur của huyện Munshiganj, trong khi thực hiện việc khai quật tại làng Raghurampur, các nhà khảo cổ học đã lần đầu tiên tìm thấy một tu viện Phật giáo cổ.

Đây là phát hiện trong một cuộc khai quật chung bởi Hội Agrasar Bikrampur – một tổ chức văn hoá xã hội địa phương và Khoa Khảo cổ học của trường Đại học Jahangirnagar. Dự án do Bộ Văn hoá tài trợ.

Cuộc khai quật này là kết quả của 4 năm nỗ lực của đội khảo cổ.

Tu viện Phật giáo cổ này được cho là khoảng 1.100 năm tuổi, với hơn 100 tượng và tác phẩm điêu khắc quý giá đã được tìm thấy trong vùng này.
(Tipitaka Network – March 28, 2013)



Di tích của tu viện Phật giáo cổ được khai quật tại Munshiganj, Bangladesh - Photo: bdnews24.com

MÃ LAI: Cuộc thi nhiếp ảnh tại Làng Phật giáo

Kuching, Mã Lai – Hội Phật giáo Kuching và Hội Nhiếp ảnh Nghệ thuật Sarawat (SPAS) hợp tác tổ chức một cuộc thi nhiếp ảnh. Cuộc thi mở rộng đối với công chúng, với địa điểm chụp ảnh theo qui định là tại Làng Phật giáo trong thời gian từ ngày 1 đến 27-4-2013.

Tất cả ảnh chụp phải được nộp cho văn phòng Hội Phật giáo Kuching ở Jalan Laksamana Chung Ho trước 3 giờ chiều ngày 4-5-2013.

Chủ đề của tác phẩm là không hạn chế, với điều kiện nó được chụp tại Làng Phật giáo.

Hội Phật giáo Kuching tọa lạc tại Tanjong Durian, trên đường đến thành phố Bau. Đây là một cộng đồng tín ngưỡng được hội xây dựng nên để hiện thực hoá ý tưởng tịnh độ.

Để thu hút nhiều người tham gia hơn, hội đã phân bổ tổng cộng 5.000 RM tiền mặt dành cho các giải thưởng.

(buddhistartnews – April 2, 2013)



Một khu vườn tại Làng Phật giáo ở Kuching - Photo: Borneo Post

Nepal: Bắt 2 kẻ trộm pho tượng Phật cổ

Kathmandu, Nepal - Ngày 2-4-2013, một nhóm thuộc Cục Điều tra Trung ương (CIB) Nepal đã bắt 2 người tại khu Chappargaudi-4 của vùng Kohalpur ở quận Banke, khi 2 kẻ này đang cố bán một tượng Phật nặng 11, 38 kg.

Theo Phó Cảnh sát trưởng Krishnar Mahat của CIB, 2 người bị bắt do liên quan đến việc buôn bán bất hợp pháp này quê ở huyện Dailekh và Jajarkot. Họ bị bắt giữ khi đến chợ với ý định bán pho tượng.

“Hai kẻ này hy vọng bán được tượng với giá từ 2 đến 3 triệu Rup. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng tượng có thể trị giá trên 5 triệu Rup”, ông Mahat nói.

Cảnh sát cho rằng đây là pho tượng trên 100 năm tuổi, nhưng còn phải được Cục Khảo cổ học thẩm định. Tượng sẽ được mang về Kathmandu để điều tra thêm.

(REPUBLICA – April 2, 2013)

ẤN ĐỘ: Tặng tượng Phật cho Bảo tàng Victoria của thành phố Vijayawada

Một giám đốc thể chất về hưu, ông P.S. N Narandranath, đã quyết định tặng một tượng Đức Phật Thích Ca cho Bảo tàng Victoria 100 năm tuổi của thành phố Vijayawada (bang Andhra Pradesh).

Tượng được chuyển đến từ Thái Lan, và được trao cho Trợ lý Giám đốc về Khảo cổ và Bảo tàng là K. Chitti Babu vào ngày 22-3-2013.

Các chuyên gia của bảo tàng dành cho pho tượng này một vị trí thuận lợi, với ánh sáng phù hợp để thu hút khách tham quan.

Được làm bằng thép hợp kim, đây là pho tượng từ Thái Lan từng được giới thiệu với Đại Tăng đoàn Mutylampadu tại thành phố Vijayawada vào năm 2010.

Tượng nặng khoảng 350 kg, mô tả Đức Phật ngự trên tòa sen với bàn tay ban phước - vô úy.

(Buddhist Art News – April 2, 2013)



Ông P.S. Narandranath và tượng Phật mà ông tặng cho Bảo tàng Victoria - Photo: The Hindu

MÃ LAI: Chương trình "Cảm ơn Người Cao tuổi" lần thứ 8 của Hội Phật giáo Yayasan Maha Karuna (YMK)

Gần đây, Hội YMK đã tổ chức chương trình "Cảm ơn Người Cao tuổi" lần thứ 8 tại Phật tự Tích Lan ở Sentul, Kuala Lumpur.

Tổng cộng có 1.500 người già, gia đình khó khăn và người khuyết tật được nhận 2 túi nhu yếu phẩm và 20 RM mỗi phần.

Trong bài phát biểu của mình, chủ tịch Hội YMK là Thượng toạ Trưởng lão tăng B.Sri Saranankara Nayaka nói: "Nhiều người cao tuổi cảm thấy bị xã hội lơ là và không thông hiểu. Vì vậy chương trình này là để bày tỏ với họ lòng biết ơn của chúng ta đối với sự hy sinh và công việc khó khăn mà họ đã trải qua để phát triển đất nước này".

Thủ quỹ của hội là Jacob Chan cảm ơn các nhà tài trợ, những người ủng hộ và tình nguyện viên đã giúp làm cho sự kiện này thành công trong 8 năm qua.

(thestar.com.my – April 3, 2013)

NGA: Các nhà điêu khắc Tây Tạng xây dựng tượng Phật cao nhất liên bang Nga

Kyzyl, Tuva – Các nhà điêu khắc Tây Tạng sẽ tạo tác một tượng Phật cho nước cộng hoà Tuva (liên bang Nga). Buyan Bashky, chủ tịch Hội Liên hiệp Phật tử Tuva cho biết đây sẽ là tượng Phật cao nhất tại liên bang Nga.

Được dựng tại Núi Dogee ở thủ đô Kyzyl, tượng Phật ngự trên một toạ đài này có tổng chiều cao này dự kiến đạt 15 mét.

Việc xây dựng phần toạ đài đã bắt đầu vào năm 2011.

Ông Bashky nói, "Phần tượng Phật được xây tại Tây Tạng, và theo kế hoạch sẽ dựng trên Núi Dogee ở Kyzyl vào mùa thu năm nay".

Theo các ước tính khác nhau, chi phí của dự án xây dựng tượng đài là từ 12 đến 13 triệu RM (\$383.000 – \$415.000), được cung cấp do quỹ cúng dường.

(Buddhist Art News – April 6, 2013)

MÃ LAI: Đại sư người Thái viếng Petaling Jaya

Pataling Jaya, Mã Lai – Khoảng 400 tín đồ đã tập trung tại Chùa Chetawan ở Bukit Gasing vào ngày 31-3-2013 để dự buổi thuyết pháp của đại sư Luang Pu Tohn đến từ Thái Lan.

Vị cao tăng 84 tuổi này là sư trụ trì của Chùa Apaiyawan, trung tâm Phật giáo tại tỉnh Loei ở tây bắc Thái Lan.

Ngài đã có buổi thuyết pháp bằng tiếng Thái, và sau đó các tín đồ dâng y lên ngài để cầu phước cho thân nhân đã khuất của họ nhân ngày Thanh Minh.

Các Phật tử cũng cúng dường 40.000 RM để xây dựng Đại Bảo tháp tại Chùa Apaiyawan. Bảo tháp sẽ lưu giữ xá lợi của Đức Phật và của đại sư Luang Pu Tohn khi ngài viên tịch.

Đại sư quán Thái Lan, chùa Chetawan và Trung tâm Cộng đồng Ti-Ratana Penchala đã hợp tác tổ chức và chính thức mời đại sư Luang Pu Tohn sang viếng Mã Lai trong 4 ngày.

Chư tăng địa phương từ Perak và Johor cũng đã đến tham kiến vị đại sư Thái Lan nhân sự kiện này.

(Tipitaka Network – April 9, 2013)

TÍCH LAN: Phái đoàn Phật giáo Nhật Bản gặp gỡ Thủ tướng Tích Lan

Sư trưởng đương nhiệm của Chùa Fujiyama tại Nhật là Thượng toạ Trưởng lão Kibe Enji đã dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Nhật Bản sang viếng thăm nhiều tự viện chính trên khắp đất nước Tích Lan.

Trưởng lão Kibe Enji nói rằng Tích Lan đã đạt được một vị trí quan trọng trong tiến trình truyền bá Phật giáo chân chính với thế giới.

Vị trưởng lão tăng người Nhật này nói rằng bản thân ông đã nhận thức được sự phát triển đã diễn ra tại Tích Lan từ năm 1950, và rằng tất cả các vị lãnh đạo của Tích Lan luôn luôn hành động vì sự tiến bộ của Phật giáo.

Ông đã nêu lên những nhận xét này khi đến thăm Thủ tướng Tích Lan D.M Jayaratne vào ngày 5-4-2013, trước khi ông trở về Nhật.



Phái đoàn Phật giáo Nhật Bản đã đồng ý đóng góp cho sự phát triển của 10.200 trường Phật pháp tọa lạc trên toàn quốc Tích Lan.
(japanese-buddhism.com – April 9, 2013)

Ý: Ngôi đền Phật giáo lớn nhất châu Âu khánh thành tại La Mã

La Mã, Ý – Ngôi đền Phật giáo Hua Yi Si lớn nhất châu Âu đã được khánh thành tại La Mã vào ngày 31-3-2013, với sự hiện diện của Thị trưởng Gianni Alemanno và hàng nghìn hội viên cộng đồng người Hoa cùng chư tăng Tây Tạng.

Được thiết kế theo phong cách một ngôi chùa, Hua Yi Si tọa lạc giữa các kho hàng trên đường Via Omo ở khu Tor Tre Teste.

Ngôi đền được tài trợ bởi cộng đồng Hoa kiều của thành phố, vốn được thị trưởng G. Alemanno mô tả là cộng đồng phát triển “trong hoà bình và hoà hợp với phần còn lại của La Mã”.

Cộng đồng người Hoa sống trong thành phố và lãnh thổ của La Mã gồm khoảng 5.000 đến 7.000 người, hầu hết đến từ tỉnh Chiết Giang ở miền nam Trung quốc.

(Mahabhodi IP – April 11, 2013)



Chùa Hua Yi Si ở La Mã, Ý - Photo: Mahabhodi IP

TRUNG QUỐC: Ngôi chùa cổ Xiangjiao đối mặt với sự phá huỷ

Tây An, Thiểm Tây - Chính quyền thành phố Tây An đã ra lệnh phá huỷ phần lớn các toà nhà của ngôi chùa Xingjiao 1.300 năm tuổi.

Chùa Xingjiao lưu giữ xá lợi của Huyền Trang, một nhà sư Trung Hoa đi thỉnh kinh tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ 7.

Theo lệnh thì đến cuối tháng 5-2013, chùa phải loại bỏ 2 phần 3 các toà nhà của mình, bao gồm cả ký túc xá, nhà ăn và một số phòng hành lễ.

Động thái này là một phần của sự chuẩn bị cho việc nộp đơn xin công nhận là Di sản Thế giới UNESCO đối với một số địa điểm tại tỉnh Thiểm Tây dọc theo con đường Tơ Lụa, một đường thương mại cổ chạy dài từ Trung Đông đến Trung Hoa.

Chính quyền đã nói rằng nhiều toà nhà phải bị phá sập vì sự thành công của đơn xin nói trên. Lệnh phá dỡ đã gây ra sự phản nộ trực tuyến ở Trung quốc và giữa một số học giả, là những người đã đã kích chính quyền địa phương.

(AFP – April 11, 2013)



Chùa Xiangjiao ở Tây An, Thiểm Tây (Trung quốc) - Photo: Alamy

CỘNG HOÀ BURYATIA (Liên bang Nga): Tổng thống Putin viếng tu viện Phật giáo Ivolginsky

Ngày 11-4-2013, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã viếng tu viện Phật giáo Ivolginsky, trung tâm của Giáo hội Phật giáo Truyền thống tọa lạc tại Buryatia.

Trong chuyến thăm, ông Putin và chư tăng thảo luận một số sáng kiến, bao gồm một dự án từ thiện tại Buryatia dành cho việc dinh dưỡng lành mạnh và thích hợp của trẻ em tại các trường mẫu giáo, trường học và bệnh viện, cũng như một chương trình phát triển các xưởng cho Tăng đoàn để sản xuất các tác phẩm điêu khắc Phật giáo, các biểu tượng và vật dụng tôn giáo.

Sư trưởng Tu viện Tamchinsky, một trong những tu viện Phật giáo cổ nhất tại Nga trước cách mạng, đã yêu cầu tổng thống Putin giúp xây dựng một con đường dẫn đến tu viện đang phục hồi này.

Ngoài ra, ông cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo trợ cho trường Đại học Phật giáo Zayaev và Học viện Phật giáo Aginsk.

(ITAR-TASS – April 13, 2013)



Tổng thống Putin tại Tu viện Phật giáo Ivolginsky (cộng hoà Buryatia) - Photo: Itar-Tass



Câu chuyện Thiên ở Trúc Lâm – Huế

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



Ảnh này, Ông gởi cho Tín Nghĩa, chụp bên giò Y thảo nở rộ toàn màu trắng

Ngày còn ở quê nhà, tôi làm nghề gỗ đầu trẻ từ Tiểu học lên Trung học, từ Huế vào Đà Nẵng. Sau tháng Tư năm 1975, bản thân tôi cũng như bao nhiều nhà giáo, lớp vào tù cải tạo, lớp vượt biên, lớp âm thầm sống cho qua ngày đoạn tháng. Khi đang còn ở trong chúng Trúc Lâm, theo ấn náu hạnh đức nghiêm từ của Sư phụ để tu tập tiếp. Hằng ngày, khi thì lên núi đốn củi, hái rau, khi thì làm nông thiên, hòa đồng cuộc sống với đại đa số quần chúng trong giai đoạn đổi đời này. Tôi là vị tu sĩ đầu tiên ngồi lên máy cày để cày ruộng cho chùa và cày giúp cho một số chùa thiếu phương tiện như Hồng Ân, Khải An (quận Nam Hòa), Thiên Hưng, v.v...; sau tôi là có thầy Hải Ân, nay là ngôi vị Hòa thượng, Trụ trì Tổ Đình Từ Đàm Huế và cũng là vị tu sĩ Bác sĩ duy nhất tại miền Trung Việt Nam thuở ấy.

Hằng ngày, ngoài công việc đồng áng, nông thiên, tôi thường cùng với giáo sư Lê Văn Phước nghiên cứu và chơi phong lan (Giáo sư Phước hiện giờ đang sinh sống với gia đình ở San Jose). Cũng nhờ anh Phước mà tôi biết

hiều về phong lan và cũng vì được Sư phụ thích phong lan nên tôi gần như được khuyến khích và đam mê. Những giò lan trước khi tôi ra đi gồm những giò tên tuổi như: Hồ điệp, Ý thảo, Hoàng phi điệp, Nhất điểm hồng, Nghinh xuân, Thủy tiên, Phượng vĩ, Nhện hùm, Thạch học, v.v... Tôi có cả thầy trên ba mươi loại, đều ghi tên và ngày tháng có được, rất đầy đủ; có giò thì treo lủng lẳng bằng gỗ mít, có giò thì để vào chậu đất nung, nhưng cũng treo lủng lẳng, chứ không để vào những chiếc đôn sành xưa; vì: thứ nhất là không đủ những chiếc đôn để dùng, thứ hai là không đủ chỗ để bài trí. Nếu để thấp thì dễ bị những con sâu chiếu hay giun đất bò vào ăn những rễ non, chồi non mới ra, giò lan khó phát triển và có thể bị hư thối luôn. Còn một số khác treo tên, nhưng không có chỗ để bài trí thì tôi gắn vào các cây gần nhà, phần lớn là những cây mít. Đến mùa phong lan nở hoa, tất cả giàn phong lan trong sân chữ khẩu cùng trên những cây mít đều có hoa nở trắng hoặc vàng. Đẹp nhất là màu Hoàng phi điệp và Ý thảo. Ngày tôi đã ở hải ngoại, khi thành lập Tổ đình Từ Đàm Hải Ngoại tại Dallas rồi, Sư phụ tôi nghe được và vui mừng, ngài thương tình chụp một cái ảnh sát bên chậu Ý thảo treo ở nhà Tây, nơi Sư phụ tôi ngụ nghĩ và sau khi Ngài hầu Phật cũng thiết trì bàn thờ, Long vị và Di ảnh của Ngài ở gian giữa. Ngài biểu quý huynh đệ gởi ra cho Tín Nghĩa làm kỷ niệm, dù sao cũng là công hạnh của Tín Nghĩa. Hiện giờ bức ảnh ấy vẫn còn, và tôi cũng có ghép ảnh của tôi vào đó để gởi về Ngài làm lưu niệm năm Nhâm Tuất - 1982. Bức ảnh ấy, ảnh lớn chính là của Ngài, ở giữa là giò lan Ý thảo và phần thấp thì một chiếc ảnh nhỏ của tôi mạo muội ghép vào.

Ở Hoa Kỳ tôi không thấy những thứ phong lan như vừa kể trên, đa phần là Hồ điệp đủ màu, hoa lớn hơn ở Việt Nam. Việt Nam hoa Hồ điệp cây nhỏ và thấp, hoa nhỏ, chỉ có màu tím than. Giò phong lan có đầu tiên

tại Trúc Lâm là Hồ điệp, do một vị sư thân tín với Sư phụ chúng tôi kính tặng, nhưng chưa có hoa bao giờ. Chúng tôi chỉ thấy ở cây chính của vị sư kia mà thôi.

Cũng nhờ thích phong lan, nên dễ dàng tìm đường vượt biên. Vì đi đến đâu, trước ghi-đông xe tôi cũng có một giò lan treo tòn ten. Những lúc đi vào vùng hơi lạ, sợ thiên hạ để ý, hoặc sợ chính quyền sở tại theo dõi, thì giò lan là phương tiện trả lời nếu bị xét hỏi. Tình trạng xét hỏi như thế, tính đến ngày vượt biên ít nhất cũng trên hai chục lần. Lần nào cũng mất một giờ bị kiểm tra là chuyện thường. Đi riết rồi, anh chàng công an địa phương tên Luyện cũng dễ dàng và vui vẻ mỗi khi ra xã để xin cấp Giấy đi lại. Quý thầy cô và dân vùng quanh Trúc Lâm đặt cho tôi một biệt danh là Ông Thầy Phong Lan. Đặc biệt anh chàng công an này, lúc mới đầu, đi vào chùa nào anh cũng gọi quý thầy cô là anh và chị; nhưng quý thầy cô vui vẻ từ từ hướng dẫn cho anh ta biết lần và từ đó, mỗi khi gặp quý thầy cô cũng bắt đầu chấp tay niệm A Di Đà Phật theo thổ ngữ Quảng Bình.

Có một chuyện mà tôi không bao giờ quên cùng với anh chàng Luyện này là: Một đêm gần kỳ tổ Trúc Lâm, anh cùng la cà vào ngồi chơi với quý thầy. Anh vào chùa tự nhiên chứ không còn e dè như lúc chưa quen biết, nên anh vào chấp tay vái chào quý thầy và cùng ngồi chơi. Anh cũng lật sụng để một bên cùng uống trà. Trong câu chuyện vui nói qua nói lại thì đồng cười xòa và quên là Sư phụ đang nghĩ ở liêu phòng, đã làm ồn lên. Từ trên liêu Sư phụ, ngài nghe khó chịu, đêm khuya, tuổi già khó ngủ, ngài đi xuống thấy tất cả ai ai cũng cười la ồn ào, Sư phụ tôi từ từ bước tới tặng quý thầy gần nhất một bạt tai, và Ngài còn cất tiếng:

Đồ Cộng Sản.

Đại chúng thấy vậy, tất cả hơi xa tầm tay của ngài thì mạnh ai nấy chạy trốn kể cả chàng công an này.

Chúng tôi nghe ôn dạy: “Đồ Cộng Sản,” mà chàng Công an Luyện này là Cộng Sản thiệt, dân

Quảng Bình cũng phải chạy.

Sau khi thấy không khí bắt đầu vắng lặng, anh chàng công an Cộng Sản thứ thiệt này, hoàn hồn, nhẹ nhẹ lần mò vào chỗ ngồi cũ để tìm lại khẩu súng lục đã bỏ lại, lấy mang vào rồi còn chấp tay vừa vãi chào quý thầy, vừa cười đưa hàm răng khểnh màu ngà, cỡi xe đạp đi vào trong đêm tối một mình, dưới cơn mưa rả rích của tháng mười.

Chúng tôi, lớn nhỏ ra dấu hiệu bảo Cu Nóc đi vào thăm dò trước. (Cu Nóc là chú điếu nhỏ nhất chùa, chúng tôi đặt tên, nay là ngôi vị Thượng tọa Thích Phước Sơn, chùa Vạn Phước, Sài Gòn, một tay trống cừ khôi như Ôn Trúc Lâm vậy. Cũng là cháu gọi Ôn bằng Ông Nội chú). Chính tôi cũng đã từng dạy tán tụng cho chú. Khi tôi bước chân xuống thuyề để tìm tự do, thì chú vẫn còn là điếu chúng Trúc Lâm.

Ra đến hải ngoại này, mỗi lần tâm sự qua điện thoại hoặc gặp nhau với Pháp đệ Thượng tọa Thích Tâm Minh (hiện là Tọa chủ chùa Trúc Lâm tại Úc Đại Lợi) về chuyện Sư phụ dạy chúng. Hai chúng tôi cũng cười và cũng đồng lòng rằng bây giờ hai chúng ta thiếu một ân huệ và phước báu to lớn: Không còn được Ôn rượt chạy như xưa. Rồi cũng đồng ý với nhau rằng: Ở Trúc Lâm mà không bị Ôn rượt, không bị Ôn bạt tai là chưa phải chúng điếu Trúc Lâm. Chúng tôi thành thân đến ngày hôm nay là nhờ cái Rượt, cái Bạt tai đầy thiền vị ấy.

Nhơn đây, tôi xin trích một đoạn ngắn của thầy Trung Hải Nhuận, viết trong cuốn Tưởng niệm về Ôn Mật Hiển như sau, qua bài "Biển Trời Cùng Xanh"

... "Ở xứ Huế vào những thập niên 60-70, hễ nghe đến chùa Trúc Lâm thì ai cũng thích vì cảnh trí thâm u, rừng thông rợp bóng, tiếng chim líu lo. Thế nhưng, hễ nghe đến Ôn Trúc thì ai cũng cảm thấy hơi ớn lạnh. Vì sợ Ôn lắm! Cái cảm giác chung là thấy mình bất an khi đứng trước Ôn, như kẻ đi đêm hay sợ ma, họ sợ Ôn lắm. Có người cho rằng sợ Ôn vì Ôn rất nghiêm, có lẽ đúng một phần. Nếu là Tăng Ni mà ai sơ ý gặp Ôn không chào là Ôn kêu lại cho ăn một "bốp" ngay tại chỗ. Vì Ôn cho rằng vị đó học Luật không thuộc, Thầy của vị ấy dạy đệ tử không nghiêm, nên không chào hỏi bậc bề trên. Giới cư sĩ gặp Ôn họ cũng có cảm giác hơi sợ vì có cái gì đó khó nói khó tả. Mà thật trông hình tượng của Ôn

cũng thấy sợ rồi! Có người nói Ôn là chủ của thế giới siêu nhiên, là người của Mật tông, nên nhiếp phục được Ma cho nên Ma nó sợ. Ma sợ thì người cũng phải sợ theo vì Ma với người có quan hệ mật thiết với nhau. Có người nói là do đức độ tu hành của Ôn...

Vâng, đại thể nói về Ôn Trúc là họ nói vậy. Ở Huế từ lớn chỉ nhỏ ai mà không biết Ôn Trúc. Thứ đến phải nói Ôn là vị Trúc trì của ngôi cổ tự, là người nối tiếp dòng dõi Trúc Lâm rất nổi tiếng ở Huế. Ôn lại là nhà tu hành nghiêm túc nên mọi người khó tiếp cận. Trong cái khó tiếp cận đó thì đáng về bên ngoài của Ôn cũng đã góp phần không nhỏ. Vóc dáng Ôn mảnh khảnh, ốm người, mắt sâu, da hơi ngăm đen, dáng đi nhanh nhẹn như con báo. Đặc biệt là đôi mắt đen ấy, khi Ôn nhìn vào ai thì cứ như xoai xĩa vào tận tim gan của người ấy, sắc hơn dao cạo nên mọi người đều sợ, nhất là bọn trẻ con. Nên hễ nghe đến Ôn Trúc là họ sợ lắm, ngán lắm. Đó là cảm giác của bọn học Tăng chúng tôi khi nghe kể về Ôn." ...

Và,
... "Riêng Ôn Trúc thì hơi đặc biệt hơn. Đặc biệt ở chỗ Ôn rất trọng người có tu, có học, có tài. Nếu người đó bằng Ôn hay hơn Ôn nhưng là người được Giáo hội giao phó trách nhiệm thì Ôn rất tôn trọng sự sắp đặt ấy, mặc dù người đó ít tuổi hơn Ôn. Ôn luôn luôn trung thành với Giáo hội. Khi đã nhận trách nhiệm, Ôn bao giờ cũng làm gương và đi đầu trong công việc. Ôn luôn trọng người có tài lo cho đạo. Ôn là

bậc đàn anh nhưng khi Giáo hội giao cho đàn em như các thầy Thiện Minh, Trí Quang, Mật Nguyên, Thiện Siêu... lãnh đạo thì Ôn rất hoan hỷ." ...

Chuyện thiền ở Tổ Đình Trúc Lâm qua sự dạy dỗ chúng điếu và quần chúng xa gần dù là dân già hay trí thức còn nhiều lắm, vì trang báo có hạn, chúng tôi tạm ngưng ở đây. Nếu có dịp chúng tôi xin hầu chuyện tiếp.

Nhơn đây là số kỷ niệm Phật đàn lần thứ 2557, mà Sư phụ chúng tôi thì hầu Phật đúng vào ngày Phật đàn, Rằm tháng Tư Nhâm thân (Chủ nhật, ngày 17-05-1992) để tưởng niệm về Ngài; đồng thời cũng nhắc lại một câu lịch sử không những chỉ tồn đọng trong giới thiền môn mà cả đại khối quần chúng từ Cổ đô Huế, miền Trung và cả toàn cõi Việt Nam chúng ta nữa.

Đó là câu Ngài dạy:

"Làm thầy tu thì đừng sợ chết, nếu sợ chết thì đừng làm thầy tu", đã được Cổ Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu, kính cẩn nhắc lại trước khi phò nhục thân của Ngài nhập tháp.

Ngài Thiện Siêu đã nhắn mạnh:

... "Làm sao chúng tôi quên được những tháng ngày cùng lao cọng khổ, chung lo Phật sự, đạo phong của Hòa Thượng thì trác việt, nếp sống thì bình dị, nói năng thì khẳng quyết hùng hồn.

Chính lời nói này của Hòa Thượng đã làm cho Tăng ni và Phật tử chúng tôi kiên trì trong lý tưởng, đem lại lợi ích cho loài người và tất cả chúng sanh." ...

Mùa Đản sanh 2557 - Trọng hạ Quý Tỵ



ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á

Nguyễn Lộc



Hằng năm, trong khoảng tháng 5 Dương lịch, người con Phật trên khắp hành tinh, hân hoan và trang trọng kính tưởng ngày đức Thích Tôn đản sanh nơi thế giới Ta-bà. Cùng chung những ý nghĩa và cảm niệm dâng lên cúng dường đức Thích Tôn, lễ hội thiêng liêng của người con Phật này được tổ chức gắn liền với nhiều bản sắc văn hóa, bằng nhiều phương cách và trong nhiều thời điểm khác nhau. Thời gian diễn ra lễ Phật đản tùy thuộc lịch pháp của mỗi quốc gia và truyền thống Phật giáo: Phật giáo Nam tông theo lịch Ấn Độ và Sri Lanka, Phật giáo Bắc tông theo lịch Trung Quốc và Phật giáo vùng Himalaya theo lịch Tây Tạng.

Trong giai đoạn trị vì của vua A-dục, Phật giáo Theravāda truyền sang Sri Lanka. Tại quốc đảo này, Phật giáo phát triển nhanh và mạnh; sau đó, ảnh hưởng đến Phật giáo các nước Myanmar, Thái Lan, Lào và Cambodia. Phật giáo Theravāda (Thượng tọa bộ), ngày nay thường được gọi là Phật giáo Nam tông, gọi ngày Phật đản (theo truyền thống Bắc tông) là ngày Vesak (Vesak Day). Phật giáo tại các quốc gia này tổ chức đại lễ Vesak để kính tưởng ba sự kiện trọng đại: Phật đản sanh, Phật thành đạo và Phật Niết-bàn. "Vesak" là tiếng Sri Lanka; tương đồng với Vesākha trong tiếng Pāli và Vaisākha trong tiếng Sanskrit. Vaisākha (Vesak) là tháng thứ 2 trong 12 tháng của lịch Ấn Độ và Sri Lanka, trong khoảng tháng 5 Dương lịch. Trong truyền thống Ấn Độ, tháng Vaisākha là tháng diễn ra nhiều lễ hội thu hoạch mùa màng. Phong tục, tập quán, văn hóa và tôn giáo của Sri Lanka ảnh hưởng chính từ Ấn Độ, và lịch pháp của Sri Lanka cũng gần giống với lịch pháp Ấn Độ. Tôn danh "Vesak" được sử dụng đầu tiên tại Sri Lanka. Và sau Đại hội Liên hữu Phật giáo thế giới lần thứ I tại Sri Lanka năm 1950, thuật từ "Vesak" được sử dụng phổ biến tại các nước Phật giáo Nam tông. Kể từ năm 1999, sau nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc về Vesak, "Vesak" được chính thức sử dụng trong Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc và tại một số quốc gia theo truyền thống Phật giáo Bắc tông trong ý nghĩa kính tưởng ngày đức Thích Tôn đản sanh.

Tại Sri Lanka, Phật giáo là quốc giáo. Thời gian lễ hội Vesak, người dân được nghỉ lễ. Tính theo lịch

pháp Sri Lanka, Đại lễ Vesak diễn ra trong hai đêm trăng tròn tháng Vesak, khoảng tháng 5 Dương lịch. Ngoài những buổi lễ tụng kinh và cầu nguyện mang tính tôn giáo, lễ hội Vesak còn có nhiều chương trình mang tính lễ hội dân gian. Trong những ngày lễ hội, tất cả quán bia rượu và lò giết mổ phải đóng cửa. Người dân nước này phóng sanh một số lượng lớn thú vật, chim, cá... Họ thường đến thăm và phát quà cho trẻ mồ côi và người già neo đơn. Mặc dù Phật giáo Sri Lanka thuộc truyền thống Nam tông nhưng trong thời gian này, món chay được bày bán rất nhiều nơi. Hầu hết tư gia Phật tử đều trang trí cờ Phật giáo, lồng đèn và đèn nến... Những nơi công cộng diễn ra nhiều chương trình lễ hội. Trong đó chương trình rước và diễu hành xá-lợi gây ấn tượng và tạo nên xúc cảm nhất đối với người tham dự. Xá-lợi Phật được tôn trí trên lưng những chú voi được trang điểm lộng lẫy với sắc màu mang phong cách Nam Á, theo sau là hàng ngàn Phật tử, diễu hành khắp những đường phố.

Tại Thái Lan, Myanmar, Lào, Cambodia, Phật giáo vẫn là tôn giáo chính và tư tưởng Phật giáo vẫn đang đóng vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của phần lớn người dân. Ngày Vesak là ngày lễ quốc gia và người dân được nghỉ lễ.

Tại Myanmar, ngày Vesak cũng gọi là ngày "The Fullmoon of Kason". Kason là tháng thứ 2 trong 12 tháng theo lịch Myanmar. Đây là tháng nóng nhất trong năm. Nên trong khuôn khổ lễ hội Vesak, người dân nơi đây, với lòng thành kính, đặt những chậu nước tinh khiết trên đầu đội đến những tự viện tưới xuống cây Bồ-đề. Họ tưới cây Bồ-đề để cảm ơn giống cây này đã che chở đức Thế Tôn trong những ngày thiên đình trước khi chứng đạo và ước nguyện năng lực giải thoát luôn trường dưỡng trong họ.

Thái Lan là quốc gia Phật giáo đã bốn lần tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc. Năm nay, Thái Lan tiếp tục đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc. Vesak Day cũng được gọi là Visaka Bochea Day tại Cambodia và Vixakha Bouxa Day tại Lào. Tại Lào, trong thời gian lễ hội Vesak, khí trời nóng bức và không mưa, người ta thường bắn pháo hoa với ước nguyện sẽ có mưa.

Từ đầu kỷ nguyên Tây lịch về sau, Phật giáo



Māhāyāna (Đại thừa) phát triển mạnh và ảnh hưởng khắp Tiểu lục địa Ấn Độ. Rồi, bằng đường Tơ lụa và đường biển, Phật giáo Māhāyāna truyền sang các nước Trung Á và Trung Quốc. Từ Trung Quốc, Phật giáo Mahāyāna, ngày nay thường gọi là Phật giáo Bắc tông (Bắc truyền), ảnh hưởng đến Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản. Lễ Phật đản tại các nước Phật giáo Bắc tông tổ chức vào ngày 8 đến 15 tháng 4 Âm lịch (theo lịch Trung Quốc), với ý nghĩa tưởng niệm ngày Phật đản sanh. Riêng Phật giáo Nhật Bản, kể từ sau Minh Trị Thiên hoàng, Phật đản được tổ chức vào ngày 8 tháng 4 Dương lịch.

Tại Trung Quốc, Phật giáo đã có mặt gần 2000 năm. Phật giáo từng là tư tưởng chủ đạo cho chính quyền và người dân trong một số triều đại. Lễ Phật đản được tổ chức từ thời Tam Quốc, đã ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội qua nhiều giai đoạn lịch sử. Nhưng, ngày nay, Phật giáo không còn ảnh hưởng nhiều trong xã hội Trung Quốc. Người dân biết đến Phật giáo như là một tôn giáo lo ma chay, cúng kiếng, võ thuật... Lễ Phật đản chỉ có thể được tổ chức trong khuôn viên tự viện và ít được xã hội quan tâm. Tuy nhiên, Phật giáo Đài Loan, một phần tinh hoa của Phật giáo Trung Quốc, hiện đang ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống thường nhật của người dân tại lãnh thổ Đài Loan.

Tại Nhật Bản, Phật giáo truyền đến từ cuối thế kỷ VI và là tôn giáo chính trong giai đoạn trung và đầu cận đại. Ngày nay, bên cạnh sự phát triển vượt trội về kinh tế, đời sống tâm linh và tinh thần người dân Nhật Bản đang gặp nhiều khủng hoảng, song Phật giáo Nhật Bản chưa đáp ứng nổi và giải quyết được sự khủng hoảng này. Lễ Phật đản thường gắn liền với lễ hội hoa Anh đào, cũng chỉ giới hạn trong phạm vi tự viện và trong quần chúng Phật tử.

Tại Nam Hàn, những người lãnh đạo quốc gia phần lớn là tín đồ Tin Lành, và đã có dấu hiệu khinh thị Phật giáo. Nhưng trong những năm gần đây, Phật giáo Nam Hàn không ngừng phát triển. Ngày Phật đản là ngày lễ quốc gia. Lễ hội Phật đản diễn ra tại nhiều nơi công cộng, và trên những đường phố. Trưng bày và diễu hành lồng đèn là một trong những chương trình ấn tượng và gây nhiều xúc cảm nhất.

Phật giáo Mật tông truyền từ Ấn Độ đến Tây Tạng vào đầu thế kỷ VII; từ đó, Phật giáo Tây Tạng ảnh hưởng ra các quốc gia rặng Himalaya, gồm Bhutan, Bangladesh, Nepal. Lễ Phật đản trong các nước thuộc truyền thống Tây Tạng diễn ra vào 15 tháng 4 theo lịch Tây Tạng, khoảng cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6 Dương lịch. Ngoài những nghi thức lễ bái, tụng kinh, dâng hương hoa cúng dường tại các tự viện và tư gia, người Phật tử theo truyền thống này thường hành hương đến đỉnh núi Kailash, thuộc dãy Himalaya, phía Tây bắc Nepal. Núi là ngọn núi thiêng của tín đồ Phật giáo Himalaya, Ấn Độ, Kỳ-na giáo và đạo Bon. Những người hành hương cho rằng, đỉnh núi này là nơi hội tụ tất cả năng lực của vũ trụ.

Phật giáo từ Ấn Độ truyền đến nhiều quốc gia, và có ít sự thay đổi để phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng bản địa. Và ba sự kiện Phật đản sanh, Phật thành đạo và Phật niết-bàn cũng được tổ chức với những nghi thức và tại các thời điểm khác nhau theo mỗi truyền thống Phật giáo. Dù người con Phật trong các truyền thống tổ chức tưởng niệm những sự kiện này khác nhau, ngôn ngữ và cách diễn đạt Phật pháp khác nhau, nhưng có chung tinh thần và cảm xúc: cùng nguyện tu theo pháp đức Phật đã tu, làm theo những gì đức Phật đã làm và



đã dạy, cùng hướng đến mục đích tối thượng giải thoát sanh tử, thành tựu Phật quả. Người con Phật trong các truyền thống khác nhau có chung ý nghĩa và cư xử trong tinh thần tương hợp như thế, Phật giáo sẽ mang đến nhiều an lạc và lợi ích cho số đông hơn.■

Nguyễn Lộc
(Nguồn: TS. Pháp Luân số 62)

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

HƯỚNG VỀ PHẬT ĐẢN QUA KINH THÁNH CẦU (Kinh Trung Bộ I, 26)

Tuệ Như

Hằng năm, giao thời Xuân-Hạ, mùa Phật Đản đang tới gần khắp nơi trên hành tinh nhân loại, đối với những ai có phát khởi lòng kính tin hướng tâm đến tinh thần giáo lý của Đức Phật, đều có những giây phút tư duy nghĩ về ngày Đức Phật Đản Sinh.

Một Đức Phật lịch sử, đã thật sự có mặt trong cuộc sống lạc thú thế đời, nhưng lại có sự tu tập từ bỏ các dục, có sự thành tựu chứng đắc vô thượng an ổn, có hành đạo giáo hóa chúng sanh và có tịch diệt viên mãn.

Đức Phật Đản Sinh và tịch diệt cách đây đã hơn 25 thế kỷ. Thế nhưng, toàn bộ tinh thần nội dung giáo lý thâm diệu của Ngài vẫn luôn khẳng định sự tồn tại một cách hùng hồn bất tuyệt, trong sáng và hòa nhập qua từng dòng chảy an bình vào cuộc sống xã hội con người, muôn vật trong mỗi thời đại từ ngàn xưa và mãi cho đến ngàn sau.

Chúng ta nghĩ rằng; nếu một xã hội phát triển tốt, thì cũng chính do sự nhận thức đúng đắn lành mạnh từ phía của con người phát triển. Song song với sự phát triển ấy, Tâm Từ, Vô Tham cùng với Giới-Định-Tuệ cũng phải được phát triển trong hàng ngũ người đệ tử Phật thể hiện qua sự tu tập nhu nhuyễn, thuần tịnh để dẫn đến một trạng thái "Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát".

Do đó, sự xuất hiện của Đức Phật có hai mục đích là ; giữ sự im lặng của bậc Thánh (tu thiên) và trình bày sự Khổ, Khổ Tập cũng như con đường đưa đến Diệt Khổ. Phật dạy: "Này các tỳ kheo, có hai sự tầm cầu này, Thánh cầu và phi Thánh cầu". Với tuệ quán thanh tịnh siêu nhân, Đức Phật đã thấy rõ "Những gì tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già..., tự mình bị bệnh..., tự mình bị chết..., sầu..., ô nhiễm... lại đi tìm cầu cái bị ô nhiễm."

Sự thâm sâu qua lời dạy trên, tất nhiên không phải vượt ra ngoài cuộc sống này mà có được, mà chính nơi sự sâu kín trong lòng cuộc sống mới hiển bày diệu lý thâm sâu. Nếu như ngày nào sự chấp thủ còn có mặt "Đây là tôi, đây là của tôi..." thì mọi vấn đề vẫn còn là sự nắm giữ cái bị sanh, già... ô nhiễm. Bởi vì nguồn gốc của đau khổ là tham và chấp thủ (ngã và ngã sở). Cường độ giao động trong dòng tâm thức con người nói riêng và nói chung là cả một cộng đồng xã hội nhân quần, khuynh hướng phát triển như thế nào về Thiện hay Bất Thiện, Đạo đức hay phi Đạo đức, Giáo dục, Nhân- Nghĩa v.v... sự lành mạnh hóa sẽ đem lại hưng thịnh sung mãn bình an, còn như thấp kém, nghèo nàn bởi do biến chất tha hóa trong tư duy Dục thủ, Kiến thủ... thì mọi biến động bất an sẽ phát sinh cho chính mình và kẻ khác. Đồng thời, mọi việc sẽ mạnh nha xấu hơn trong cuộc sống con người. Thấy rõ nguyên nhân ấy, Đức Phật xác chứng qua lời dạy: "Có người tự mình bị sanh, già, bệnh, chết, sầu bi, ô nhiễm... Này các tỳ kheo, những chấp thủ ấy, Người ấy lại nắm giữ tham đắm, mê say



chúng... Như vậy gọi là phi Thánh cầu." Vì những sự việc trên có liên hệ tích cực đến thế giới ngũ thú uẩn. Như vậy, đồng nghĩa với đau khổ sinh diệt.

Chúng ta thấy, từ một tâm thức náo động và náo hại, lại cộng thêm vào những nhân tố giao động và náo hại khác, từng khoảnh khắc ý niệm vô thường lại thêm vào trong khoảnh khắc vô thường kế tiếp, sự đấu tranh tàn hại do tham đắm, chấp thủ và ô nhiễm gây ra, lại cộng thêm vào những ý niệm đồng tình với những đấu tranh, phân hận và tàn hại khác... Chính vì vậy, đã tạo nên dòng biến động cường độ cho đau khổ và luân chuyển trong biển sanh tử.

Từ nhận thức trên, Đức Phật đã mở ra một sinh lộ để đến thế giới an bình, đó là một hành động có ý thức giác ngộ ngang qua hiện tượng các pháp rằng: "Này các tỳ kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, có người tự mình bị sanh, già, bệnh, chết, sầu bi, ô nhiễm. Sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, già, bệnh, chết... Tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết bàn. Này các tỳ kheo, như vậy gọi là Thánh cầu."

Đức Phật hay Đạo Phật mặc nhiên đã đóng góp sự lành mạnh hóa vào trong mọi tầng lớp xã hội loài người và muôn loài một cách đích thực hơn bao giờ hết, cho dù từ ngàn xưa hay cả ngàn sau. Nếu như sự "bị sanh...đến ô nhiễm" tác hại do các chất độc khí tạo ra từ không gian hay từ dòng nước, thì môi trường sống sẽ bị dẫn đến tàn hại, nhiệt nảo, bệnh tật cho cả một vùng sinh thái. Nhưng ở đây, sự biến động tàn hại nói trên, nó chỉ là hệ quả của ngọn ngành. Điều mà chúng ta muốn nói đến là phải thấy từ nguồn, đó là sự nhiễm hại tàn phá mạnh nha do những ý niệm tà kiến, những kiến chấp do dục tham cuồng nhiệt, những ác tư duy khát vọng mơ hồ, những tư kiến ích kỷ thấp kém đã bị chìm sâu vào lạc thú thường tình... Thì đây, sẽ tạo thành một vòng xoáy, một trục quay có sức công phá cực kỳ nguy hiểm cho thế giới loài người. Đã có biết bao sự bất ổn, mất thăng bằng từ môi trường cho đến tâm sinh lý, cảm tính, nhân tính, đạo đức từ phía con người. Tất cả đều do đắm đuối mê lậm mãi miết của sự đi tìm cầu cái "bị sanh... bị ô nhiễm". Trái lại, tự trong mỗi con người chúng ta ý thức được giá trị sự sống hay cuộc sống một cách đúng đắn cũng như về mọi sự vật hiện tượng (nội giới và ngoại giới). Vì bản chất của nó không ngừng biến động, luôn chuyển động từ một trạng thái này đến một trạng thái khác. Thời như vậy, sẽ dẫn đến ý niệm vô tranh, không nhiệt nảo, định tĩnh, tâm hiền thiện tươi mát. Chính đây là sự mạch nguồn cho đạo lộ an ổn khỏi các khổ ách.

Có ba giai đoạn của Tâm:

- Sanh Tâm: giai đoạn này là thời điểm giao tiếp giữa Căn và Trần.

- Trụ Tâm : Giai đoạn này là hệ quả qua quá trình giao tiếp để xuất hiện một dòng lực tham ái, chấp thủ, hữu.

- Diệt Tâm : Đến giai đoạn này, nói lên công năng vận dụng ý thức trong quá trình có tư duy tu tập để được hữu phần đoạn diệt, nhằm chán, ly tham.

Trải qua ba giai đoạn trên, chúng thấy cái nhìn đặc biệt của bậc đạo sư về thiền tư, thiền quán, giúp cho chúng ta có dịp nhìn lại sự dong ruổi của tâm theo dòng luân chuyển bất định trong cõi tử sanh. Trong một bài kinh khác, Đức Phật đề cập đến một trạng thái trở buộc do dục hỷ sinh ra và cũng chính đoạn trừ mọi dục hỷ mà một hành giả mới được thông dong tịnh lạc, Phật dạy:

*"Chính HỖY trối buộc đời
Tâm cầu dẫn hạnh đời
Do đoạn trừ KHÁT ÁI
Mới được gọi NIẾT BÀN"
(Kinh Tương Ưng I. 39).*

Điều mà chúng ta thấy ở giáo lý duyên khởi (12 nhân duyên), đó là lý do vì sao Đức Phật giải thích về con người lại phải có mặt trong cuộc đời này. Và vì sao Đức Phật lại do dự không muốn trình bày "Pháp" mà Ngài đã trải nghiệm và thực chứng vô thượng bồ đề, Phật dạy: "Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái lạc ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý (y tánh duyên khởi pháp), thật khó mà thấy được tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y đều được từ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết bàn".

Theo lý duyên khởi, tương quan tương duyên với nhau mà các pháp khởi lên, chuyển biến và đoạn diệt. Do đó, thiền tư thiền quán lại đóng một vai trò quan trọng trong việc tu tập để chuyển hóa. Nếu như không nhận thức được rằng: "Tự mình bị sanh... lại đi tìm cầu cái bị sanh..." chính ở đây, vị ấy không thấy lý duyên khởi của vạn hữu. Và trải lại là đoạn trừ mọi kiết sử, thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp, thực tập, dẫn đến một trạng thái tịch tịnh Niết bàn. Do sự chứng ngộ và thành tựu trên, bậc đạo sư đã nói lên lời kệ:

*"Hết thầy pháp không nhiễm
Hết thầy pháp xả ly
Ta sống chân giải thoát
Đoạn tận mọi khát ái..."*

Đến đây, Đức Phật cho biết thêm về sự cột trói đối với vị đang tu tập, chính là năm dục tăng trưởng (sắc, thính, hương vị, xúc) khi được khởi lên "khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục hấp dẫn... không thấy sự nguy hại của chúng, không rõ sự xuất ly khỏi chúng mà thọ dụng chúng... Các người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa. Thời như vậy, vị ấy đã bị ác ma xử như ý muốn, không vượt khỏi tầm mắt của ác ma". Một điều nữa, mà chúng ta cần phải thấy ở lời dạy qua bài kinh này là:

- Nếu như vị có tu tập, không sanh tâm tham đắm, không bị sự cầu nhiễm là vấn đề cần thiết, không để lại những vết tích trên con đường giải thoát, như cánh chim bay vào hư không, đó là kết quả của người tu theo Phật.

Cho nên năm chi thiền Sắc giới (Tâm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) và Tứ thiền Vô Sắc giới, trú và Diệt Thọ Tướng, thấy với trí tuệ, các lậu hoặc không còn. Chính ở đây là cứ địa, là nơi trú ẩn an ổn, bấy giờ hành giả thật sự vượt khỏi tầm mắt của ác ma, vượt thoát khỏi những ý lực của ác ma, vị ấy đã làm cho



Bến Bờ Thiêng

*Chuông ngân từng tiếng thật linh thiêng,
Cảnh tịnh hàm linh vui khắp miền.
Rũ bỏ phàm tình, nương Chánh Đạo,
Gieo trồng tuệ nghiệp, chứng Tâm Nguyên.*

*Kinh vàng sớm tối, xua niềm tục,
Kệ ngọc trưa chiều, kết thắng duyên.
Khổ hải trầm luân thôi tác nghiệp!
An lành vững chãi bến bờ thiêng.*

thơ

TRÚC NGUYÊN

ác ma mù mắt.

Với những ý nghĩa trên, chúng ta có thể hiểu nôm na rằng: Do nhiếp tâm chánh niệm tỉnh giác, rõ biết được Khổ và nguyên nhân của Khổ. Đồng thời, tìm cầu đạo lộ an ổn vô thượng, vượt thoát khỏi các triền ách, chấm dứt mọi khổ pháp, thành tựu vô thượng thiện pháp, giải thoát (Diệt và Đạo).

Với kinh nghiệm bản thân của Đức Phật, từ khi còn là một đạo sĩ lang thang tầm đạo đến khi chứng đạt vô thượng bồ đề là một quá trình tu tập thể nghiệm chơn lý. Sau đó, Đức Phật đã thật sự công bố chánh pháp vào đời:

*"Giống lên trông bất tử
Trong thế giới mù lòa..."*

Ta thấy, Đức Phật không dấu lại những gì trong bàn tay của một người thầy, Ngài chỉ dạy sự tu tập như chính Ngài đã trải nghiệm.

Hôm nay, với một nghĩa cử mà tất cả chúng ta cùng nghĩ về ngày Đức Phật Đản sinh. Và qua lời dạy của Ngài, trong tinh thần giác ngộ tu tập và giải thoát, với sự hướng tâm chánh niệm ấy, Đức Phật luôn đản sinh trong cuộc đời và Đức Phật hằng đản sinh từng ý niệm tỉnh thức trong mỗi chúng ta ngay giây phút hiện tại.

Tháng 4.2013
Tuệ Như

TRẦM TƯ VỀ NGÀY ĐÀN SANH

Tâm Minh – Vương Thúy Nga

Kính bạch Thầy,
Học lịch sử đức Phật Thích Ca từ sơ sanh đến xuất gia có nhiều đoạn làm cho con xúc động mạnh ngay từ khi còn là một Thiếu nữ GPĐT Gia Thiên cho đến hôm nay, hơn nửa thế kỷ đi qua... niềm xúc động đó hình như vẫn không thay đổi.

Thật vậy, đoạn kể thái tử Tất Đạt Đa không chạy theo người lớn xem lễ hạ điền như các vương tôn công tử khác trong hoàng gia mà tìm đến một gốc cây táo ngồi tĩnh tọa, không phải chỉ ngồi vài ba phút mà ngồi hằng giờ, không phải ngồi vẽ bậy vẽ bạ, vọc đất vọc cát như những trẻ con nhà dân giả, mà ngồi tham thiền hẳn hoi...

Con học tập được nơi vị thái tử này rằng sự tĩnh lặng có khả năng đạt được sự chú tâm, cao độ, từ đó chúng ta có thể khám phá ra hay giải quyết được những điều, những vấn đề, những thắc mắc... mà trước khi đạt được sự tĩnh lặng trong tâm chúng ta không thể. Thật vậy, từ một bài toán, một câu hỏi, một vấn đề "khó giải thích đối với tuổi 14, 15" đến những vấn đề thị phi của cuộc đời phiến toái, rồi đến những vấn đề phức tạp hơn ở những khúc quanh của đạo pháp, dân tộc, v.v... tất cả đều có thể quán chiếu để nhìn thấy rõ hơn, hiểu được sâu sắc hơn, để có thể ổn định tâm mình, có thể định hướng đời mình, hay trung thành với lý tưởng, với sứ mệnh của mình, v.v... Con rất biết ơn cậu bé / chàng tuổi trẻ Tất Đạt Đa...

Thái tử Tất Đạt Đa lớn lên cùng với tài năng, ý chí sắt đá, và nhất là tâm từ bi của ngài... Con học tập gương sáng dũng cảm của ngài khi phải quyết tâm rời bỏ người vợ và đứa con thơ để lên đường theo tiếng gọi của lòng từ bi đang thúc giục. "Ba lần ngài bước ra ba lần ngài trở lại" ... Hình ảnh ấy đã gợi lên trong con một cái gì thật cao cả, thật thánh thiện, làm con ngưỡng mộ và xúc động mạnh hơn rất nhiều so với hình ảnh một Kinh Kha liều mình cứu nước hay một Phù Đổng Thiên Vương xông ra đuổi đánh giặc Ân, hay hình ảnh người chinh phu

xếp bút nghiên lên đường tranh đấu. Con xúc động vì ngài dám dẫn thân đi về một nơi vô định tìm đường cứu chúng sanh, cứu nhân loại, không phân biệt quốc gia dân tộc, màu da. Ngài nói không có ranh giới trong giọt nước mắt cùng mặn giọt máu cùng đỏ, nên ngài không cầu hạnh phúc cho riêng gia đình mình, dân tộc mình, đồng loại mình mà bất cứ chúng sanh nào đau khổ ngài đều phát nguyện cứu hộ! Từ một con cừu nhỏ bé ở xứ Ấn Độ đương thời (chuyên giết súc vật để cúng tế thần linh) cho đến con hổ đói trong một tiền kiếp... ngài đều có thể hy sinh thân mạng mình để đổi lấy sự sống, sự bình an cho tha nhân không so đo, tính toán... Những hình ảnh đó soi rọi vào tâm con như ánh sáng mặt trời chiếu vào

hang tối, làm bừng sáng tâm con; và đọc lịch sử ngài con như thấy tâm hồn mình được nâng cao, trí óc mình được toả sáng như được chuẩn bị để sau này lớn lên có thể học và hiểu những giáo lý mẫu nhiệm như Ngũ uẩn, Duyên Khởi, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo... Và trên hết, để làm kim chỉ nam cho cuộc đời mình.

Mùa Đản sanh lại về, những cây bồ đề lại một lần thay lá... Con biết ơn ngày Phật Đản đã đưa Bồ tát Hộ Minh đến cõi Ta Bà này và con cũng biết ơn Thầy đã truyền đạt giáo lý nhiệm mầu của đức Phật đến Anh Chị Em chúng con, đã gieo vào tâm của chúng con những hạt bồ đề để một ngày nào đó trong một kiếp nào đó sẽ nở hoa Giác ngộ...

Câu mong Thầy sức khoẻ và vô lượng an lạc.

NGHE RA

*Hiên ngoài
Thềm cửa lạnh sương
Nắng mai về ngủ
con đường bông dung
Chim thức giấc
hót vang lưng
Nụ cười môi Phật
như chuông nghe ra...*

THÁNG TƯ RẼM

*Ta ngồi lại soi mình trên bến vắng
Giữa hoang tàn ai vẽ giấc mơ hoa
Đêm huyền diệu muôn sao trời chợt sáng
Tháng tư rằm Phật ngự giữa lòng ta.*

MẶC KHÔNG TỬ



thơ

ÔNG BỤT TRONG TÔI

Thích nữ Chúc Hiếu



Giữa lúc khắp thế giới đang hân hoan, náo nức chuẩn bị đón mừng Đại lễ Phật Đản thì lòng tôi cũng thấy nao nao kỳ lạ và sâu tận tâm hồn luôn nhắc tôi nhớ đến hình ảnh cao quý của đức Như Lai ngày nào. Đặc biệt hơn, trong những phút giây này, tôi lại nhớ đến bài thơ mà tôi đã được học trong cái thời gọi là “Bước đầu học Phật.” Không hiểu sao, chỉ đọc qua một lần bài thơ này, tự nhiên nó đã ăn sâu vào tận tâm trí tôi và khiến mình không sao quên được:

**Phật tại thế thời ngã trầm luân
Kim đặc nhân thân Phật diệt độ
Ao nào thử thân đa nghiệp
chướng**

Bất kiến Như Lai Kim sắc thân.

*(Thuở Phật ở đời con chìm đắm
Nay được thân người Phật diệt độ
Buồn thay thân này nhiều nghiệp
chướng*

Không thấy thân Vàng đức Như Lai).

Ngẫm lại sự Đản sanh của Ngài, quả thật là một sự ra đời rất cao quý. Ngài đã thị hiện xuống trần gian chỉ với mục đích duy nhất là đem lại an lạc cho muôn loài. Hình ảnh “thân Vàng Như Lai” ở đây không nhất thiết là chỉ nói đến sắc thân với đầy đủ ba hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mà còn thể hiện ở cuộc đời 49 năm thuyết pháp độ sanh không hề biết mệt mỏi. Ngài đã đi khắp nơi, với tâm Từ bi vô lượng, Trí tuệ vô biên đã xây dựng nền cho nhân loại một nhân gian Tịnh Độ thật an lành và thanh thoát. Bất cứ một chúng sanh nào, một con người nào, từ hàng vương giả cho đến kẻ bần cùng, nếu có duyên gặp Thế Tôn là đều được gội nhuần giáo pháp Ngài truyền trao, được giác ngộ và giải thoát khổ đau.

Có thể nói, trong thời đức Thế Tôn còn hiện thế, bước chân Ngài đi đến đâu là nơi đó có được sự an lạc. Con người chỉ cần nhìn thấy hình bóng Ngài từ xa, đã tạo cho họ một sức cảm mến, kính trọng kỳ lạ từ đức Từ Bi vô lượng của Ngài... Một sự gặp gỡ đầy ý nghĩa và lợi ích như vậy, thật còn hạnh phúc nào sánh bằng. Trong thời điểm ấy, có lẽ chúng ta đang

chìm đắm ở phương trời nào, mãi đến hôm nay mới hiện hữu nơi cõi trần ai này, cho nên đã không còn được nhìn thấy sắc thân tướng hảo của Ngài. Tuy nhiên, nếu nhìn sâu về pháp giới tánh, có thể chúng ta sẽ thấy được Phật một khi tâm chúng ta đạt được thanh tịnh hoàn toàn, như câu nói: “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Dầu biết là vậy, nhưng mỗi khi ngắm lại tự thân, sao lòng vẫn cảm thấy mình còn thiếu phước duyên, không được gặp Phật tại thế để chiêm ngưỡng tướng hảo của Ngài và trực tiếp nghe Ngài thuyết pháp.

Đối với chúng ta đang sống trong kiếp hiện tại này, đều đến với Phật pháp bằng niềm tin qua nguồn giáo lý Ngài để lại. Thế nhưng hầu như trong mỗi chúng ta đều luôn hiện hữu một niềm tin mãnh liệt rằng Đức Phật vẫn còn tại thế, vẫn luôn dõi theo từng bước chân của chúng sanh để dẫn dắt, chỉ lối cho nhân loại đi lên bờ giác. Đức Phật sẽ hiện hữu tùy theo sự lắng đọng tâm thức của những ai biết tu tập theo điều lành.

Quả thật như vậy, có lẽ do duyên lành từ bao kiếp, nên từ thuở nhỏ, tôi đã biết phát tâm xuất gia học đạo. Hình ảnh đức Phật lúc đó trong tôi thật tuyệt vời, Ngài đẹp và hiền từ như ông Bụt trong truyện cổ tích ngày xưa mà Ngoại tôi thường hay kể mỗi khi đêm về. Nhờ nương hình ảnh ấy nên lâu như những lúc buồn vui, tôi đều biết hướng về Ngài, vì tôi tin rằng Ngài có thể thấu hiểu cho nỗi lòng của mình. Hình ảnh đức Phật lúc ấy là ông Bụt hiền từ hiện ra hỏi rằng: “Làm sao con khóc”... rồi ông Bụt đã hóa phép giúp tôi hết buồn, đồng thời còn dạy khuyên cho nhiều điều hay. Cứ như thế, mỗi khi có chuyện gì không vui, tôi đều mơ tưởng đến ông Bụt và thế là ông Bụt luôn hiện ra trong tâm trí, trong sự tưởng tượng của tôi, giúp tôi giải thoát mọi ưu phiền. Chính niềm tin đó là

động lực mạnh mẽ đưa tôi vào chốn thiền môn, bởi lúc ấy tôi đã nghĩ rằng ông Bụt trong chùa sẽ linh thiêng hơn ông Bụt ở nhà.

Qua những tháng năm dài nghiên tầm Phật pháp, học hiểu về lịch sử cuộc đời Đức Phật, về quá trình hoằng dương chánh pháp của Ngài và những giáo pháp nhiệm mầu Ngài đã chỉ dạy, tâm trí tôi đã thật sự khai mở, liễu ngộ được giá trị đích thực về Đức Phật, về đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, về đấng cha lành của trời người. Hình ảnh đức Phật trong tôi giờ đây đã trở nên thiết thực hơn. Ngài không còn là ông Bụt sẵn sàng hiện ra mọi lúc mọi nơi để hỏi tôi rằng: “Làm sao con khóc”, mà Đức Phật lúc này là đấng Từ phụ tuyệt vời cho tôi nương về tu học, là bậc Thầy của trời người, chỉ cho tôi con đường chơn chánh để tiến về bờ giác.

Trong quá trình tu học, đã có biết bao nghịch cảnh, chướng duyên đưa đẩy, khiến tâm hồn chao đảo, lao xao. Nào là danh, lợi, sắc, tài; nào là được, mất, hơn, thua... biết bao là buồn vui lồi cuốn. Nhưng có một điều đặc biệt rằng, dù gặp phải bất cứ nghịch duyên nào, trong tôi vẫn có hình ảnh ông Bụt ngày xưa. Và lúc ấy, không có gì an lạc bằng cách để niềm tin vào Đức Phật, đem tất cả những nỗi buồn chia sẻ cho Phật nghe; rồi những bài giáo lý mà Ngài đã để lại như Nhẫn nhục, Tinh tấn, Bố thí, Ái ngữ, v.v... lại lần lượt giúp tôi trút bỏ mọi muộn phiền, giúp tôi thêm năng lực tiến thân trên con đường tìm cầu học đạo. Ngài luôn hiện hữu bất cứ lúc nào tôi gặp phải những vướng mắc trên đường đạo. Đó chính là động lực cao quý giúp cho tôi luôn giữ vững niềm tin tu học và thừa hành Phật sự:

*Trong con có Phật tuyệt vời
Ngài như ông Bụt nói lời Từ bi
Giúp con vượt thoát hoài nghi
Tiến tu đạo nghiệp còn chi nào
phiền.*

NHẬN ĐƯỢC TIN BUỒN NHÀ VĂN VÕ HỒNG

(1921 - 2013)

**vừa qua đời lúc 14 giờ chiều ngày 31 tháng 3 năm 2013
tại thành phố Nha Trang, Việt Nam. Thọ 92 tuổi.**

*Thành kính phân ưu cùng toàn thể tang quyến, đồng thời cầu
nguyện nhà văn Võ Hồng thong dong về miền Lạc cảnh.*

*Vài lời của Vĩnh Hào viết về Thầy Võ
Hồng:*

Tôi được đọc hai tác phẩm của ông từ thuở niên thiếu. Lúc ấy, người giới thiệu tôi đến với văn chương Võ Hồng là người anh kế, Vĩnh Hiếu, 12 tuổi. Người anh này đã đọc truyện Võ Hồng rồi giới thiệu cho đứa em 11 tuổi, là tôi. Anh ấy trực tiếp học nhà văn Võ Hồng (môn gì đó, hình như là Việt văn) ở trường Bồ Đề Nha Trang. Cũng chính nhờ người anh này mà tôi được biết mặt, vòng tay cúi đầu chào "Thầy Võ Hồng" khi ông đến thăm song thân của tôi.

Có thể nói truyện dài đầu tiên tôi đọc trong đời là "Nhánh Rong Phiêu Bạt" của nhà văn Võ Hồng, đọc từ năm 1970 khi tác phẩm vừa được xuất bản. Sau đó là cuốn "Trăm Mọc Cây Rừng." Rồi lúc đặc suốt mấy mươi năm sau đó, chỉ được đọc những truyện ngắn và tùy bút của ông qua báo chí và các web-sites.

Ký ức từ ấu thời của tôi chỉ ghi nhận được hình ảnh ông nhà văn cao ngệu, bước đi chậm chậm, nói năng nhỏ nhẹ... Nhưng có lẽ văn chương của ông đã đóng một dấu ấn sâu đậm trong lòng tôi, cũng như trong đời làm văn của tôi. Văn, truyện của ông, từ nhỏ đến lớn, lúc nào đọc tôi cũng rơi lệ, cảm động, và hạnh phúc.

Ông là nhà văn lặng lẽ, hiền lành nhất, và chính cái lặng lẽ hiền lành này đã ảnh hưởng thật rộng và sâu đến nhiều thế hệ cầm bút (hay không cầm bút) đi sau ông.

Nếu phải dùng lời ngắn để mô tả về ông, tôi sẽ nói: một nhà văn trầm mặc sâu sắc, một nhà giáo mẫu mực đáng kính đáng yêu, một người cha tuyệt vời cho bất cứ đứa con nào trong cuộc đời.

Tôi muốn, lại được một lần, như cách nay trên 40 năm, vòng tay cúi đầu trước Thầy Võ Hồng, và được ông xoa đầu một cái thân thương...

Sau đây là bài thơ của Nhà văn Võ Hồng, trích từ mục thơ "Thời gian mây bay" của ông. Mục này chỉ có vồn vẹn 9 bài thơ được lưu lại từ quãng đời 90 năm của một nhà văn lặng lẽ ở thành phố biển Nha Trang.



DI NGÔN

Sau khi tôi chết

Xin giữ y nguyên dùm mọi dấu vết

Của những ngày u buồn trĩu nặng hồn tôi

Đây: cây bút màu đen sớm tôi không rời

Đây: cuốn vở cất đầy những mảnh lòng hiu hắt

Kìa: chồng sách không bao giờ ngăn nắp

Này: góc vườn, hoa rụng trái lồi đi

Trên khung rào thưa, lá khê thâm thì

Nơi sân thượng xin để nguyên chiếc ghế

Kê sát lan can, hướng xuống mặt đường

Nơi những đêm dài, trong tôi đây sương

Tôi ngồi lặng, mắt chong chờ đợi

Đợi một người đi không hẹn trở lại

Hun hút đường dài... vun vút xe qua

những dáng ngược xuôi... những cặp hẹn hò

Bầy chó lang thang... hàng cây đứng lặng

Chia sẻ nỗi niềm: từng ngôi sao xa

Người đi không về. Giờ đang nơi đâu?

Cực lạc non Bông hay cõi Diêm phù

Đêm trắng trải dài... . Mỏi mòn đêm trắng

Canh hai... canh ba... từng canh qua mau

Cho đến một ngày kia... tôi sẽ nhẹ nhàng già từ

Hạnh phúc yêu thương... Bằng giá mây mù ...

Nhưng trên sân, chiếc ghế cô đơn uy nghi còn đó

Tiếp tục ngồi chờ, lặng lẽ chờ cho mãi đến thiên thu.

(Võ Hồng - 1989)

Buổi chiều qua cầu Ngân Sơn nhớ Võ Hồng

THÍCH PHƯỚC AN

Cách đây mấy năm, trên một chuyến xe đò muộn về thăm quê. Khi xe đi ngang qua cầu Ngân Sơn, thì lúc ấy đã 5 hay 6 giờ chiều. Dù đã nhiều lần đi qua đây, nhưng có lẽ buổi chiều cuối xuân năm ấy, là buổi chiều mà tôi đã nghĩ nhiều nhất về Võ Hồng.

Tôi tưởng tượng rằng, hồi còn nhỏ chắc mỗi chiều ông vẫn thường ra đứng ở nơi này, để nhìn rắng đỏ nơi rặng núi phía Tây kia? Rồi nhìn bóng chiều xuống chậm trên dòng sông này? Chắc phải vậy! Vì trong tác phẩm của Võ Hồng thì cái đẹp của thiên nhiên và cái đẹp của đất trời, tôi cho là những cái đẹp mà Võ Hồng đã viết hay nhất. Nhưng trong cái đẹp đó, Võ Hồng luôn luôn đưa vào thiên nhiên một chút sầu, hay ngậm ngùi cho một cái gì đó đã hay đang sắp mất đi trên cuộc đời này. Tại ông bi quan chăng? Hay tại vì cái đẹp mong manh của những buổi chiều tà trên dòng sông tuổi thơ dạo nào cứ ám ảnh ông mãi.

Nhưng chính nhờ có được kinh nghiệm nội tâm ấy, mà thiên nhiên với Võ Hồng không phải chỉ để thưởng ngoạn thôi, mà ông còn cho ta thấy một giá trị nữa, quan trọng hơn. Đó chính là, thiên nhiên cũng rất cần cho ta như một người bạn thân thiết vậy, vì cái đẹp của thiên nhiên có thể làm cho ta với bớt đi những đau khổ mà chắc rằng không nhiều thì ít, mỗi người trong chúng ta đang âm thầm gánh chịu. Trong truyện ngắn **Hãy Đến Chậm Hơn Nữa**, Võ Hồng đã viết: "... Anh đã hưởng được gì ở cuộc đời? Nghe nói tiếng chim tu hú vào đầu mùa hè, ngửi một mùi thơm của hoa mù-u trong buổi chiều, nhìn những con chuồn chuồn đảo lộn trên nền trời sau cơn mưa. Những niềm vui ấy quá nhỏ so với nỗi khổ đang đè nặng của anh..."

Dường như khi về già, sống cô độc giữa phố phường ồn ào và

đầy bụi bặm, thì tiếng con chim tu hú lạ lùng ở vùng quê Ngân Sơn đã quá xa xôi đó, lại sống đây một cách mãnh liệt trong ông:

"Đâu phải chỉ người mới không sai hẹn

Cuối tháng giêng, tu hú gọi vang trời"

Hai câu đó trích từ tập **Hồn Nhiên Tuổi Ngọc**, tập thơ mới nhất mà Võ Hồng đã viết cho tuổi thơ. Trong tập thơ này, ta thấy Võ Hồng muốn trao đến cho tuổi thơ một điều rất giản dị: điều giản dị đó là, hãy bắt đầu quan sát rồi rung động trước mọi vẻ đẹp mà tuổi thơ đã có dịp nhìn thấy hàng ngày. Chẳng hạn có thể là một gốc khế già đứng khiêm tốn trong khu vườn, một cây bàng hiu quạnh bên vệ đường, hay niềm vui chứa chan khi cơn mưa đầu mùa chợt đến.

Chính những sự vật mà tuổi thơ đã từng rung động đầu tiên này sẽ rất cần thiết. Vì từ đó, tâm hồn chúng ta mới có thể giao cảm được với cái đẹp của thiên nhiên và của đất trời. Ta có thể kết luận mà không sợ sai rằng, tình người, tình nhân loại hay bất cứ thứ tình cao cả nào khác, cũng phải được khởi đầu bằng những rung động đơn sơ ấy.

Một đám mây trắng bay cô độc trong buổi chiều tà, sẽ chẳng có nghĩa gì cả đối với một người đang náo nức đợi giờ đến nhà hàng. Nhưng chắc rằng, nếu một người biết rung động trước cái đẹp của thiên nhiên và đất trời, thì khi nhìn đám mây

trắng họ sẽ chạnh lòng nghĩ đến biết bao sự đau khổ của con người: những kẻ bơ vợ không nhà không cửa, rồi sẽ không có một nơi nào để trở về khi đêm tối đang đến:

*Chiều ngồi tựa cửa
Nhìn áng mây xa,
- Về đâu lát nữa
Hỡi mây không nhà?
(Hồn nhiên tuổi ngọc)*

Phải chăng đây cũng là những gì mà Võ Hồng đã từng muốn thể hiện trong các tác phẩm của ông?



Nhà văn Võ Hồng dưới cây khế sân nhà

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: “THE BLUEPRINT OF HAPPINESS” by Ven. ANOMA MAHINDA

Người dịch: HT. Thích Trí Chơn

(tiếp theo kỳ trước)

MỤC ĐÍCH (của Đạo Phật)

Mục đích của phần lớn tôn giáo là mơ hồ, mập mờ, không lời cuốn được sự chú ý của con người hiện đại. Cõi Trời và Địa Ngục, Thiên Đàng và sự Chuộc Tội, là những sản phẩm thời cổ ban sơ của loài người, và chúng nhằm đáp ứng sự giải đáp các điều huyền bí mà không thể cắt nghĩa được. Những quan niệm đó không có trong triết học Phật Giáo. Những phát minh khoa học và kiến thức tiến bộ đang phá đổ các niềm tin cổ thời này. Trong khi những điều trên và ý tưởng khác sụp đổ trước sự tấn công mãnh liệt của khoa học, chúng ta kinh ngạc nhận thấy rằng Phật Giáo (*Dhamma*), mặc dù với nguồn gốc cổ xưa của nó, hiện vẫn đang còn tồn tại.

Chúng ta ngày càng hiểu biết rằng những điều khoa học phát minh hàng chục năm qua, đều đã được đức Phật thuyết giảng hơn hai mươi lăm thế kỷ trước đây. Tuy nhiên, sự kiện này sẽ không làm ngạc nhiên những ai thấu rõ được lý thậm thâm vi diệu của sự Giác Ngộ; hay hiểu biết rằng khi đức Phật chứng đắc Bồ Đề, Ngài đã có huệ minh thấy rõ bản chất của sự sống, và điều ấy thích hợp tự nhiên với kiến thức mà khoa học đã chứng minh.

Đức Phật, bằng lời nói giản dị đã dạy rằng, nếu chúng ta thọ trì đầy đủ các điều răn của luật giới, chúng ta có thể vượt thoát khỏi sự luân hồi khủng khiếp triền miên. Nền giáo lý này là Bát Chánh Đạo, dẫn đến sự chấm dứt lòng tham, sân và si. Đây là cứu cánh, và chúng ta gọi là Niết Bàn (Nibbana). Đó không phải là nơi con người đến sau khi họ chết, hay cảnh giới của những hương linh quá cố. Nó là trạng thái của cái tâm thanh tịnh tuyệt đối, mà chúng ta có thể thành tựu trong đời này; không còn lại nguyên nhân gì, có thể sẽ gây ra để dẫn đến một sự tái sinh mới.

Phần đông chúng ta đã trải qua vô số kiếp luân hồi, mới đạt tới được trình độ như ngày nay. Và phải cần đến bao nhiêu kiếp nữa để chúng đắc hoàn toàn quả vị Niết Bàn, tùy thuộc vào những nỗ lực (tinh tấn) mà chúng ta đã chuẩn bị thực hành trong hiện tại.

Đức Thế Tôn không bao giờ dạy Phật Đạo là con đường dễ dàng. Muốn thành đạt mục đích, nó đòi hỏi cả sự hiểu biết và quyết tâm; nhưng bảo rằng đó là điều khó khăn không có nghĩa là một thiện nam, hay tín nữ sáng suốt không thể thực hành theo được.

Đạo Phật hay phương pháp sống theo Phật Giáo, được diễn tả như điều hướng dẫn tốt đẹp, tạo ra do sự phát triển, tu sửa (thân tâm), và dẫn đến sự An Lạc Hoàn Toàn. Đức Phật đã thực hiện một cuộc phân tích tuyệt đỉnh về những điều ác và phiền não của nhân loại. Ngài dạy, tất cả đều do lòng Tham, Sân và Si.

Chúng ta khó tìm thấy bất cứ sự xấu ác hay tai họa nào do con người gây ra mà chúng không nằm ở một hay nhiều hơn trong các điều độc hại kể trên. Nhưng chính nhờ sự chinh phục, chế ngự lòng tham, sân và si, giúp chúng ta chứng đắc Niết Bàn, đó là “*Sự thanh tịnh ở nội tâm, khi các dục vọng được kiểm soát và lòng tham đắm không còn.*”

Những kết quả của con đường sống theo Phật Giáo (mang lại) gồm trong đời hiện tại và kiếp sau. Người chấp nhận giáo pháp (*Dhamma*) và bắt đầu đi theo con đường Đạo của Đức Phật, sẽ đạt được kết quả nhanh chóng. Nếu chúng ta không đắc quả Niết Bàn trong đời này, thì các kinh nghiệm và tiến bộ chúng ta đã làm được, không những chỉ giúp chúng ta thành tựu nhanh chóng hơn vào những kiếp sau, mà chúng sẽ còn tạo nên các thiện duyên giúp chúng ta đạt được quả vị (Niết Bàn) ấy.

Những kết quả tức thì của cuộc sống hạnh phúc hơn, sự mãn nguyện và an lạc nội tâm là phần thưởng vô giá cho những ai đi theo Ánh Sáng của Phật Giáo.

“*Do lòng tham, sân si và sự chế ngự của những ác tính đó, con người đã gây tai hại cho chính mình, kẻ khác, cả hai phía, và dẫn đến khổ đau, phiền muộn tinh thần. Nhưng khi đoạn diệt hết tham, sân, si, con người không còn gây tai hại cho mình, kẻ khác, hoặc cho cả hai; và khổ đau phiền não tinh thần cũng không xảy ra*” (Kinh Tăng Nhứt A Hàm 3).

“*Ờ đó, này A Nan, vì sa môn nghĩ thế này: Đây là sự An Lạc, đây là điều Tối Thắng, đây là sự tận diệt vòng luân hồi đã gây nên nghiệp báo (Kamma); sự xả bỏ tất cả những nguồn gốc của Hữu (chấp cố), sự đoạn trừ lòng ái dục, và chứng đắc quả vị giải thoát, Niết Bàn*”. (Kinh Tăng Nhứt A Hàm)”.
“*Sự tận diệt tánh tham, sự tận diệt tánh sân và sự tận diệt tánh si: như vậy đích thực gọi là Niết Bàn.*” (Tạp A Hàm 38).

(còn tiếp)



THE GOAL

The goal of most religions is either vague, ill-defined or without appeal to the modern mind. Heaven and Hell, Paradise and Purgatory, are the products of man's primitive past and served to account for mysteries which could not be otherwise explained. None of these concepts occur in Buddhist Philosophy. Scientific discoveries and advancing knowledge are playing havoc with these legendary beliefs. As these, and many other ideas, crumble before the onslaught of science, we observe, the astounding fact that the Dhamma, in spite of its ancient origin, is being vindicated.

We are finding, more and more, that the discoveries over the last decade were taught by the Buddha more than twenty-five centuries ago. This, however, will not surprise those who understand the profound depth of the phenomena of Enlightenment, or that the Buddha when He attained it, had insight into the facts of life which would naturally conform to the knowledge which science has unraveled.

The Buddha explained, in simple language, that if we fulfill the obligations of morality, we can overcome the continual horror of rebirth. This morality is the Noble Eightfold path which leads to the end of greed, hatred and delusion. This is the goal and we call it Nibbana. It is not a place where people go when they die or a land of departed spirits. It is a state of utter tranquility of the mind which we can enjoy in this life, leaving no conditions which will give rise to a new birth.

For most of us it has taken countless rebirths to arrive at our present standard. How many more will be required to reach the perfection of Nibbana, depends on the efforts we are prepared to make now.

The Master never pretended that the Path was easy one. The attainment of the goal requires both understanding and determination, but to say it is not easy does not mean that it is impossible to follow for an intelligent man or woman.

Buddhism, or the Buddhist way of life, may be described as good conduct brought about by mind development and training and leading to Perfect Peace. The Buddha made an unsurpassed analysis of the evils and troubles of mankind. They were due, He said, to Greed, Ill-Will and Delusion.

It would be difficult to find any man-made evil or tragedy which did not fall under one or more of these categories. Yet it is precisely the conquest, the overcoming, of greed, hatred and delusion which lifts us to attain Nibbana which is, "*Tranquility of the mind when the passions are brought under control and all attachment ceases.*"

The fruits of the Buddhist way of life are both immediate and ultimate. Results are very quickly observed by those who accept the Dhamma and begin to walk on the Path of the Master. If we do not attain Nibbana in this life, the experiences and progress we have made, not only lead to a more rapid attainment in a successive birth, but will provide more favourable conditions to do so.

The more immediate fruits of happier living, contentment and peace of mind, are the priceless rewards of those who walk in the Light of the Buddha's Teaching.

"*Through greed, ill-will and delusion, and through being overwhelmed by them, one aims at*

Mừng Phật Giáng Sinh

Ô hay ưu đàm nở
 Phật xuất thế độ đời
 Gương trí tuệ sáng ngời
 Cho người noi theo học
 Ta bà là cõi trọc
 Vốn vô thường - hư vô
 Giáng Tứ Đế ba lần
 Chỉ con đường lia khổ
 Nhất bát và tam y
 Đi bốn phương giáo hoá
 Giới đức hương lan toả
 Lợi lạc khắp gần xa
 Thương con kẹt hỏa gia
 Thuyết lời sư tử hồng
 Rộng mở đường thoát ra
 Tám vạn môn lòng rộng
 Hồng đức cho quần manh
 Thọ hưởng phước an lành
 Mừng Thế Tôn giáng sanh
 Con đê đầu đánh lễ.

thơ

Ưu Đàm Hoa

Huyền thoại ngàn năm nở một lần
 Tâm bình an lạc, đức thanh tân
 Như Lai xuất thế truyền trao Pháp
 Ba ngàn thế giới thăm Phật ân.

ĐỒNG THIÊN

(GA. Apr. 2013)

the ruin of oneself, of others, and of both parties, and mental pain and grief come about. But when greed, ill-will and delusion are overcome, one aims at neither the ruin of oneself, of others, or of either party, and mental pain and grief are not brought about." (Ang Nikaya 3).

"*There, Ananda, the disciple considers thus: This is Peace, this is the Sublime, this is the end of all rebirth producing Kamma, the relinquishing of all the underlying causes of existence, the fading away of craving, the attainment of detachment, Nibbana.*" (ibid)

"*The extinction of greed, the extinction of anger, and the extinction of delusion: this indeed is called Nibbana.*" (Sang. Nik 38)

(to be continued...)

Lumbini!

Lumbini...!
 Sáng nao bình minh xanh lấp lánh
 Rừng cây reo, chim muôn cành xào xạc
 Khắp khởi nắng vàng, rộn rã nghìn hoa
 Chân trời xa ...hạ xuống
 Vũ vùn cùng mây nước mùa ca
 Bên kia hồ, ngơ ngác nai hiền lặng đứng
 Nhìn đất trời đại kiếp bang giao...
 Sông ngân hà thồn thức... hợp tấu thiên khúc
 lừng vang
 Giờ phút hoàng thiên...
 Gió ngậm lời ca
 Gót hồng Maya du bước...
 Lumbini!
 Ôi cảnh Sal nghiêng nghiêng kính cẩn
 Vũ trụ rung mình, thái tử vừa sinh!
 Gautama Siddhârtha...!
 Bảy bước sen,
 Bảy cung đàn mật ngữ
 Hé mở nghìn sao đêm lữ thứ băng ngàn.
 Ngày đản sinh trang đời tươi mới
 Vô lượng năm thiên nhân chờ đợi
 Trăng Đâu Suất rải vàng đêm u tối
 Ngọt lời thương trên những phiếm cung buồn.
 Gautama Siddhârtha...!
 Nơi tình cầu xa lạ
 Người bước xuống cõi ta bà diên đại
 Gót chân mang huyền thoại
 Đất đá bụi trần hóa nở đài sen.
 Kapilavastu!
 Tủ vò Pepa vẫn còn giục già
 Rộn ràng kỳ binh diêu khúc hành ca
 Tung hô "Gautama Shiddhârtha...!"
 Vạn nụ cười rạng rỡ thiết tha ...
 Baranas!
 Vũ điệu Pague cháy bỏng
 Vòng chân khua tiếng Holi
 Gợi hồn... Cung nữ Hindu
 Mừng vui Thái tử vào đời.
 Magadha!
 Tiếng còi dholak quay cuồng
 Chiêu tàn...
 Gợi nhớ cổ hương
 Bình minh Magad rực sáng
 Đường xa du mục trở về.Kushinara!



thơ

Đàn Sarangi hoang dại
 Những chàng vạm vỡ cong môi
 Tấu khúc hoài hương luyện mộ
 Sala bóng ngã nhòa tây.
 Kapilavastu!
 Thành quách nghìn thu nay phủ nhòa sương
 khói
 Tráng lệ muôn đời ánh sáng shakya.
 Ôi Gautama!
 Người hiện sinh
 Bằng đôi chân trần thế kỷ
 Bước dọc thời gian xuyên ngang miền Âu Á
 Hùng thiêng Hymalaya phá bầu khí quyển
 Địa cầu chuyển vận minh triết huyền vi.
 Lumbini!
 Ngọn lửa cao thiêng
 Gautama Shiddhartha sáng mãi!
 Hiện sinh bằng huyền thoại
 Bảy bước đi vào đời vững chãi
 Trên đôi chân thơ dại
 Trí tuệ bừng khai
 Tình yêu thương nở giữa trần ai
 Mặt đất phôi thai nụ hoa thanh khiết
 Nhớ bước chân ai đạo đầu khúc thanh bình
 siêu tuyệt
 Lumbini!
 Lung linh huyền nhiệm đản sinh!

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

TÍNH ƯU VIỆT CỦA PHẬT-GIÁO LÀ CÔNG CUỘC CHUYỂN HÓA TÂM LINH ĐÃ ĐÓNG GÓP TÒ LỚN VÀO MỐI TƯƠNG QUAN TRONG CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI

Cư-sĩ Đông-Phương MAI-LÝ-CANG

Hiện nay trong đời sống cực đại văn minh của con người không phân chia biên cương chủng tộc, người ta đều có quyền tự do hành sử tinh thần trí tuệ thông minh của mình, để một khi muốn truy tìm chứng tử về những nguyên nhân đưa đến khổ đau hay hạnh phúc thường xảy ra hằng ngày cho chính họ. Tuy nhiên, trong những công trình dày công nghiên cứu đạt thành khả năng hiệu quả, thì hầu hết mọi người đều biết rằng mình chỉ là những kẻ hiểu biết muộn màng trước khối óc thần thông của một vị minh vương đã từng dày công ứng nghiệm, khám phá ra về chân lý kỳ diệu có giá trị vĩnh hằng từ hơn hai ngàn năm trăm năm về trước. Do vậy, cho nên sự kiện bây giờ của các quốc gia trên toàn châu lục ngày nay, hằng năm luân phiên nhau tổ chức lễ kỷ niệm ngày trọng đại "**Vesak**" là một ý nghĩa nhằm vào mục đích suy tôn tính ưu việt xúc tác tinh thần vô cùng quan trọng của đạo Phật đối với đời sống cá nhân, tập thể của con người qua những mối dây liên hệ buộc ràng hiện hữu trong cộng đồng nhân loại.

Thực vậy, đi trước mọi biến thiên về lịch sử của tôn giáo trên quả địa cầu, và hiện vẫn còn tiếp tục duy trì ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống tinh thần của cộng đồng xã hội con người hằng ngày. Người ta có thể nói rằng, khởi thủy nhân duyên do yếu tố hoàn cảnh địa lý đặc biệt, rơi đúng vào thời điểm không gian, mà đạo Phật như đã bắt đầu báo hiệu mở màn, khai sinh ra một hiện tượng chuyển hóa tâm linh vô tiền khoáng hậu trong kỷ nguyên lịch sử loài người bằng sự ra đời của Đức Phật.

Hiện tượng đó dần dần đã chính thức được tìm thấy bằng hình ảnh thực tế rõ ràng của một vị Vua uy quyền tuyệt đối. Một vị minh quân chọn lấy quyết định từ bỏ ngai vàng điện ngọc của mình, để ẩn dật vào nơi thâm sơn cùng cốc nhằm mục đích xả thân cầu đạo, để nguyện cứu độ và giải thoát cho hết thảy chúng sinh.

Về sau, với học thuyết "**Tứ-Diệu-Đế**" sau khi đắc đạo, và trải qua bốn mươi lăm năm hành đạo, giáo lý Thích-Ca đã làm tốt được cá tính con người chứng nghiệm bằng phương pháp tu tập. Hiện tại, người ta có thể nói quả quyết không sai, là chính nhờ vào bản tính hiền từ, nhân hậu mà đạo Phật đã đem đến



niềm Vui cho người đời và mọi nhà tìm thấy con đường cái quan hạnh phúc. Cũng trên căn bản của một thứ tình thương bao la, tuyệt nhiên không bao giờ có sự hận thù và kỳ thị, cuộc truyền bá tư tưởng của đạo Phật đã thành công, được đánh giá coi như là có rất nhiều hậu quả thuận lợi. Nó không những không làm đổ giọt máu nào của con người mà còn cố thêm cơ vận hội, để hễ mỗi khi bành trướng giáo lý đến đâu, thì cũng gồm thu trọn vẹn được nhân tâm trong cái thể bất chiến tự nhiên thành.

Bàn về cuộc cách mạng tâm linh ôn hòa, tinh diệu đó, các sử gia Tây-phương thường lấy mô hình thực thể trong triết lý mang sắc thái độc đáo của tính chất hiếu hòa, bất bạo động của đạo Phật, để viện dẫn cho nền văn minh tinh thần được phát huy mạnh mẽ ở phương Đông. Và nếu đem so với những nhà hiền triết về vật lý, thông thái của Hy-Lạp tự cổ thời như Aristote, Platon, Socrate, thì Đức Phật (Sakyamuni) trước đó cả thế hệ cũng đã là một nhà triết học, thông thái. Chính Ngài là người đầu tiên đã khám phá ra được những nguyên tắc căn bản về ý nghĩa cuộc sống của Con Người, mà ngay đến cả môn khoa học thực nghiệm hiện nay cũng phải chấp nhận, chứng minh cho cái nền tảng của học thuyết cao siêu đó, không đi ra ngoài khái niệm và nguyên tắc căn bản của vật lý, như trường hợp của lý thuyết "**Nhân-Quả**" là một điển hình.

Cùng với thuyết "**Vô-Ngã**", đạo Phật có sức bành trướng rộng rãi và đã được sự đón nhận kỳ diệu của dân gian chào mừng một cuộc cách mạng tâm linh có tác dụng chuyển hóa tinh thần, tư tưởng. Với ý nghĩa sáng đạo tốt đời, đạo Phật thủy chung có mặt bên cạnh người giàu sang, kẻ khổ cùng và lúc nào cũng luôn luôn nhắc nhở là họ đang tham gia hưởng ứng lời kêu gọi đi tìm sinh lộ giải thoát cho chính bản thân mình. Và ngay trong công đức tu luyện đó, họ cũng sẽ làm được mọi điều phúc lợi khác hơn với tinh thần vô ngã vị tha, qua biểu tượng của mọi hành động xuất phát từ ở tấm lòng bao dung, xả kỷ.

Tuy nhiên, nhìn vào sự phát triển của đạo Phật cho đến cho đến ngày hôm nay, nói chung, sau khi trải qua bao giai đoạn thăng trầm, hưng phế thì người ta đều nhận thấy rõ ràng là bất chấp sự thứ

thách của thời gian, cái cốt lõi trong thực chất của nguồn cội Bồ-Đề lúc nào cũng lại là sự thanh tịnh. Chính sự thanh tịnh là một câu trả lời xác định để giải quyết cho mọi vấn đề. Còn về phần tích cực hơn, thì ảnh hưởng tan biến, thấm nhuần của đạo Phật vẫn như một luồng gió mới thổi vào không gian trí tuệ của chúng sinh, làm thức tỉnh những cơn ác mộng bàng hoàng của con người, để kịp thời nhìn lại chân tướng của vạn vật, biết phân biệt điều hay lẽ phải, biết bệnh vực và bảo vệ người hiền từ không may, vô phước. Chính cuộc cách mạng tâm linh, huyền diệu, âm thầm không giới tuyến này, từ lâu đã được phản ảnh bằng sự sùng kính, thiết tha của con người vốn yêu chuộng tự do, công bằng, nhân ái, không đứng bên lề của trật tự kỷ cương xã hội. Nhờ vậy mà lòng trắc ẩn của ý nghĩa Từ-Bi, lúc nào cũng là trọng tâm đạo đức trong hàng quốc sách của các nhà cai trị quốc gia, coi như là bài toán đầu tiên của phương thuốc chữa trị về an sinh xã hội, hầu làm giảm thiểu được nhiều bất công, đau khổ.

Trong lịch sử hoằng pháp lợi sanh của đạo Phật cũng có lắm khi gặp phải nhiều trở ngại, vì không hiếm người đời nông cạn hiểu lầm về ý nghĩa cuộc sống tu hành, phục tùng theo giới luật. Thực ra, hình ảnh của một vị Tu-sĩ thoát tục đêm ngày tụng niệm, thiền định, cầu an cho bá tánh thập phương ở trong chùa. Hay như hình ảnh của một vị Cư-sĩ khả kính thuần duyên tu tập, triệt để thì hành theo lời răn dạy, thì ngoài mục đích đi tìm chân lý giải thoát cho mình, các vị đó lại còn thể hiện ra được ý nghĩa của tinh thần đại hùng lực khi quyết định dấn thân bảo vệ móng nền đạo pháp. Hành động cao quý đó chẳng khác nào nguyện ước ra đi bảo vệ non sông của những con người chiến sĩ hiền ngang, hi sinh lao thẳng vào trận mạc, đắp lũy xây thành để giữ vững cho quê hương được độc lập, tự do và đồng bào mình được vui sống yên lành, hạnh phúc.

Tuy nhiên, chừng ấy những sự kiện đó vẫn chưa làm nổi bật được hình ảnh của những con người vì đạo, trung thành theo lời Phật dạy, là tùy duyên tận tụy hầu hạ dưỡng sinh thành, một vai cồng cha, một tay đỡ mẹ, sớm hôm săn sóc tại nhà. Phải hiểu được như vậy thì mới thấy tác dụng của đạo Phật, là nhằm vào mục đích cố gắng hướng dẫn con người đi lần tới một nền luân lý nhân bản phù hợp với luật tự nhiên trong trời đất. Trong trường hợp khác, ảnh hưởng của đạo Phật làm chuyển hóa được tính tình của một con người biết phục thiện không phải vì sự cám dỗ, mua chuộc. Vì nói cho đúng hơn, mọi hành động của Tăng-đoàn truyền bá chánh pháp đi rắc gieo hạt giống Bồ-Đề của đạo Phật tuyệt nhiên không hề có mang tính chất đấu tranh, để đòi hỏi đối phương phải dùng gươm xuống ngựa bao giờ. Nhưng bởi vì cái triết lý cao siêu, hướng thượng, mà thực tế từ trong bản chất tinh thần của đạo Phật tự nó có nhiều khả năng lôi cuốn được con số đông người, nên họ dễ dàng chấp nhận như là một sự tự nhiên, nhẹ nhàng, cảm khái.

Chính vì vậy mà người ta chỉ tìm thấy được rõ ràng cái giá trị ưu việt của đạo Phật trải dài ra dưới hình thức của chiều sâu hơn là chiều rộng. Hơn thế nữa, cũng như qua bao nhiêu kinh điển, giáo lý Thích-Ca để lại cho đời sau sự thâm từ học thuyết cách mạng tinh thần sang đến phương thức dấn thân hành động. Thủy chung, đạo Phật lúc nào cũng chứng minh được ước muốn "Sống Chung Hòa-Bình" giữa người và người, giữa quốc gia này và quốc gia nọ trong cộng đồng quốc tế, mà trong đó, mọi cuộc tranh chấp về bất cứ nguyên nhân nào cũng có thể

THỜI GIAN

*Dấu tích bao mùa dâu bể
Bình yên mây nổi hư không
Cánh chim bên trời như蝶...
Ngàn xưa, ngàn sau... thong dong.*

BỀ DÀU

*Bỏ quên phía sau giấc ngủ
Mất đời trút cạn hoàng hôn
Vẫn ta dấu hài xưa cũ
Qua bao chớp bể mưa nguồn.*

CÁI NHÌN

*Đốt cháy niềm đau khổ lụy
Buông tay cuộc hẹn ta bà
Đêm trở bình con mộng tụy
Chòi khuya nghiêng ánh trăng tà.*

CÔI THỰC NÀO...

*Không là vàng trắng diệu pháp
Tìm chi vết nhận qua sông
Ngàn năm tỉnh lòng hạt bụi
Cành sương, chợt nắng mai hồng.*

DIỆU PHÁP NÀO...

*Không từ nơi nguồn cuộc sống
Muôn trùng Khô Để thậm thâm
Cành lau nghiêng chiều Thực-Mộng
Cành lau trắng trời diệu tâm.*

BẾN ĐỒ

*Bình an sau cơn sóng gió
Thuyền về với ánh trăng khuya
Mái chèo thoi chao nhịp nước
Trong ngân nổi nọ, niềm kia.*

(Tháng 4.2013)

MẶC PHƯƠNG TỬ

thơ

dùng đến một loại vũ khí căn bản duy nhất để giải quyết: đó là Tình Thương.

Trở lại vấn đề Đức Phật sáng suốt đã dứt khoát từ bỏ lập trường chánh trị nước nhà để hiển mình vào thiên chức phục vụ văn hóa, nhân sinh trong cộng đồng nhân loại. Ngài đã hành động bằng cái thể và cái lực của một công-dân, một tu-sĩ, chứ hoàn toàn không phải lợi dụng vào quyền năng của một vị chúa-tể ở trong nước để mà thành công sự nghiệp ở đời. Hay nói cách khác cho đúng hơn, thì Ngài đã thành công chính nhờ vào ở tài năng, đức độ siêu phàm của cá nhân mình. Điều này, có nghĩa là chúng

ta muốn nói đến cái kho tàng pháp điển bao la, vô cùng tận của triết lý đạo Phật mà Ngài để lại cho tất cả con người cùng thừa hưởng. Và một khi đến với đạo Phật, thì ai ai cũng có những phương tiện bình đẳng giống nhau, ai ai cũng có tinh thần tự do hành sử lương tâm trước mọi quyết đoán về chân lý, ai ai cũng có đầy đủ tư cách nhân quyền để chọn lựa đức tin như bao kẻ khác, vì tất cả cùng đều là những tế bào của chung vũ trụ bao la. Sau Đức Phật, những nhà làm chính trị và văn hóa khác đều có chung khuynh hướng dùng đến bạo lực để mở mang biến cường học thuyết của họ, cho nên vô hình trung vấp phải những cái mớ oan nghiệt của thời điểm không gian, mà chung cuộc phải đi vào bánh xe lịch sử của định mệnh.

Trong kỷ nguyên lịch sử của loài người, sau khi biết khám phá ra được giá trị màu nhiệm của lửa thiêng và có ý thức về sự chết, thì đến phiên Đức Phật đã sáng suốt thần thông tìm ra chân lý vĩnh cửu để hướng dẫn đời sống con người đi ra khỏi bóng tối đường hầm ở địa ngục. Học thuyết Tứ-Diệu-Đế do đó trở thành một kho tàng văn hóa của muôn loài, vừa làm bức thành trì kiên cố cho nền tảng phát huy cách mạng đại qui mô về tâm linh, trí tuệ của con người về sau trên mặt đất.

Lại ngược dòng thời gian, trong khi các tôn giáo ở phương Tây chưa từng xuất hiện thời bấy giờ, thì đạo Phật đã một mình hùng cứ trên một vùng địa lý lớn lao trong quả địa cầu, song tầm ảnh hưởng phát huy nền văn hóa Thích-Ca lúc nào cũng được coi như là khiếm tốn. Tuy nhiên, sự bành trướng chậm chạp đó phải hiểu một phần vì do phương châm căn bản hiểu hòa theo con đường chỉ đạo của lượng hi-xà, đức từ-bi. Và một phần khác, là đạo Phật đã phải tạm dừng chân để khai sinh ra nền văn hóa Ấn-Độ và làm phong phú thêm cho nền văn minh Trung-Quốc. Còn nữa, đạo Phật lại mất thêm khá nhiều thời gian để chờ tiêu hóa tín ngưỡng vào khắp cả Á-Châu vào những năm trước Tây-lịch. Do vậy, nếu ngày nào mà người ta còn được hiểu quá trình văn minh duy linh và duy tâm ở Ấn-Độ và Trung-Quốc như là tuyệt hảo, thì tức là ngày đó người ta còn phải mặc nhiên công nhận cái giá trị tinh thần thực tế, hiển nhiên của một nền văn hóa vẻ vang, phát triển đi lên theo đường tung độ trong lịch sử mở mang của đạo Phật. Vì thế mà đạo Phật đã từng có dịp bén rễ, ăn sâu vào từng các tế bào của chúng sinh trong đời sống xã hội dân gian ở phương Đông.

Ngoài trường hợp cực thịnh của đạo Phật dưới thời kỳ của A-Dục-Vương (*Ashoka*) ở Ấn-Độ và dưới đời Đường ở Trung-Quốc, nói riêng, chính trong lịch sử xã hội của Việt-Nam dưới triều đại Lý-Trần, thì cuộc chuyển hóa tâm linh của đạo Phật cũng đã ảnh hưởng đến biết bao nhiêu về quan niệm nhân sinh từ thành phần Vua tôi cho tới hàng dân dã và đã cảm hóa, thấm nhuần, thu phục được tuyệt đại đa số tín đồ trong cả nước (thiên hạ Lý-Trần bán vì tăng). Cái thể thượng phong của đạo Phật trong



Tam-Giáo đồng nguyên (*Thích-Nho-Lão*) từ đó lưu truyền đến mãi về sau hãy còn được dịp chứng minh hùng hồn qua các tác phẩm văn chương, điêu khắc và kỹ thuật kiến trúc. Và điển hình là dấu tích của ngôi Chùa Một Cột, báu vật của Thăng-Long thành còn sót lại bây giờ là những chứng từ quốc bảo đã tiêu biểu cho nền văn hóa đặc thù của đạo Phật hiện diện lâu đời trên vòm trời đất Việt.

Khoảng cách với thời đại của chúng ta trên hai mươi lăm thế kỷ dài, mỗi

đại duyên Đức Phật giáng trần báo hiệu điềm lành đổi thay cuộc sống tâm linh nhằm cứu độ con người thoát ra khỏi cảnh trầm luân bể khổ ở trên đời. Do vậy, cho nên sau khi Đức Phật nhập Niết-Bàn thì các đệ tử của Ngài liền đem cái kho báu tư tưởng, tinh thần từ trong núi Tuyết ra để mà tiếp tục sự nghiệp đầu tư vào phúc lợi của chúng sinh thể theo tấm lòng ước nguyện thương người của Ngài như non cao biển cả. Trải qua bao lần dâu bể, tang thương thế sự thăng trầm đã có biết bao nhiêu Phật-tử không phân biệt quốc tịch, màu da lần lượt đứng lên đóng góp, hi sinh bảo vệ và phát huy cho Phật-pháp được mãi mãi trường tồn. Giờ đây, thừa hưởng được di sản tinh thần thiêng liêng vô giá đó, người Phật-tử bốn phương không sao quên được công ơn của Đức Thế-Tôn trong những ngày đại lễ giáng sinh khắp nơi nơi nghi ngút hương trầm. Tuy nhiên, phút giây hiển linh mong đợi của các tín đồ là sự báo ứng của Đức Phật thị hiện ra ngay tức khắc, để đáp lại lời khẩn nguyện kêu đòi cứu rỗi của chúng ta và của riêng mình sẽ không bao giờ có, và mãi mãi tuyệt nhiên không bao giờ có!

Bức tượng hình uy vệ trên bàn thờ nhang khói đó chỉ là những chân dung tôn nghiêm, biểu tượng cho tài năng, đức độ của một đấng siêu phàm.

Thương người đời tục lụy, Ngài đã ra công xây đắp sẵn một con đường Từ Bi nối dài để cho tất cả mọi người cùng đi đến cuối neo cực lạc trần gian, phần còn lại, là phương tiện di chuyển của mỗi chúng ta tùy duyên hạnh ngộ. Trong tinh thần đó, ánh hào quang trong ngày trọng đại Vesak hôm nay lại còn có thêm ý nghĩa khác thường là nhằm nhắc nhở ý thức tự giác, khuyến bảo con người hãy ráng tu hành, cố gắng đứng dậy tự thắp đuốc mà đi về hướng rạng đông - nơi mặt trời vẫn mọc dù không tiếng gà gáy sáng... Cùng với niềm hi vọng mới bắt đầu, chúng ta hãy nghĩ đến những hình ảnh của một sự đổi thay lúc nào cũng được coi như là cần thiết để sấm hối diệt ngã, thể hiện tinh thần bát nhã bao dung, lục hòa, vị tha, công ích.

Và cơ hội thực tế, để cho cho mọi người Phật-tử Việt-Nam được vui mừng thể hiện sắt son tinh thần tôn sùng đạo của mình, là hãy tiếp tục giữ gìn cao sứ mạng truyền thống giữ gìn, phát huy những thành quả đóng góp hài hòa của Phật-Giáo từ lâu vào những phúc lợi dân chủ, công bằng trong cộng đồng xã hội văn minh, tiến bộ.

Cư-sĩ Đông-Phương MAI-LÝ-CANG

Nửa chữ cũng Thầy

VÕ HỒNG



Năm 1936, TÔI HỌC THẦY ở lớp Nhất trường Tiểu học Sông Cầu. Thuở ấy toàn tỉnh chỉ có hai trường Tiểu học, một ở Tuy Hòa, một ở Sông Cầu. Trường Tiểu học Sông Cầu là trường tinh lý mà chỉ có một lớp Năm, một lớp Tư, một lớp Ba, một lớp Nhì A (chính danh là Cours Moyen de 1ère Année), một lớp Nhì B và một lớp Nhất... Mới biết là hồi đó sự học quả thật là quý. Với một dân số 20 vạn dân cư mà hằng năm toàn tỉnh chỉ chọn khoảng một 100 đứa trẻ khá nhất để cho vào học lớp Nhì thì có khác nào sâm nhung chỉ dành cho tì vị kẻ giàu sang. Tôi học lớp Năm và lớp Tư ở trường làng Ngân Sơn. May mắn đưa đẩy, tôi được vào học lớp Ba ở trường Phú Tuy An. Và lại cũng may mắn xô tới mà tôi được vào lớp Nhì trường Tỉnh.

Thầy năm ấy khoảng 27-28 tuổi. Dáng thầy cao, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Thầy thường mặc Âu phục trắng. Giày nâu, đế cao su. Mũ casque cứng lợp vải màu kaki. Đi tới lớp, tay ôm cặp da, thứ da cá sấu mềm.

Thời đó Âu phục và Nam phục song song tồn tại. Nam phục là quần trắng áo dài đen. Quần trắng bằng vải "tàu bay" hay lụa. Vải áo dài đen thông thường là vải trang đầm cho đàn bà và học sinh trung lưu. Người đàn ông thì mặc áo lương đen (miền Bắc gọi là áo the), áo xuyên (mặt láng), áo sa vắn mình (một loại the mỏng, dệt có vân, có bắt hình bìm bìm) áo sa tanh (satin). Vải may Âu phục tiêu chuẩn là một loại vải dệt thật dày bằng sợi đay, màu trắng. Sau thế giới đại chiến lần thứ hai, sợi tổng hợp Polyester mới thịnh hành và vải thường màu đen hoặc màu xanh tối gần với đen. Phép xã giao thời đó đòi hỏi phải khoác áo vét-tông chứ không được chỉ mặc sơ-mi khi đi ra ngoài. Cho dầu trời nóng 35 độ. Chỉ có thể, khi ngồi trong lớp dạy hay ngồi làm việc ở bàn giấy, cởi áo vét-tông ra mang vào thành ghế.

Đôi giày cũng có lịch sử của nó. Cũng sau thế giới đại chiến lần thứ hai, màu giày đen mới thịnh hành. Dưới thời Pháp thuộc, màu giày sậm nhất là màu nâu,

màu cà-phê rang. Lợt một chút là màu vàng thiên nhiên của da thuộc. Lợt nhất là màu trắng. Duyên dáng ăn diện là giày hai màu. Giày màu đen chỉ được dùng trong những đại lễ.

Vậy đó, cái dáng cao cao của thầy tôi, mặc Âu phục, đội mũ ôm cặp đi những bước nhanh từ góc đường phía biển, vượt qua sân quần vợt, đi vòng quanh rào trường, đi thẳng từ cổng trường oai vệ bước vào.

Vào thời chúng tôi, học trò rất sợ thầy. Chương trình học toàn tiếng Pháp nên chúng tôi càng sợ thầy hơn, bởi chúng dù học giỏi hay kém thì học thuộc được một bài toát yếu 20 dòng viết bằng tiếng Pháp không phải là chuyện dễ. Chúng tôi phải chấp chữ này nối theo chữ kia bằng trí nhớ, nhiều khi hoàn toàn bằng trí nhớ chứ không hiểu vì sao. Mà một khi quên đi một chữ thì đành cứ đứng khựng ra đó, ấp a ấp úng, tựa như rớt một cục gỗ thì cả khối gỗ chồng chất lên nhau bỗng đổ sụp. Đổ mà có thể xếp lại. Thầy giáo sốt ruột, sẵn cái thước gạch vụn luôn cho một vụt. Và các cục gỗ lăn xa hơn, tan tã.

Thầy nào cũng biết đánh học trò. Ngồi nghĩ lại thấy thương hơn trách. Người Pháp không đem sang cái roi. Tổ tiên mình vót roi để sẵn, kèm theo bản chỉ dẫn cách dùng, "yêu cho roi cho vọt." Tiếng roi vun vút của các thầy đồ còn vang vọng rất trong sáng trong tâm hồn của các thầy tôi. Các bậc phụ huynh dường như cũng chỉ an tâm khi nghe thầy giáo ban phát tiếng roi xé gió. Sống trong một không khí rền rền cách khắc khổ như kiểu đó, một ông thầy có lương tâm phải mượn cái thước và cọn roi để hỗ trợ cho lời giảng bài. Ở lớp Nhì A, tôi học thầy Huỳnh Tiến. Thầy gầy, da trắng, nói giọng Quảng. Không biết giờ này thầy có còn khỏe mạnh không. Thật là bội bạc khi hơn 50 năm trôi qua tôi không hề biên được một cái thư thăm hỏi thầy. Với nhiều thầy khác tôi cũng có niềm ân hận đó. Chớ chi mỗi thầy đều cho chúng tôi biết địa chỉ chính

thức - không kể những dời đổi nhiệm sở - thì hy vọng 20-30 năm sau còn liên lạc thư tín được dầu chỉ là muôn một cũng vẫn là hy vọng.

Năm lớp Nhì B, tôi học thầy Ngô Văn Lương. Thầy đằm thắm, nói giọng Hà Tĩnh. Ấn tượng còn lưu lại là bộ Âu phục màu ka-ki nhạt rất nhã thầy thường mặc. Và màu da mặt trắng hồng. Thầy Trần Sĩ thì trông cao ráo linh hoạt hơn thầy Lương. Được phân công dạy lớp Nhất là một vinh hạnh, vì học sinh lớp Nhất, cuối năm thi bằng Rime (Primaire: Tiểu học) là được xin bổ làm hương sư dạy lớp Năm, lớp Tư ở các trường làng. Hương sư được nể hơn lý trưởng, phó tổng. Đã vậy, thầy còn đứng tên với ông Kiểm học Nguyễn Đình Cầm, sáng tác cuốn Địa dư tỉnh Phú Yên. Trước khi cuốn sách ra đời, chúng tôi học ở lớp Tư phải chép bài Địa dư tỉnh Phú Yên vào vở để học thuộc lòng. Đi thi Sơ học yếu lược, môn thi viết có hỏi địa dư tỉnh. Dường như học sinh nào cũng đều thuộc lòng bài đọc thêm "Sông Cầu và Tuy Hòa" trong đó, bằng lối văn biền ngẫu, thầy so sánh: "Sông Cầu là đất thừa lương, Tuy Hòa là nơi buồn bán, Sông Cầu là bà già lão luyện, Tuy Hòa là cô thiếu nữ xuân xanh". Thầy có một cách đặc biệt theo dõi đôn đốc sự học của học sinh mình: đó là hằng đêm vào chạng 8-9 giờ, thầy đi rào một vòng những nhà học trò ở các con đường lân cận coi thử chúng tôi có ngồi nhà học bài hay không. Do vậy mà có những buổi sáng thầy vỗ lớp kêu tên một đứa bạn tôi, hỏi:

- Hồi hôm trò đi đâu lang thang ở trước tiệm Chấn Thanh? Hoặc:

- Hồi tối nhà trò sao mới 8 giờ mà đã tối thui? Trò học bài trong tối hả?

Một đêm kia thầy đi qua nhà ông cử Giáp, nói trò Huỳnh và trò Duyên, quê ở Gò Dưỡi đang trọ học. Thầy nghe có tiếng sạt phạt "Xì Rô... Giã Cơ... Đầm Chuồng... Bồi Bích..." Thầy lặng lẽ hé công bước vào, đứng sau trò Huỳnh đang say sưa cắt bài, chia bài. Cái miệng cứ tía lia, cười cười nói nói,



đôi tay cứ dẻo quẹo cắt cắt chia chia, chợt thầy đằng hắng ho một tiếng ở sau lưng. Quay lại. Ngó lên. Trời ơi, chết rồi! Ríu ríu bốn tay bài lạng lẽ đứng dậy, mắt mở trao tráo như khi bị rần thối miên. Thầy cúi lượm bộ bài, lạng lẽ đi ra cửa ngõ.

Ai cũng đoán biết được hôm sau loại bão tố nào nổ ra giữa lớp. Bốn tay bài rúi ro đều là học trò lớp Nhất. Ngoài Huỳnh và Duyên, hai người kia tôi quen mặt tên.

Thầy hay dùng những cách xưng hô "tụi bay... đứa nào...!" dầu không tao nhã bằng "các em, cậu nào, cô ấy..." nhưng đầy chất thân tình. Thầy la lối giận dữ khi học sinh không thuộc bài, chúng tôi sợ mà không ghét... Như vậy hơn cách nhã nhặn mà lạnh lùng, rất văn minh của nhiều thầy cô giáo thuộc thế hệ sau này. Thật giống như đi coi hát bội. Hồi tôi còn nhỏ, kếp hát ở nhà quê đóng vai nịnh hét to đến nổi gân cổ nổi lên như dây chằng, trợn mắt cơ hồ toét luôn khoe mắt, vung tay vung chân như người đấu quyền trên võ đài. Năm 1974 coi hát bội trên sân khấu đặc biệt chọn lọc ở Sài Gòn. Y trang Thượng Hải rực rỡ, hệ thống ánh sáng và âm thanh tối tân, đào kếp xinh đẹp thượng hạng... nhưng hát không ra hơi thậm chí múa tay cũng múa lười biếng. Đó, đẹp thì có đẹp, có tinh tế, có quý phái... đủ mọi ưu điểm, nhưng thực chất của sự hát thì... rất dở. Như ông thầy tận tình la mắng hồi xưa và cô giáo nhã nhặn thời nay. Lớn lên, gặp thầy, nghe thầy đối đãi bằng giọng xưng hô "tụi bay..." quen thuộc, chúng tôi vui, vừa

thêm cảm động. Cho tới lúc tuổi hơn 50, gặp nhau, ngồi nhắc chuyện xưa, nhắc đến thầy, chúng tôi cười thích thú và thêm thương thầy.

Những khối óc lý luận hình thức thường đồng hóa cái mộc mạc thân tình với cái thô lỗ, tưởng ai cũng say mê sự trơn láng của một mái tóc chải bi-ăng-tin ép vuốt bóng nhầy. Họ nghĩ rằng một khuôn mặt xác chết phần sơn chải gọt đúng qui cách hấp dẫn hơn cái ấm áp hồn nhiên của sự sống.

Cứ gần cuối niên khóa là thầy được cử đi chấm thi. Năm đó, tôi nhớ thầy đi chấm ở Nha Trang. Lúc bấy giờ đường xe lửa xuyên Đông Dương mới làm được hai đoạn: đoạn phía Bắc dừng lại ở Tourane (Đà Nẵng), đoạn phía Nam dừng lại ở Nha Trang. Tourane có xe thơ do hãng STACA đảm trách. Xe STACA dài, rộng và cao như xe buýt thời nay, sơn màu xám trắng trông thật lịch sự. Hành khách ngồi trên xe toàn những người sang trọng, không như hành khách ở xe hàng (ở miền Trung xe hàng là xe chở khách đi đường ngắn, trong Nam gọi là xe đò, còn xe hàng chỉ chuyên dùng để chở hàng hóa), áo quần xốc xếch. Thầy ghé đón xe ở nhà dây thép (bưu điện) trước mặt trường, cách trường 100 thước. Khi xe chạy qua trường, nhìn thấy thầy ngồi oai vệ trong xe, mặt nhìn ra trước. Thời đó khách đi xe hàng phải ngồi trên những băng gỗ kê dọc thân xe, lưng quay ra hông xe thành thứ ở dưới đất nhìn lên chỉ toàn thấy những lưng người. Còn người ngồi trên hai băng thì

đầu mặt vào nhau nên suốt đoạn đường trường cứ phải nhìn mặt người ngồi trước. Có trải qua cảnh khổ nhọc đó mới hiểu được sự sang quý của một tư thế ngồi nhìn ra trước xe, thông thả, rộng rãi, không như xe hàng người này giữ tay vịn trần xe cho khỏi té nghiêng, người kia nép vào nách người nọ, người khác chân bị kẹp giữa hai đùi của người thứ tư. Chiếc xe STACA hùng dũng lướt tới, bớt tốc độ, lượn qua cửa. Chúng tôi đứng ngoài giờ nón chào, và thầy tươi cười rạng rỡ chào lại. Thật là vinh quang!

Vài chục năm sau tôi cũng đi dạy học và cũng được cử đi chấm thi, đi cả bằng máy bay nữa, nhưng cái hào quang rực rỡ tôi nhận thấy nơi thầy ngày trước, tôi không có nơi tôi. Người Trung Hoa có nói "Tự kỷ văn chương, tha nhân thê thiếp" có nghĩa là vợ người thì đẹp, văn mình thì hay. Chẳng lẽ hào quang lại giống như thê thiếp hay sao?

Với cái nhìn của tôi lúc đó thì tương lai hứa hẹn nhiều triển vọng thành đạt cho thầy. Lấy ông Kiếm học Nguyễn Đình Cầm làm tiêu chuẩn thì tôi định ninh chỉ vài năm nữa thầy sẽ thi đậu vào ngạch Huấn đạo là một ngạch học quan. Nhìn sự tín nhiệm của cấp trên đặt nơi thầy và cung cách làm việc tích cực của thầy thì đoán được. Mùa hè nào cũng vậy, tôi cứ nghe mấy ông hương sư tập họp về Sông Cầu để học sư phạm và họ nhắc đến thầy, một trong những người huấn luyện hương dẫn sắc sảo mà họ tỏ ý nể sợ.

Nhà thầy ở nằm trong một khu vườn nhỏ nhìn ra biển. Tôi lưu ý đến những chùm ti-gôn nở hoa màu hồng trên lối đi. Khác với những cúc, vạn thọ, tường vi... mọc lâu đời trên vùng đất quê hương, hoa ti-gôn như mới được nhập cảng từ một lần quốc hải đảo nào đó nên chỉ mới hiện diện ở vài ngôi nhà nơi thành phố. Màu hồng rất tươi lác mắt cả một khung cảnh. Ngôi nhà thầy mới cất, có gió biển thổi mát suốt ngày, có ánh sáng mặt trời dội nắng suốt ngày, có hoa nở rực rỡ trên lối đi... đời sống của thầy thật êm đềm. Các thầy giáo khác và hầu hết các ông thông, ông phán đều phải thuê nhà ở ngay trên phố. Thầy đốc Nguyễn Việt Nguyên - mãi đến khi ông Phạm Quỳnh làm Thượng thư bộ Quốc gia Giáo dục mới đặt tên "Hiệu trường" - Người Thanh Hóa, mặt đẹp và phúc hậu thì thuê một căn phố của anh Nền, trước tiệm ông

Bang Chín. Căn phố của thầy Huy - học trò ưa kêu là thầy Huy lùn - nằm ở phía cầu Thị Thạc thì vừa thấp vừa hẹp. Đã vậy mà thầy còn dựng một thùng nuôi ong mật nơi mái hiên khiến trẻ con, người lớn cứ tấp nập nom dòm. Bầy ong thì bay vù vù suốt ngày. Chị cần 100 con mà mỗi con cứ bay lượn 100 vòng là số ong tưởng đâu tới mười vạn.

Đâu Tiểu học xong, tôi giã từ Sông Cầu đi Qui Nhơn học Trung học. Rồi cứ thế con đường học vấn dẫn tôi đi càng xa, những cảnh mới Hà Nội, Đà Lạt, Sài Gòn, nguy nga nhộn nhịp càng làm tôi yêu cái vắng lặng hiền hòa của Sông Cầu, như yêu người bạn gái đầu tiên ngây thơ, ít nói. Mười lăm năm sau, ngẫu nhiên tôi được điều động về dạy tại trường Trung học Lương Văn Chánh nơi thầy làm Hiệu trưởng. Rồi lại ngẫu nhiên, ba năm sau thầy đi nhậm chức Trưởng ty Giáo dục, tôi thay thầy làm hiệu trưởng trường Lương Văn Chánh. Sau hiệp định Genève lại thêm một sự ngẫu nhiên thứ ba: thầy ở Sài Gòn, tôi ở Nha Trang đều đi dạy thuê ở các trường tư thục. Năm 1983, thầy từ Sài Gòn ra, có ghé thăm tôi. Tôi xúc động vì lòng ân cần của thầy, càng xúc động vì nhìn dấu vết thời gian nơi "người hùng thuở nhỏ" của tôi. Thăng học trò từng sợ thầy là tôi mà tóc đã nhiều sợi trắng rồi, hương chi bậc tôn sư của nó. Mắt thầy đã yếu. A quelque chose, malheur est bon, cái bất hạnh nhiều khi cũng có ích. Chắc thầy không còn soi gương nữa để khỏi nhìn thấy bóng mình trong gương. Mắt tôi còn sáng, nhưng may nhờ cái gương nơi tủ áo tôi nó mờ nên bằng một thái độ quân tử cao khiết và với một lòng nhân ái vô biên, nó xóa đi những khuyết điểm nơi khuôn mặt tôi, nó chỉ phản chiếu lại bằng những nét mờ ảo. Mà phàm cái gì mờ ảo thì trông cũng đẹp. Hôm 20 tháng 11, ngày nhà giáo, là một thầy giáo niên trưởng, tôi được mời lên phát biểu. Giờ giải lao, một thầy kém tôi chừng 5-7 tuổi tiến tới bắt tay: "Xin chào lão sư". Tôi thân ái cầm hai tay người bạn, cảm ơn, vừa nói: - Tôi muốn chữ "sư" có bộ Khuyển một bên (cách



hường. Cha tôi đâu có ngờ những phụ huynh ở thành thị là con quan Tuần Vũ, quan Tham Lục lộ, thầy Phán tòa sứ, ông chủ tiệm buôn Hoa kiều, chủ hãng xe, chủ khách sạn. Họ đi tết thầy những bôm, nho, táo, xá lị... những xấp hàng Cẩm Châu, Thượng Hải để may áo dài. họ đi tới bằng xe láng bóng. Chỉ cần một thoáng mắt nhìn là cha tôi đã cảm thấy buồn. Tôi nói tôi cũng là nạn nhân là ý đồ. Nhưng

viết chữ Hán. Chữ SƯ (thầy) nếu thêm bộ Khuyển ở trước thì có nghĩa là "con sư tử". "Lão sư" là con sư tử già, chớ không phải là người thầy giáo già. Thầy giáo phải có cốt cách của sư tử, không được có cốt cách của loài cáo, loài chồn.

Thầy tôi! Con sư tử của vùng rừng núi Hóc Lát! Vì thầy mà tôi yêu cái tên Hóc Lát, tên của vùng quê hương thầy. Cứ nghĩ đến thầy là tôi thấy cánh đồng Chợ Đèo, trên đó một bóng học sinh lẫm lũi cần mẫn bước, bắt đầu là những bước rụt rè, tiếp theo là những bước mạnh dạn hơn, vững chắc hơn, kiêu hãnh hơn, những bước đi tới.

... Mẩu chuyện trên, tôi viết gởi tặng một thầy học cũ nhân sinh nhật thứ 75 của thầy. Tôi có nhắn rủ vài người bạn cùng làm. Họ "ừ" nhưng rồi cuộc không ai thực hiện. Ngẫu nhiên sau đó, một cô học trò cũ, vừa có học tôi vừa có học thầy, tới thăm. Tôi trao cho cô đọc. Đọc vừ xong, cô phản ứng:

- Nhưng "thầy" không công bằng. Thường nề học sinh đẹp giàu. Còi thường học sinh nghèo.

Tôi cười nhẹ nhàng:

- Tôi biết. Và chính tôi đây cũng từng là nạn nhân.

Cô học trò cũ mở to mắt ngạc nhiên.

Tôi trời học khá, đứng nhất nhì trong lớp. Nhưng tối xuất thân từ nhà quê thì làm sao thầy không cưng Lê Phúc Hán con quan An Sát, cưng Hồ Thị Yến con ông chủ Dây thép... hơn tôi? Ngày Tết cha tôi đón xe đi hơn 20 cây số, mang theo nếp tượng giã thật trắng và con gà cồ thiến để tết thầy theo tục lệ Nho học mà cha tôi tịch ành

mà này cô Liên Vũ (tên cô học trò cũ), ta chỉ nên nhìn phía đẹp của cuộc đời. Thầy lớn tuổi rồi, sinh nhật nhận quà và lời chúc tụng là chuyện thường tình. Tôi ở xa, gởi nhớ vài "kỷ niệm đẹp" thầy thường thức lâu hết hơn.

Quả đó là một cách sống đạm bạc vừa tầm khả năng của nhiều người. Làm nghề dạy học, cứ gần ngày nghỉ hè là tôi bảo học sinh viết kể lại những kỷ niệm trong lớp, rất ngắn, rất gọn, chỉ cần nhắc sơ lại sự việc. Viết trên tờ giấy lớn nhỏ gì cũng được. Tôi gom những tờ giấy đó về đóng thành tập. Mười năm, hai mươi năm sau mở ra đọc lại, quên rằng tóc mình đang bạc, tưởng mình đang cảm viên phấn đứng trước bảng đen.

Quanh ta người ta than khổ, hai mươi tuổi còn than hương ké sáu mươi, bảy mươi. Và thường ta chỉ lo cái khổ của ta mà quên giải khổ giúp người. Tôi gởi nhớ những kỷ niệm đẹp cho thầy là nhằm tạo một niềm vui nhỏ, giải một nỗi khổ nhỏ cho thầy tôi đó. Vì ai khỏi khổ? Không có cái khổ lớn thì người ta cố tìm những cái khổ nhỏ để mà khổ.

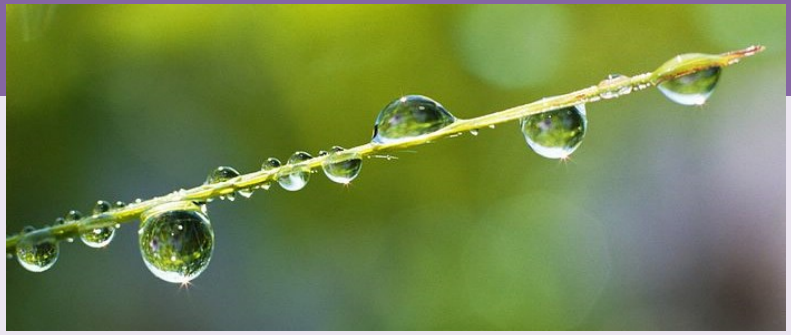
* * *

Ngoài ông bà, cha mẹ, anh chị và người thân trong gia đình thì thầy và cô giáo là người thương yêu ta chân tình hơn ai hết và ta cũng yêu lại, tin tưởng, chân tình. Bởi một lẽ đơn giản: đó là người ta tiếp xúc đầu tiên, tiếp xúc hàng ngày, ngay từ lớp mẫu giáo ngây thơ.

(xem tiếp trang 74)

Khoảng lặng

THÍCH NỮ KHÁNH NĂNG



Ai trong chúng ta rồi cũng làm những cuộc từ bỏ. Từ bỏ để nhận ra tâm ta là đóa Vô Ưu từ lâu bị lãng quên. Từ bỏ để hạnh phúc của ta là mây trời, là nắng ấm, là cánh hạc thong dong... Từ bỏ vì đời sống vốn dĩ là thế.

Ta từ bỏ những trò chơi tuổi thơ để chơi trò chơi của người lớn. Nhưng dù là người lớn hay trẻ thơ, thì ai trong chúng ta ít nhiều

cũng gắn bó với một trò chơi nào đó. Điều khác biệt duy nhất là trò chơi mà chúng ta chọn.

Có người chọn viễn du là lẽ sống vì trong lòng vốn xem trần gian là mộng huyền. Có người quý sách như tri kỷ, qua sách ta có thể giao lưu với biết bao tâm hồn từ đông sang tây, từ cổ chí kim. Có người xem trà là tri âm, bên chung trà ta tìm lại ta, ta là

chính ta... Chung quy cũng là những trò chơi. Rồi cũng đến lúc ta phải bỏ lại những trò chơi trẻ thơ hay người lớn ấy. Và sự từ bỏ thật sự, lúc này, không phải là bỏ trò chơi này để đổi lấy một trò chơi khác, vì nếu như thế chỉ là một sự thay thế, đắp đổi, lấp đầy những khoảng trống trong ta. Ta cần khoảng lặng. Ta cần cô đơn. Cô đơn nuôi lớn tâm hồn mình. Cách ta đối diện với sự cô đơn, sống với sự cô đơn là câu trả lời trung thực nhất, rằng ta đã hoàn toàn tự do để hạnh phúc? rằng ta đã trưởng thành, hay vẫn còn đứng ngấp nghé ở ngưỡng cửa? Và chỉ có ta mới biết là ta đang đứng ở đâu và nên làm gì. Bởi lẽ thước đó của sự trưởng thành không phải là thời gian bao lâu ta đã sống trên cuộc đời này, mà là ta đã sống như thế nào. Vì sự trưởng thành thật sự là sự trưởng thành của tâm thức.

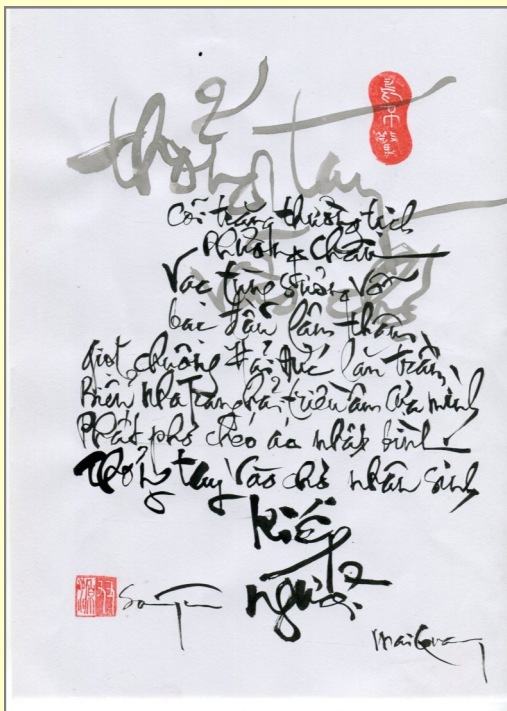
Một người bạn đã giúp một người bạn thân của mình hiểu ra điều này. Và thông điệp duy nhất mà người bạn kia nhận được lúc ấy là Sự Lặng Im. Như một "công án thiền" đeo đẳng người bạn kia trong suốt một thời gian dài. Cho đến một ngày người bạn kia chợt nhận ra Im Lặng là âm thanh vi diệu nhất, khi mà người bạn kia đã không còn "chạy trốn" Sự Im Lặng ấy trong những công việc cũng như trong các mối quan hệ thường ngày. Sự Im Lặng. Khoảng Lặng mà lẽ ra phải có. Khoảng Lặng để nghe ra... Lòng ngập tràn niềm vui và lòng biết ơn khi người bạn kia biết rằng bên mình vẫn luôn còn đây... một Khoảng Lặng. Khoảng lặng cần thiết để người bạn kia lấy lại sự cân bằng trong các mối tương giao, trong những công việc thường ngày.

Hãy để Khoảng Lặng là người bạn sau cùng còn lại sau những cuộc từ bỏ. Hãy để Khoảng Lặng là người thầy dạy ta trong lặng im.

Thỏ Tay Vào Chợ

*Côi trắng thường tịch Phương Châu,
Vạc tung sương vô bạc đầu lâm thâm
Giọt chuông Hải Đức lặn trầm
Biển Nha Trang hải triều âm tựa mình
Phát phơ chéo áo nhật bình
Thỏ tay vào chợ nhân sinh kiếp người.*

(Mời Trà tr.50-51)



Thư pháp: **SONGUYÊN** | Thơ: **MAI QUANG**

MỘT PHẬT TỬ TƯỞNG ĐỐI HOÀN HẢO

Đào Văn Bình

Đi chùa lễ Phật, ở nhà ăn chay, tụng kinh niệm Phật, ra ngoài đời hoạt động thiện nguyện, đóng góp cho xã hội là sinh hoạt nền tảng cần có của một Phật tử chân chính. Những hoạt động trên có tác dụng rất lớn khiến bản thân thanh tịnh, tâm hồn hướng thượng, gia đình hạnh phúc, vun trồng cội phúc cho mình và cho con cháu. Song đó chỉ là những **điều kiện cần** nhưng chưa đủ. Tại sao nói chưa đủ? Gần đây có một bài viết nói rằng nhìn ra ngoài xã hội hôm nay, biết bao nhiêu tội phạm kinh thiên động địa như thủ tiêu, giết người cướp của, cướp giật trên đường phố, đâm cha chém chú, đầu độc chồng, giết vợ, giết con, giết bà nội vì cần tiền chơi Games, gian dâm, lường đảo cả nhà nước lẫn người đời, buôn bán chuyển vận xi-ke ma túy, nhậu nhẹt lu bù, gây lộn rồi đâm chém nhau và chém cả nhân viên công lực, thác loạn trong những phòng trà ca vũ... Mà tất cả những tội phạm này lại xảy ra trong một đất nước mà chúng ta thường tự hào 80% là Phật tử! Bài viết cũng nêu lên câu hỏi phải chăng Đạo Phật không có tác dụng nhiều trong việc xây dựng một nền tảng đạo đức cho dân tộc?

Tôi không hoàn toàn đồng ý với bài bình luận nói trên nhưng cũng không bác bỏ những vấn nạn tác giả nêu ra. Rõ ràng không phải tất cả những người phạm tội nói ở trên họ đều là Phật tử. Nhưng chắc chắn trong những người phạm tội đó có những người đã từng đi lễ chùa, gia đình có thờ Phật hoặc truyền thống gia đình vốn theo Tam Giáo (Phật-Lão-Khổng). Nhìn vào các quốc gia như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào mà Phật Giáo là quốc giáo thế nhưng nhà tù vẫn đầy người, chứng tỏ một quốc gia dù Phật Giáo là nền tảng tâm linh đi nữa, mỗi cá nhân vẫn còn phải được trang bị thêm những giá trị ngoài đời khác nữa mới có thể hoàn thiện, bản thân không gây khổ đau cho chính mình, cho người khác và cho xã hội. Tôi còn nhớ Đức Đạt Lai Lạt Ma trong một cuộc phỏng vấn của CNN Hoa Kỳ đã nói rằng Đạo Phật chỉ giúp một phần nào chứ không thể giải quyết mọi vấn đề của con người. Rõ ràng Đạo Phật không thể giải quyết được nạn thất nghiệp, suy thoái kinh tế, nạn đầu cơ tích trữ tăng giá giả tạo, nạn tắc nghẽn xe cộ trong giờ cao điểm, nạn gái mại dâm, nạn xi-ke ma túy, băng đảng, xả rác bừa bãi, tàn phá núi rừng cây cỏ, nạn tham nhũng v.v... Muốn giải quyết vấn đề này cần phải có các yếu tố khác như luật pháp, chính quyền, sự tham gia của các đoàn thể, giáo dục học đường và nhất là giáo dục bản thân. Ngoài giáo lý của Đức Phật, mỗi cá nhân, kể cả các Phật tử thuần thành, cần phải được trang bị thêm những giá trị mà những giá trị này không liên quan gì đến bất kỳ tôn giáo nào. Đó là những **giá trị phi tôn giáo** đi bên cạnh những giá trị xuất từ tôn giáo, **chẳng hạn như phép lịch sự, lòng biết ơn, tinh thần trách nhiệm, sự nhường nhịn, lòng tu ố (biết xấu hổ), lòng yêu nước, biết tôn trọng luật pháp và của công...**

Quán chiếu vào cuộc sống chúng ta thấy mọi

khổ đau, phiền não mà từng giây từng phút chúng ta tạo ra cho nhau không **ngoài tham lam, nóng nảy, bộp chộp, thiếu hiểu biết và thiếu giáo dục công dân lẫn giáo dục bản thân**. Ngoài ra, phim ảnh bạo lực, dâm ô, lối sống thác loạn của Tây Phương đã góp phần quan trọng trong việc phạm tội của giới trẻ. Tôi không phải là một nhà đạo đức hay một giảng sư thuyết pháp mà chỉ là một Phật tử mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào sự an lành của xã hội. Bản thân tôi trong quá khứ và gần đây nhất- như ngày hôm qua chẳng hạn - cũng có nhiều lầm lỗi và vẫn còn phải huân tập, sửa chữa.

Theo tôi, một Phật tử thuần thành chưa đủ. Kinh kệ, giáo lý, đi chùa tụng kinh niệm Phật chưa đủ, mà chúng ta cần phải được trang bị thêm những kinh nghiệm đời, **những kiến thức ngoài đời**, phải học tập lễ thói cư xử văn minh, nhã nhặn, có văn hóa, có giáo dục, có trách nhiệm nữa. Có như thế chúng ta mới có thể giữ gìn thân-tâm an lành (Trú dạ lục thời an lành) cho mình, cho người và cho xã hội. Dưới đây là những kinh nghiệm học hỏi qua tuổi đời chồng chất và cũng do nhờ sinh sống trong một xã hội Mỹ cực kỳ văn minh - dù chưa hoàn hảo và vẫn còn nhiều điều chướng tai gai mắt:

1) **Phải biết nói lời xin lỗi**: Người Phật tử phải hiểu rằng "**cái ngã**" (cái Tôi) của chúng sinh dù là một chúng sinh nghèo hèn - còn cao hơn cả Núi Tu Di. Chạm vào tự ái (cái Ngã) của người ta thì muôn chuyện - dù rất nhỏ- có thể dẫn tới gây gỗ, đá thương, đâm chém và có thể đưa nhau ra tòa. Do đó người Phật tử khôn ngoan là phải biết nói lời xin lỗi. Chẳng hạn mình mở một cánh cửa vô tình đụng phải người ta, chưa biết lỗi về ai, nhưng nếu mình lên tiếng "**Xin lỗi ông/bà/anh/chị**" thì mọi chuyện sẽ vui vẻ. Chẳng hạn mình ngồi trong nhà quảng chén nước ra đường làm ướt áo người ta, nếu biết chạy ra, vui vẻ nói "**Áy chết! Tôi vô ý quá. Xin lỗi ông bà/anh chị**" v.v.. thì dù người bị thiệt có cần nhắc chút ít, mọi chuyện cũng sẽ qua. Nếu mình cố biện minh, chối cãi thì câu chuyện trở nên căng thẳng, rắc rối... và không biết sẽ đi tới đâu. Khi mình viết một bài báo xúc phạm tới ai hoặc loan tịn thiếu trung thực, phải có can đảm đăng lời xin lỗi. Lời xin lỗi khiến chúng ta trưởng thành và chín chắn hơn trong nghề nghiệp và trong cuộc sống. Khi mình nghịch ngợm phá phách làm cha mẹ, thầy/cô buồn lòng. Sau phút nóng nổi, và trong lúc riêng tư chỉ có mình và cha mẹ, thầy/cô, mình phải biết nói lời xin lỗi. Lời xin lỗi khiến cha mẹ cũng như thầy/cô cảm động và còn thương mình hơn nữa và dĩ nhiên sẽ bỏ qua lỗi lầm đó.

2) **Luôn luôn khiêm tốn**: Người Phật tử hiểu đạo thì chữ Nhẫn và chữ Khiên Tốn phải luôn luôn nằm lòng. Ngay Ô. Obama - Tổng Thống Hoa Kỳ dù đắc cử với số phiếu khá cao, trong diễn văn nhậm chức nhiệm kỳ II vừa rồi cũng phải tỏ ra hết sức khiêm tốn vì đất nước đang ở trong tình trạng suy thoái, chia rẽ trầm trọng, khối cử tri Cộng Hòa thấy mình bị thua đang hừng hực với lửa bất mãn, căm

tức. Người Phật tử phải nhớ rằng khiêm tốn không có nghĩa là hèn nhát. Cái Tâm của chúng sinh rất kỳ lạ. Nó ưa thích sự khiêm tốn và ghét sự kiêu căng. Do đó, người Phật tử dù thành công tột đỉnh ở lãnh vực nào đi nữa như học hành, nghệ thuật, tu hành, làm ăn buôn bán, sự nghiệp chính trị... phải luôn luôn khiêm tốn thì mới được lòng mọi người. Một lời nói kiêu căng phách lối chưa chắc đã đưa ngôi vị hoặc sự nghiệp của mình đi lên nhưng ...kẻ thù ghét thì không biết bao nhiêu mà nói.

3) **Biết nói lời cảm ơn:** Nếu bạn tới đất Mỹ này, dĩ nhiên bạn cũng nghe câu nói "Thank you". Khi người ta làm cho mình chuyện gì dù rất nhỏ cũng xin nói lời "Cám ơn". Vợ chồng giúp nhau chuyện gì cũng nói "Cám ơn". Lên xe buýt, xe đồ người ta nhường chỗ cho mình, xin nói lời "Cám ơn". Khi khách hàng trả tiền, cô thu ngân cũng nói "Cám ơn". Người hầu bàn đưa đồ ăn ra cho mình cũng xin nói lời "Cám ơn". Tới công sở, nhân viên đưa cho mình giấy tờ gì đó cũng xin nói "Cám ơn". Thậm chí thầy/cô thầy học trò ồn quá bèn nói "Im lặng!" Sau khi học trò im lặng rồi thầy/cô cũng không quên nói "Cám ơn các em!". Khách hàng vào cửa tiệm của mình chỉ ngắm chơi mà không mua gì cả. Khi khách ra mình cũng gật đầu chào nói lời cảm ơn là đã ghé thăm. Lời "Cám ơn" như mật rót vào lòng, làm mát lòng người nghe và chứng tỏ mình là người khiêm tốn và có giáo dục. Thiếu vắng lời "cám ơn" là một xã hội vô cảm và tàn bạo.

4) **Luôn khen ngợi, bớt chê bai:** Trong suốt 45 năm hành đạo Đức Phật luôn luôn khen ngợi, khuyến khích, không chê bai, không hù dọa, không làm quan tòa để kết tội ai. Thậm chí các hàng đại Bồ Tát khi thưa hỏi những lời không chính đáng, Đức Phật cũng vẫn khen ngợi là biết thưa hỏi để Phật có cơ hội giải đáp những gì còn nghi ngờ. Đức Phật là bậc thầy vĩ đại của các tâm lý gia ngày nay. Xin nhớ cho lời khen làm mát lòng người nghe. Lời chê làm người nghe dễ nổi điên dù là chê một câu văn, một cái áo, một lời nói, một bài hát, một đôi giày, một kiểu tóc v.v... Trong lúc hứng chí nói chuyện với bạn thân, vô tình chê bai người nào đó. Người bạn cũng trong một lúc cao hứng lại "bật mí" nói cho người khác nghe. Thế là "tai vách mạch rừng" lời chê tới tai người ta. Nhẹ thì giận hờn, nặng thì chửi bới đâm chém nhau. Thánh nhân xưa có nói "*Họa thoát ra từ cửa miệng*". Ngày xưa biết nhiều gia đình bị trừ di tam tộc, quan to mất chức, đại phú lưu đày, phú vãng cũng chỉ vì lời chê bai vô tình thoát ra từ cửa miệng. Không gì điên khùng cho bằng khi người ta mời mình tới nhà ăn tiệc mà mình chê bai thức ăn của người ta, trong tiệc cười bàn tán chú rể cô dâu xấu đẹp. Do đó người Mỹ luôn luôn khen ngợi "Wonderful! Great! Very Good!" Song cũng xin nhớ cho chê bai, dèm pha cá nhân khác với chuyện xây dựng, góp ý thẳng thắn, nhã nhặn trên các diễn đàn hay trên báo chí.

5) **Nhận phần thiệt về mình:** Người Phật tử tương đối hoàn hảo không tranh giành lợi lộc với ai. Nếu phải phân chia thì phần mình kém một chút cũng chẳng sao. Trong thương trường nếu phải chia tiền lời, trong gia đình phải chia gia tài do cha mẹ để lại thì nhường nhịn anh chị em một chút cũng được. Tranh giành gia tài, kẻ hơn người kém là nguyên do máu mủ chia lìa, có khi đi đến giết hại nhau. Câu chuyện ngụ ngôn "*Ăn trái khế trả túi vàng*" dạy chúng ta bài học nhường nhịn và không tham lam.

6) **Nhìn lỗi mình trước, nhìn lỗi người sau:** Mọi chuyện xảy ra trên đời này đều có nguyên do.



Nếu không do lỗi mình thì ắt hẳn lỗi người. Nếu là lỗi người và nếu nhỏ thì ta nên bỏ qua. Nếu là lỗi mình thì mình rút kinh nghiệm mà tu sửa. Chớ có khăng khăng kết tội người, không nhìn lỗi mình thì oan khiên không sao giải được.

7) **Chớ nói dối:** Đây là giới cấm rất quan trọng của hàng Phật tử có quy y. Tại Hoa Kỳ câu nói mà chúng ta thường nghe là "*Human being mistake*" tức - hễ là con người thì ai cũng lỗi lầm, giống như ngạn ngữ Việt Nam có câu "*Vua chúa còn có khi lầm*". Do đó người Hoa Kỳ để bỏ qua lỗi lầm. Thế nhưng phạm lỗi mà nói dối thì họ không bao giờ bỏ qua. Một ông dù là tổng thống, tổng bộ trưởng, thống đốc, dân biểu, thượng nghị sĩ mà nói dối thì cuộc đời tiêu tan. Trong đời sống hàng ngày, thậm chí ngay cả nơi thờ phượng... ai cũng có thể phạm lỗi. Nguyên do của phạm lỗi có thể vì không biết, vô tình hoặc do bị cảm dỗ, mua chuộc v.v... Nhưng khi phạm lỗi rồi mà nói dối hoặc đổ lỗi cho người khác thì lại là chuyện khác. Tại Hoa Kỳ người ta không khiển trách người phạm lỗi, họ chỉ giảng giải cách làm để lần sau làm đúng. Thế nhưng khi khám phá ra bạn nói dối thì họ sa thải bạn ngay và hồ sơ xấu sẽ theo bạn suốt đời với chữ "*liar*" (kẻ nói dối). Do đó tại gia đình, trong công sở, chốn công trường nếu chẳng may ta phạm lỗi thì cứ thẳng thắn nhận lỗi, đừng nói dối, đừng vu vạ, đừng đổ vạ cho người khác để tránh một thảm họa còn lớn hơn cả chuyện làm lỗi. Tại Hoa Kỳ này người ta dạy cho học sinh từ bậc mẫu giáo, tiểu học sự thẳng thắn nhận lỗi. Chúng ta và cả người Mỹ - ai cũng công nhận rằng thẳng thắn nhận lỗi là một hành vi vô cùng khó khăn. Người biết nhận lỗi là người can đảm và có tinh thần trách nhiệm rất cao. Một đất nước mà từ thứ dân đến vua quan, làm lỗi biết nhận lỗi (để tu sửa) là một đất nước cường thịnh và lần hồi trở nên vĩ đại. Một đất nước mà từ vua quan đến thứ dân làm lỗi mà chối lỗi thì lần hồi sẽ diệt vong, không "*thuốc*" nào chữa được.

8) **Biết xấu hổ:** Khổng Phu Tử dạy rằng kẻ mà còn có lòng tu ố (biết xấu hổ) thì còn giáo dục được. Do đó một kẻ ăn mặc khiêu dâm hở hang quá đỗi (tiếng Mỹ gọi là ăn mặc Hot) mà không biết xấu hổ, một kẻ nói năng thô bỉ trước đám đông mà không biết xấu hổ, một kẻ bòn rút của công làm của riêng mà không biết mình sai trái, một kẻ chuyên làm chuyện bẩn thỉu mà không biết ăn năn...đều là những kẻ không thể giáo dục được nữa và sẽ tiếp tục lao vào con đường hủy hoại. Lòng tu ố là sự

phản tình của lương tâm trước việc làm sai trái của chính mình, tự ý thức mà không cần ai nhắc nhở. Lòng tu ở là đặc hữu của con người. Chỉ loài người mới biết xấu hổ. Loài súc vật không biết xấu hổ khi chúng nó trần truồng. Nhưng loài người thì cảm thấy xấu hổ khi thân hình không mảnh vải, ngày xưa phải vội lấy lá che thân. Một người đàn bà đứng đắn sẽ cảm thấy vô cùng xấu hổ nếu thân hình của mình lộ lố ra trước đám đông. Ngày xưa hình phạt lỏa thể là hình phạt ô nhục nhất của đàn bà. Do đó một kẻ ăn mặc khiêu dâm, hở hang quá đỗi để chụp hình đăng báo, bán cho người ta xem mà không biết xấu hổ là loại người không còn giáo dục được nữa. Trong một đất nước mà kẻ trộm cắp, nói dối, lường gạt, thi cử gian lận, dâm ô, chen lấn không xếp hàng, xả rác bừa bãi, nói năng thô bỉ mà không hề biết xấu hổ thì đó chính là Địa Ngục mà Đức Phật mô tả trong Kinh Pháp Hoa. Chúng ta có thể chế bại người Mỹ chuyện này chuyện kia nhưng mới đây một Đô Đốc Hải Quân Hoa Kỳ đã tự sát khi báo chí khám phá ra ông đã đeo một huy chương mà ông không hề được tưởng thưởng trong Chiến Tranh Việt Nam. Sự tự sát (tự xử) này khiến người ta thương hại ông. Nếu ông không tự sát, người ta sẽ khinh bỉ ông và cả gia đình có lẽ cũng không sống nổi với lỗi lầm quá lớn của ông.

9) **Chớ can dự vào chuyện tào lao:** Trong gia đình, ngoài xóm làng, nơi làm việc, trong trường học hoặc cả nơi thờ phượng...chỗ nào cũng có rất nhiều chuyện tào lao. Xin nhớ chuyện tào lao không đem lại lợi ích gì mà chỉ mất thời giờ và chuốc họa vào thân. Người Phật tử tương đối hoàn hảo luôn luôn giữ gìn chánh niệm, không để "tâm viên ý mã" chạy lang thang rồi dính vào chuyện không đâu. Nhớ đừng chê bai, công kích, dè bieu, bần tán chuyện của người khác. Người Hoa Kỳ có một tập quán hầu như không bao giờ dòm ngó vào chuyện hàng xóm. Nhưng nếu khám phá thấy trong khu vực mình có gì khả nghi, chẳng hạn như kẻ trộm, kẻ cướp, phá hoại v.v... họ sẽ dùng số 911 âm thầm gọi điện thoại báo cho sở cảnh sát biết. Dĩ nhiên sở cảnh sát giữ bí mật tên người mật báo. Đây là cách hữu hiệu nhất để bảo vệ sự an lành cho khu phố, thôn xóm. Không can dự vào chuyện tào lao, không dính líu vào chuyện người khác tạo an lành cho xã hội và cho bản thân mình biết là bao nhiêu.

10) **Biết từ chối khéo:** Trong cuộc sống này không ai là không có bà con, bạn bè, đồng sự. Bạn bè, bà con giúp ta cũng nhiều nhưng nhiều khi cũng hại cả đời ta. Chẳng hạn bạn bè rủ trốn học, rủ ăn nhậu, rủ đi phòng trà ca vũ, bài bạc, đàn đúm, đồng nghiệp cùng sở, cùng công ty rủ rê làm ăn bất chính v.v... mà từ chối thì mất lòng, mất bạn, có khi gây thù oán. Vậy phải làm sao đây? Tại các trường học Mỹ người ta đã dạy cho học sinh cách từ chối khéo gọi là "**How to say No**". Trong những hoàn cảnh khó khăn nói trên chỉ còn cách "cáo bệnh" hoặc "nói dối" nhưng nói dối vô hại. Chẳng hạn, bạn cùng lớp rủ trốn học đi chơi, chúng ta có thể nói "*Bạn ơi, tuần rồi bố tôi mắng tôi một trận trời vì điểm tháng này của tôi kém quá. Xin bạn miễn cho tôi lần này. Khi nào điểm khá khá tôi sẽ đi chơi với bạn. Cám ơn bạn đã nghĩ đến tôi. Lúc nào tôi cũng quý trọng bạn*". Còn khi mình vừa đi làm về, cơm nước vợ đã dọn lên mà ông bạn cùng công ty tới rủ đi nhậu. Nếu không đi thì ông bạn sẽ rêu rao "*tháng này hèn*", "*tháng này sợ vợ*" v.v... Vậy phải làm sao đây? Khi đó chỉ còn cách cáo bệnh, giả ốm bụng nói "*Trời ơi! Hôm qua mới vừa đi bác sĩ vì loét bao tử*

thơ



Bến Giác

*Gặp nhau giữa chốn ta bà,
Mai sau không biết quê nhà nơi đâu?
Luân hồi bao kiếp bẽ dâu,
Xa trông bến giác hẹn nhau ngày về.*

Cõi Riêng

*Cõi riêng riêng chỉ mình ta,
Cõi chung một cõi Ta Bà mênh mông...
Đời là sắc sắc không không,
Lợi danh rồi cũng chung dòng tử sinh.
Góc riêng ngồi đọc Tâm Kinh,
Đêm mơ bến giác thấy mình rong chơi.*

QUỲNH ĐAO

lúc nào không hay. Bác sĩ dặn từ nay không được uống rượu nữa nếu muốn nhìn mặt vợ con. Xin anh/ông rước lại nhà tôi lần này. Khi nào bao tử bớt tôi sẽ mời anh/ông lại nhà tôi ăn nhậu một bữa thật phủ phé. Cám ơn anh/ông rất nhiều. Tuy nói vậy nhưng người Phật tử chân chính phải biết phân biệt chính-tà, phải có can đảm và dứt khoát xa lìa những người bạn xấu. Không có gì quý giá cho bằng có người bạn tốt, nhưng cũng không có gì nguy hại cho bằng giao du với bạn xấu. Biết bao nhiêu tội phạm ngày hôm nay xảy ra cũng chỉ vì giao du với bạn xấu, cao hơn là băng đảng và xã hội đen.

11) **Tránh khoe khoang:** Khoe khoang về thành tích, của cải, tài năng, nữ trang, xe cộ, con cái là "*rước giặc cướp vào nhà*". Khi mình khoe khoang như thế khiến kẻ giam nổi lòng tham, người bình thường thì ghen tị. Tâm lý người đời thường khinh ghét những kẻ "trường già học làm sang". Thường tình, hễ giàu sơ sơ thì hay khoe, còn giàu như tỷ phú Bill Gate thì chẳng cần khoe vì ai cũng biết rồi. Người xưa dạy rằng hễ giàu có thì phải năng làm chuyện phước thiện, giúp đỡ người nghèo khó và phải tỏ ra bình dị, khiêm tốn. Năm xưa Thạch Sùng đời nhà Tần giàu có thuộc loại "phú gia địch quốc" cuối cùng chết thảm cũng chỉ vì của cải. Riêng trong đời tôi đã từng nghe nói, từng chứng kiến bao triệu phú thời đại chết không có chiều mà chôn hoặc chết đói trong tù. Vậy thì của cải, danh vọng chưa chắc

đã đem lại an toàn hay hạnh phúc cho bản thân và gia đình. Đây là kinh nghiệm thực tiễn chứ không phải nói chuyện ngụ ngôn dạy đời.

12) Tuyệt đối tôn trọng luật lệ giao thông:

Tại Hoa Kỳ theo thống kê, mỗi năm có khoảng 40,000 người còn tại Việt Nam năm 2012 có khoảng 10,000 người chết vì tai nạn giao thông. Những cái chết này thật đáng thương và đáng lý ra có thể tránh khỏi. Là người Phật tử tương đối hoàn hảo chúng ta phải hiểu rằng luật lệ giao thông đặt ra không phải để bảo vệ nhà nước mà nhằm bảo vệ mạng sống của chính người dân. Ngồi lên trên một chiếc xe, bất kể loại xe gì chúng ta phải hiểu rằng chúng ta có thể gây tai nạn cho người khác và chết chóc cho chính mình hoặc người thân của mình ngồi chung trên xe. Do đó khi ngồi lên xe gắn máy, kể cả xe đạp chúng ta phải: đội mũ an toàn cho mình và cho con cái (không được miễn tử trong bất cứ hoàn cảnh nào), nếu là xe hơi, xe khách thì phải nịt giầy an toàn, không được lái xe quá tốc độ quy định, không được vượt đèn đỏ, không được vi phạm làn đường, không được lạng lách vì khi lạng lách khó điều khiển xe khiến gây nguy hiểm cho mình và cho người khác, phải mở đèn khi trời tối hoặc sương mù, không được lái xe khi đã uống rượu, nếu cảm thấy mệt mỏi - nhất là tài xế xe vận tải đường dài cần tấp vào khu vực nghỉ ngơi rửa mặt cho tỉnh táo, thấy khòe rồi mới tiếp tục đi, nếu thấy mặt đường trơn trượt hoặc mưa to gió lớn, nên báo cho cảnh sát giao thông biết và dứt khoát tấp vào lề đường nghỉ ngơi đợi thời tiết tốt mới đi. Đi bữa, đi ẩu là đi tới nghĩa địa. Khi nghe tiếng xe cảnh sát, xe cứu hỏa, xe cứu thương hú còi phải tấp ngay vào lề để nhường đường. Khi xe chết máy trên đường, trên cầu, trong đường hầm v.v... phải mở đèn nháy khẩn cấp để báo cho phía sau biết. Mới đây một xe vận tải chết máy trên Cầu Cần Thơ lúc chiều tối đã không bật đèn nháy khẩn cấp báo cho phía sau khiến một bà mẹ lái xe gắn máy cùng hai con nhỏ tông vào, ba mẹ con cùng chết thảm. Luật lệ lái xe xứ nào cũng vậy luôn luôn quy định người lái xe hơi, xe gắn máy phải nhường và dành ưu tiên cho khách bộ hành, người đi xe đạp, học sinh, người mù, người tàn tật băng ngang đường. Nếu bạn không nhường và lái xe một cách nguy hiểm, xe đi sau có thể gọi điện thoại báo cảnh sát và coi chừng bạn sẽ lãnh một giấy phạt cả trăm đô-la. Muốn biết luật lệ lái xe tại Hoa Kỳ được thì hành nghiêm ngặt như thế nào thì bạn cứ qua đây rồi sẽ biết. Vào lúc canh khuya, đường phố vắng hoe không người qua lại mà các xe vẫn phải ngừng lại khi có đèn đỏ và chờ đèn xanh mới được đi. Nếu bạn đi ẩu, vượt đèn đỏ mà máy chụp hình ghi được thì bạn có thể bị thu hồi bằng lái xe, phải đi học một khóa về luật lệ lái xe, rồi phải "lao động cải tạo" như quét dọn đường phố, lượm rác v.v... và bỏ ra khoảng 500 đô-la để đóng tiền phạt. Bạn đã thất kinh hồn vía chưa? Còn nếu bạn lái xe khi nồng độ rượu trong máu ở mức 0.08 thì bạn có thể bị tù. Xin nhớ cho tự do ở Mỹ không có nghĩa là muốn làm gì thì làm.

13) Không chen lấn: Xếp hàng chờ tới phiên mình là văn hóa lớn của các quốc gia văn minh. Trẻ em lớp mẫu giáo ở Mỹ đã học cách xếp hàng chờ tới phiên mình, học nhìn đèn xanh đèn đỏ để dừng lại hay băng ngang đường. Tại bất cứ cửa hàng buôn bán, dịch vụ, văn phòng chính phủ nào, nếu bạn chen lấn thì cô thư ký hoặc người tính tiền sẽ không phục vụ bạn và yêu cầu bạn phải xếp hàng. Lúc đó bạn có nước dợn thổ! Xin nhớ cho xếp hàng chờ tới

Tâm thế 1

*lưu thưa nhúm tóc
bạc trán lão niên
chiều xanh chút mộng
đong trắng nổi niêm.*

Tâm thế 2

*guốc gỗ nhịp hành lang
tay gậy ôm sợi tóc
người về trong chiều loang
hơi thuốc say tơ vàng.*

Tâm thế 3

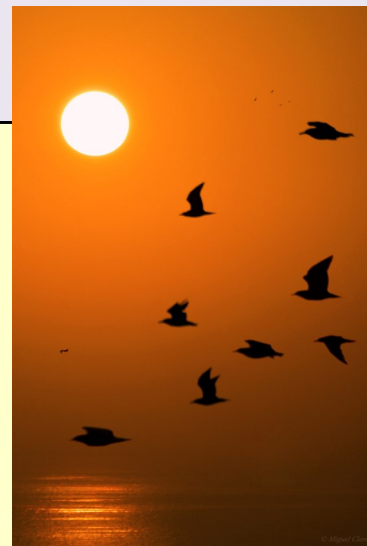
*gió đưa từng chân sóng
biển mở lòng chiều rơi
ai bên triền cát trắng
thả tóc bay kín trời.*

Tâm thế 4

*lùm tre biếc phủ
đường làng quê cũ
con tim bồi hồi
năm dài áp ủ.*

PHÙ DU

thơ



phiên mình còn là thể hiện tính công bằng, trật tự xã hội và tự trọng .

14) Không xả rác bừa bãi: Không xả rác bừa bãi là một thói quen có tính tự giác và cần phải được huấn tập. Một thành phố đầy nhà chọc trời cùng những khu thương mại tráng lệ mà rác rưởi đầy đường thì chẳng còn ra cái thể thống gì nữa. Rác rưởi làm mất vẻ mỹ quan, gây ô nhiễm môi trường (hôi thối), lây lan bệnh tật, làm chết những dòng sông, những con kênh tưới mát đang cung cấp nguồn nước và tôm cá. Do đó giáo dục người dân không xả rác bừa bãi là trách nhiệm lớn của đất nước. Phải dạy dỗ con em giữ gìn vệ sinh - không xả rác bừa bãi từ trong nhà ra tới trường học rồi tới công sở, trại lính cùng các nơi thờ phượng. Trước khi đề cao những đức tính cao đẹp của dân tộc, hãy chứng tỏ người dân của mình biết giữ gìn vệ sinh đường phố trước đã. Thói quen xả rác bừa bãi giống

như một cố tật rất khó sửa chữa. Hiện nay vẫn đề bảo lãnh gia đình, du lịch qua Mỹ tương đối dễ dàng. Vào các khu thương mại của người Việt như Thành Phố San Jose chẳng hạn, chúng ta sẽ bắt gặp những người mới định cư vài năm hoặc qua chơi. Họ thân thiện quảng mẩu thuốc lá hoặc hộp thuốc lá xuống đất mà không thấy ngại ngùng gì cả. Điều này khó thấy ở những người đã định cư lâu đời hoặc thanh thiếu niên trưởng thành ở Hoa Kỳ. Ngày nay, thói quen hút thuốc lá gần như "tuyệt chủng" tại Hoa Kỳ nhưng sắc dân hút thuốc là nhiều nhất lại là người Việt Nam.

15) **Giữ gìn vệ sinh chung:** Chúng ta phải giữ gìn vệ sinh từ buồng ngủ, nhà tắm, phòng ăn ra tới công sở, đường phố và tất cả mọi nơi. Nếu ăn uống chung như tiệc tùng, đám cưới, đám giỗ v.v... thì phải dùng muỗng nĩa chung để gắp đồ ăn, không dùng chén muỗng của mình. Khi ho thì phải bị miệng lại. Tuyệt đối không khạc nhổ xuống đất dù bất cứ ở đâu. Nếu muốn khạc nhổ, ta kín đáo nhổ vào một mảnh khăn giấy hay khăn mùi-soa rồi bỏ chiếc khăn giấy ấy vào túi. Về nhà chúng ta vứt mảnh khăn giấy ấy vào thùng rác có đậy nắp và giặt khăn mùi-soa. Ngoài trừ nhà hàng có hầu bàn dọn dẹp, tại các tiệm bán "đồ ăn nhanh" (fast food) như McDonalds hoặc cà-phê Starbucks... sau khi ăn uống xong chúng ta phải tự gom tất cả những gì còn thừa bỏ vào thùng rác. Không được để lại trên bàn hoặc ném xuống sàn bất cứ vật gì. Khi đi vệ sinh xong nhớ rửa tay và chùi khô bằng khăn giấy. Giữ gìn vệ sinh chung là bổn phận của tất cả mọi công dân và cần được giáo dục ngay từ thuở ấu thơ, từ gia đình tới học đường.

16) **Lịch sự, không nói năng ồn ào chỗ đông người:** Lịch sự có nghĩa là: cử chỉ nhẹ nhàng, nhường bước, không chen lấn, không tranh giành trong khi xếp hàng mua vé, trên xe buýt, nơi công sở hoặc khi mua sắm và tuyệt đối không nói năng ồn ào. Còn đối với các buổi lễ, hội thảo, thuyết pháp phải tuyệt đối giữ im lặng để tôn trọng người khác và để chúng tỏ mình có văn hóa. Trong đám đông, nếu có gọi điện thoại cầm tay thì phải nói với âm lượng vừa phải. Trong khi xếp hàng nhớ đứng đúng sát người ta quá mà phải giữ một khoảng cách vừa đủ. Nhớ không nhìn chằm chằm vào mặt người ta hoặc nhìn soi mói làm người ta khó chịu. Nếu có người nào đó đứng gần mình tỏa ra mùi hôi thì cố mà nhìn hoặc âm thầm bỏ đi, chớ làm bất cứ cử chỉ, lời nói nào tỏ ra khó chịu hoặc khinh bỉ. Trong một xã hội văn minh người ta tránh mọi hành động cử chỉ, lời nói hạ thấp phẩm giá người khác.

17) **Mim cười và chào hỏi:** Mim cười và chào hỏi là biểu hiện của thân thiện và hòa bình. Nụ cười và lời chào hỏi không mất tiền mua nhưng gây thiện cảm với tất cả mọi người và tạo cho quanh mình một không khí an lành. Tại Mỹ, trong công sở, trường học, hãng xưởng người ta luôn luôn chào hỏi nhau để tạo không khí an vui cho môi trường lao động. Nếu buổi sáng bước vào sở làm, bạn lầm lũi lì lì không chào hỏi ai thì mọi người chung quanh bắt đầu lo ngại. Thế nào cũng có người thân tới vỗ vai hoặc ôm lấy bạn hỏi, "Are you OK?" (Bạn có sao không?) Người Mỹ rất sợ phải làm việc trong một môi trường mà không khí nặng nề giống như... trái bom nổ chậm. Sự thân thiện không những có trong công sở mà còn lan ra ngoài đường phố. Chẳng hạn bạn đang chạy bộ trong một công viên, người chạy ngược chiều với bạn, dù không quen biết, khi gặp bạn họ cũng thường lên tiếng chào, "Hi, how are

SÓNG

thơ

*Sóng đẩy xô cho bờ thêm đau khổ
Gió thổi về làm sạch cát vô minh
Kiếp con người là một kiếp phù sinh
Tan biến hẳn những nhục vinh cõi tạm.*

*Sóng đẩy xô cho cát vàng chìm đắm
Hải âu về vỗ cánh diệt tử sinh
Cho dòng đời thoát khỏi cảnh điêu linh
Cho thế thái nhân tình tan nghiệp
chương.*

*Sóng đẩy xô nhận bay về tám hướng
Biển trần ai, chẳng vương bận gian lao
Những khổ đau trần thế khác chi nào
Đạo mẫu tòa để không còn bất hạnh.*

*Sóng đẩy xô cho đại bàng vẫy cánh
Bề nghiệp này đã dứt mọi nhiễm ô
U minh diệt, đi đến bờ giác ngộ
Mặc sóng vỗ, tâm Bồ Đề kiên cố.*

DIỆU ĐỨC

you? (Chào ông chào bà). Thậm chí gặp một em bé đi xe đạp họ cũng chào như vậy. Trong một đất nước mà xóm làng, đường phố, công viên tràn ngập tiếng chào nhau là đất nước thanh bình, thân ái, đoàn kết. Nhìn tượng Phật Di Lặc chúng ta thấy an vui vì ngài cười. Nếu tượng Phật Di Lặc mặt khó đăm đăm (nghiêm và buồn) hoặc nhăn nhó khổ đau chắc chúng ta chẳng ham đến gần hoặc chiêm bái ngài làm gì. Nụ cười đem lại niềm vui cho tâm hồn còn hơn cả liều thuốc bổ.

Kết Luận:

Là người Phật tử, chúng ta lấy giáo lý của Đức Phật làm nền tảng, cộng thêm với những giá trị rất thực tế của một xã hội văn minh, cùng nhau huân tập và cùng giúp người khác tiến lên để hoàn thiện xã hội. Hoàn thiện xã hội có nghĩa là làm cho xã hội, đất nước này mỗi ngày trở nên tươi đẹp. Khi đất nước và con người trở nên tươi đẹp thì đó chính là Cực Lạc Tại Thế. Hoàn thiện xã hội còn có nghĩa là "hăng thuận vì lợi ích chúng sinh". Mà "hăng thuận vì lợi ích chúng sinh" là cúng dường chư Phật. Năm xưa Đức Phật nói rằng, "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành" thì ngày nay chúng ta có thể phát nguyện:

"Chúng ta sẽ là những Phật tử hoàn thiện".

Sau hết, một đất nước cường thịnh, tươi đẹp - giống như sự tu hành- không phải là phép lạ từ trên trời rơi xuống mà đòi hỏi sự hy sinh, gian khổ. Không tự giác, không ý thức, không kỷ luật, không giáo dục bản thân thì đừng nói tới chuyện tươi đẹp./.

Đào Văn Bình
(Mùa Phật Đản 2557/2013)

PHÁP LÝ / HÀNH CHÁNH

TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

Đơn I-485

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

HUỲNH TẤN LÊ biên soạn



Trong đề tài hôm nay chúng tôi xin đề cập đến đơn I-485. Đơn I-129 xin cho tu sĩ được trở thành nhân viên tôn giáo không thường trú (Nonimmigrant Religious Worker) tức được quy chế R1. Khi đến Hoa Kỳ rồi, nếu muốn xin được thẻ xanh thì người tu sĩ phải nộp đơn I-360 xin quy chế nhân viên tôn giáo thường trú đặc biệt (Special Immigrant Religious Worker). Có quy chế này mới xin I-485 tức thẻ xanh hay thẻ thường trú.

- Khi có I-360 chấp thuận, người tu sĩ phải đi khám sức khỏe (Medical Examination) để chuẩn bị làm thẻ xanh. Chỉ có bác sĩ nào có ghi danh với SDT tham dự chương trình thì mới có quyền làm dịch vụ này. Vô website uscis.gov, bấm vào chỗ Resources, tìm Civil-Surgeon Locator và cho zip code của chùa thì sẽ có danh sách bác sĩ tại địa phương mình.
- Ngoài ra cần chuẩn bị 4 tấm hình loại passport, lệ phí 1070 đô và xin police clearance ở police department.
- Các loại giấy tờ cá nhân khác, giấy tờ chùa, hình ảnh trước cửa chùa, trong chánh điện và hình ảnh sinh hoạt cũng cần nộp theo đơn I-485 như đơn I-360 trước đây.

A. Các loại đơn cần thiết. Khi nói đến việc xin thẻ thường trú ai cũng nói đến đơn I-485 nhưng thật sự có hai đơn nữa cần phải điền là: I-765 và G-325A. Tất cả ba đơn này I-485, I-765 và G-325A đều nộp chung một lúc, cùng một địa chỉ của Sở Di Trú (SDT). Cả ba đơn này đều do chính vị Tu Sĩ tức người đứng đơn (applicant) ký mà không phải là vị Trụ Trì hay Hội Trưởng.

1. Đơn I-485 là đơn chính họ yêu cầu vị Tu Sĩ kê khai đầy đủ chi tiết lý lịch và nhất là những cơ sở mà người Tu Sĩ đã từng làm việc từ lúc 16 tuổi đến ngày nộp đơn. Một điều quan trọng là trong Giấy Chứng Nhận từ Việt Nam đã khai thời gian làm việc như thế nào thì lời khai trong I-485 phải phù hợp với thời gian đã khai. Lệ phí cho đơn I-485 là 985 đô và lệ phí lần tay là 85 đô, tổng cộng là 1070 đô.
2. Đơn I-765 tức đơn xin phép được làm việc. Nhiều người cứ nghĩ rằng đơn này không cần thiết nhưng thực sự nó là một yếu tố quan trọng trong việc xin thẻ thường trú. Lệ phí xin đơn này hiện nay là 380 đô nhưng với tình trạng di trú của Tăng Ni thì SDT cho miễn phí. Trong cột thứ 16 họ hỏi category của tu sĩ, xin trả lời là () (C) (9). Khi chấp thuận họ cho hạn định làm việc có hiệu lực một năm và có thể xin thẻ mới nếu thẻ thường trú chưa được chấp thuận. Trong lần xin thẻ mới thì phải đóng lệ phí 465 đô gồm 380 đô lệ phí đơn I-765 và 85 đô lệ phí lần tay.
3. Đơn G-325A là đơn cung cấp những tin tức thuộc về lý lịch của mình để SDT đối chiếu, điều tra và cung cấp những tin tức này cho các cơ quan khác xin được xác nhận. Đơn G-325A cộng với dấu lần tay của người tu sĩ họ có thể tìm được những vi phạm về hình sự đã xảy ra trong thời gian tạm trú tại Hoa Kỳ. SDT không đòi hỏi phải có Police Clearance nhưng người tu sĩ nộp giấy này là để đơn gian thời gian điều tra và việc cấp thẻ thường trú sẽ được nhanh hơn.

B. Thủ tục xét đơn I-485.

Trước năm 2008, từ lúc nộp đơn I-129, I-360,





và I-485 cho đến khi có kết quả, thời gian trung bình là 6 tháng cho ba giai đoạn này, có người còn nhanh hơn. Mỗi khi lần tay xong thì trong vòng 2 tuần SDT gửi thẻ thường trú về. Bây giờ vì tình hình ngân sách bị cắt giảm, thiếu hụt nhân viên nên thời gian 5, 6 tháng không còn nữa mà phải đến 9, 10 tháng, có lúc còn lâu hơn. Đó là thời gian cho một hồ sơ chuẩn bị đầy đủ, còn những hồ sơ không đầy đủ và không chuẩn bị chu đáo thì càng lâu hơn và đôi lúc còn bị bỏ tù nữa.

Khi nộp đơn I-485, cũng như những đơn khác, SDT sẽ gửi về hai biên nhận, một cho I-485 và một cho I-765 với số tiền 985 đô và lệ phí lần tay 85 đô.

C. Những rắc rối trong khi xin I-485.

Có thể nói đây là giai đoạn sau cùng để xin thẻ thường trú và đây cũng là lúc SDT xét hồ sơ kỹ nhất. Những vi phạm như ở quá hạn tại Hoa Kỳ, xin R1 không liên tục vì thời gian B1/B2 quá ngắn, chuyển chùa không xin R1 mới, làm việc không hợp pháp đều bị khám phá và bác đơn. Họ xét rất kỹ Giấy Khai Sanh và nhiều trường hợp SDT yêu cầu bổ túc tờ khai hộ khẩu thường trú để đối chiếu. Kinh nghiệm cho hay là nếu vị nào đi theo diện B1/B2 dù họ cho thời gian 6 tháng hay một năm, khi có ý định xin R1 để ở lại thì phải tiến hành ngay từ những ngày đầu tiên bằng thẻ thức premium processing tức xin theo thủ tục nhanh để SDT thấy người tu sĩ làm việc tình nguyện không lâu và nhất là cho kịp thời gian B1/B2. Chỉ khi có R1 rồi thì người tu sĩ mới làm việc như một nhà truyền giáo. Khi ở diện B1/B2 thì chỉ làm việc như một người tình nguyện. Đó là Luật Di Trú, không phải giới luật ở Chùa.

Tóm lại trong mọi giai đoạn xin giấy tờ, những vị nào, chùa nào hiểu tiếng Anh đều có thể tự làm đơn được và đây là một việc chuyên môn nhưng không khó. Do yêu cầu của nhiều nhóm, chúng tôi sẽ phát hành "Cẩm Nang Di Trú cho Tu Sĩ Phật Giáo Tại Hoa Kỳ" với những bài như thế này và có các FORM đầy đủ hướng dẫn từng chi tiết cũng như hồ sơ model tức hồ sơ mẫu. Chỉ có cẩm nang mới cho hết các Form vào được vì có Form dài 32 trang, 12 trang, 6 trang và một ít Form chỉ có một trang. Xin quý vị thông cảm.

Đề tài kỳ tới sẽ nói về đơn N-400 xin quốc tịch. Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soan Báo Chánh Pháp hay điện thư về drlehuynh@gmail.com hoặc gửi thơ về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701.

SÁM HỐI

thơ

Nam Mô Bốn Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

*Xin sám hối những điều làm sai trái,
Vội mẹ cha, nội, ngoại, kẻ bề trên,
Kiếp nhân sinh, vì mê muội, đã quên
Sống sân hận, cái Ta không tha mãi!
Xin sám hối những điều làm chưa đủ,
Cho bạn bè, con cháu, những thân quen
Họ khổ đau, thiếu hụt, mới đến tìm
Nhưng ích kỷ, vô tình, không giúp đỡ
Xin sám hối tội vô ơn, bạc nghĩa
Quên ân tình, những kẻ đã giúp mình
Từ hạt cơm, cọng chỉ, những hy sinh
Các chiến sĩ quên mình vì tổ quốc...
Vội súc vật, lại ý quyền, hà hiếp
Cố dạy răn, nhưng ngu xuẩn cứ làm
Bị đòn đau, vẫn lì lợm, vô tri...
Xin tha thứ, thiếu từ bi với chúng
Nghĩ cho cạn, suy cho cùng, sẽ rõ
Ta đến đây, đời sống ý nghĩa gì?
Hai tay không, ngưng thờ, chẳng có chi!
Ai mang được những bạc vàng dương thế?
Con lạy Phật, xin soi đèn trí tuệ
Cho con tìm ra hết những lỗi lầm
Con đã làm, đã phạm tội xa xăm
Cùng cha mẹ, người thân, sư, trên, dưới...
Bời lặn lộn trong sáu đường, ba cõi
Nên đắm chìm trong ngục tối, vô minh
Cứ bám theo thân giả chốn dương trần
Sống tranh chấp, ăn thua, giành phần được...
Sống ích kỷ, tánh tham lam tật đố
Chẳng nghĩ suy, dùng thủ đoạn thấp hèn
Lấy của người, làm thiệt hại chúng sanh
Rồi ôm giữ, vét vơ cho đầy túi
Tâm bợn xén, không giúp người khốn khó
Dù một lời, để xoa dịu niềm đau
Tánh sân si, tham lợi dưỡng ta bà
Thêm ganh tỵ, ghét ghen người hơn, trước...
Xin sám hối, phật lộ, con sám hối
Mong từ tâm, tất cả hãy thứ tha
Dù vô tình hay cố ý, làm ra
Xin sám hối, cúi đầu, xin sám hối
Lòng chân thành xin Phật Đà chỉ lối
Lỡ sai lầm, nay hối hận, ăn năn.
Xin thứ tha, khi xả báo thân này
Về bên Phật, niềm an vui muôn kiếp...
Nguyện tha thiết, khi trần gian xa lánh
Không còn trôi lặn lộn, dứt luân hồi,
Làm đài sen, chân Phật, khắp nơi nơi
Bên cạnh Phật, chúng sanh vui hoá độ...*

Nam Mô A Di Đà Phật,
Nam Mô cầu sám hối Bồ Tát Ma Ha Tát

TÂM THÁNH THIỆN

Nụ cười sơ tâm

LAM KHÊ



Trời đúng bóng. Nắng gay gắt. Trận mưa to hôm trước làm mặt đường lầy lội ngập nước. Ngồi sau chiếc xe đạp cọc cạch của ba, tôi đưa mắt nhìn cảnh vật hai bên đường với tâm trạng vừa băng khuâng vừa hồi hộp. Tâm trạng người sắp được bước sang một khoảng đời khác.

Xe thẳng gấp trước ngõ vào chùa. Tôi bước xuống lộ bộ, hai tay ôm chặt túi xách nhỏ trước ngực. Ba dắt xe đạp đi trước. Chiếc nón vải rộng vành che khuất, nhưng tôi vẫn nhìn thấy rõ gương mặt rần rôi đầy vẻ ưu tư của ông. Ba nhìn quanh nói nhỏ:

- Sư cô đang ở ngoài vườn.

Dựng xe bên góc cây, ba dẫn tôi rẽ vào lối đi giữa hai luống mì cao quá ngực. Sư cô ngồi nghỉ với mấy chị bên đồng lúa un khói. Một người đang nướng khoai mì ăn giải lao giữa bữa. Mấy chị này đều là dân thành phố. Ai cũng xinh đẹp trong bộ áo nâu sồng của một tín nữ ở chùa. Ba tôi thưa chuyện với thầy xin gởi tôi ở chùa tập sự tu. Sư cô gật đầu:

- Thôi được rồi. Chú cứ để cháu lại đây.

Dáng ba khuất dần sau đám rẫy. Trời vẫn nắng gắt. Đồng lá un khói cháy bùng làm mắt tôi cay sè. Tôi đang nghĩ về ngôi nhà nhỏ của mình. Chiều nay các em đi học về sẽ không gặp được chị. Má tôi chắc cũng buồn. Nỗi buồn thâm lặng của người phụ nữ suốt đời quen chịu đựng cơ cực. Bắt đầu từ hôm nay, tôi phải tập quen với cuộc sống mới. Tiếng Sư cô gọi làm tôi giật mình:

- Tâm lại đây. Đứng ngay đầu gió húng khói hả con. Tới ăn mì nướng với mấy chị nè.

Tôi để gói hành trang xuống, rút về đến ngồi phía sau lưng Sư cô. Người đưa cho tôi một củ khoai mì. Mùi mì nướng thơm phức. Sư cô ôn tồn hỏi:

- Con ở chùa tập sự tu thì phải lo học kinh học kệ. Có gì không hiểu thì hỏi mấy chị. Mà con đã học thuộc kinh gì chưa?

Tôi đáp lí nhí:

- Dạ... thưa chưa. Con chưa thuộc kinh gì hết ạ.

- Tối nay Sư cô chỉ cho con học. Ăn mì rồi, con phụ với mấy chị bò đậu xanh...

Mấy chị cứ sĩ gỏi và xưng với nhau bằng huynh. Thấy tôi rụt rè quá, huynh Hào, người lớn tuổi hơn hết nói:

- Tâm có vẻ hiền quá, thưa sư bác. Ở chung với điệu Nhi chắc là bị ăn hiếp.

Sư cô và cũng là thầy của tôi nhẹ gật đầu:

- Ủ! Hiền mà có tâm tu là tốt.

Huynh Huyền tiếp lời:

- Tại mới... chứ ở lâu quen rồi dễ gì ăn hiếp được há Tâm? Mấy huynh tu rồi, ai cũng hiền. Không bắt nạt Tâm đâu.

Huynh Hòa phì cười:

- Mô Phật! Hiền cỡ huynh Huyền thì phải biết. Mà nãy giờ sao không nghe Tâm nói gì hết vậy. Nói chuyện cho mấy huynh nghe đi Tâm.

Tôi ậm ừ vì không biết phải nói gì. Huynh Huyền đưa cho tôi thêm củ mì:

- Ăn đi bé. Ăn rồi phụ mấy huynh bò đậu tới tối mới xong lận. À! Mà Tâm bao nhiêu tuổi rồi? Còn đi học không? Đi tu cực lắm đó, phải làm lưng, thức khuya dậy sớm...

Tôi cúi mặt đáp nhỏ:

- Dạ em mười bốn, học lớp bảy, nhưng nghỉ học rồi.

- Chà! Huynh Hào vội lên tiếng:

- Xem mấy huynh hỏi cung người ta kìa. Để cho Tâm ăn với chứ mấy huynh. Hỏi chi mà dữ vậy. Tâm ăn đi. Mấy huynh ở đây thích trêu chọc cho vui vậy đó.

Tôi nhón miệng cười, mắt dõi theo mấy cụm khói bay lơ lửng dưới bóng nắng chiều. Huynh Huyền lại trêu:- Sư bác xem Tâm cười kìa. Cười gì mà như mèo ấy. Bắt đầu hôm nay, Tâm phải tập ăn, tập nói và tập cả cười nữa đấy nghe. Cười thật tươi, thật to... như huynh vậy nè.

Huynh Huyền cười phá lên làm mọi người cùng cười theo. Buổi lễ nhập môn không quá căng thẳng như tôi nghĩ. Cảm

thấy nhẹ lòng, tôi ăn vội củ mì rồi đứng lên bắt tay vào công việc tập sự đầu tiên ở chùa. Mặt trời lui dần sau ngọn cây. Một ngày sắp trôi qua.

* * *

Buổi tối sau thời tụng kinh, thầy dạy cho mấy chị học 214 bộ chữ nho. Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn quá đường dài. Ngọn đèn măng sông tỏa sáng. Không gian tĩnh lặng và thật ấm cúng. Tôi ngồi học kinh Di Đà ở cuối bàn mà thỉnh thoảng lại chồm lên nhìn xem mấy chị viết chữ Hán. Tôi chưa biết loại chữ này, nhưng thấy hay hay ngộ ngộ. Thấy tôi vò vè tập viết, sư phụ nói:

- Ráng học hai thời công phu thuộc rồi thầy dạy học chữ nho.

Huynh Hào nhìn lên nói nhanh:

- Tâm thông minh nên học mau thuộc lắm, thưa sư bác. Cộn chữ nho nhìn qua là biết mặt chữ. Viết cũng đẹp.

Huynh Huyền xen vào:

- Lại biết làm thơ nữa chứ...

Sư phụ nhìn tôi trầm giọng:

- Con muốn làm thi sĩ hả Tâm?

Tôi cúi mặt, lo lắng:

- Dạ... thưa không. Con...

Sư phụ gật gù nhỏ nhẹ:

- Muốn làm gì thì trước hết cũng phải lo học thuộc kinh kệ, có phẩm hạnh mới được xuất gia. Xuất gia rồi lại càng tinh tấn, giữ vững tâm cầu đạo thuở ban sơ. Các vị thiền sư thuở xưa khi chứng ngộ rồi, có vị vui cảnh thiên nhiên mà xuất khẩu làm thơ. Thơ thiền của các vị là cảnh sắc muôn màu ngự trị nơi thế giới tâm linh tĩnh lặng. Tâm đối cảnh không còn vướng mắc thì mỗi vần thơ là một nguồn pháp lạc vô biên.

Tôi ngẩn người nghe sư phụ giảng về thơ dù chẳng hiểu gì là thơ thiền thơ tịnh. Tôi chỉ làm thơ con cóc chứ có biết gì là thơ đâu. Sư phụ đã dạy vậy, tôi thôi không còn thơ thần văn vở nữa. Hằng ngày tôi giữ việc nấu cơm, kiểm củi trong vườn. Rảnh thì học kinh

công phu tụng niệm. Mỗi lần thấy tôi cầm cuốc ra vườn định phụ làm thì mấy chị thường la rầy:

- Tâm vô lo nấu ăn, làm việc trong chùa đi. Việc làm vườn cuốc đất để cho mấy huynh...

... Sáng sớm tôi ra vườn hái rau. Rào qua góc chuồng bò, trông thấy sư phụ, tôi liền bước tới. Nhà chùa có nuôi một o bò cái để lấy phân bón cây. Thầy đặt tên là Vàng, vì màu lông của nó vàng ánh, tuyệt đẹp. Con Vàng này là của người Phật tử cho lúc thầy mới lên đây canh tác. Con Vàng đang đứng bên ngoài chuồng, miệng nhóm nhạp nhai nhúm cỏ tươi. Tôi đến gần và phát hiện một chú Nghé, liền buộc miệng:

- Ôi! Nghe con. Ở đâu ra vạy...

Thầy cười:

- Mẹ nó mới cho ra đời hồi hôm. Con Vàng chuyển dạ lúc nửa đêm. Lúc trời mưa to, thầy và mấy huynh phải vất vả lắm mới giúp nó sanh nở được mẹ tròn con vuông.

Hồi đêm nghe tiếng lục đục tôi có tỉnh giấc. Trời mưa to quá và gió đánh phần phật như muốn lật tung cả mái tranh. Nghe tiếng thì thầm nói chuyện của mấy chị, nghĩ mọi người đang bận che chắn nước mưa nên tôi không trở dậy. Tiếc thật. Tôi đã bỏ mất cơ hội được tận mắt nhìn Sư phụ đỡ đẻ cho con bò. Thầy rất thương con Vàng và việc nó mang thai là một quá trình kết hợp đầy lý thú. Chuyện này tôi chỉ nghe mấy chị kể lại.

Tôi nhìn kỹ thấy con Vàng chẳng có vẻ gì mệt mỏi sau lần vượt cạn khó khăn. Nghe đứng cạnh mẹ, lẩn xấn vờ vỉnh đòi bú sữa. Hai mẹ trông thật hạnh phúc. Thầy đưa tay vuốt lên bộ lông vàng mượt của con Vàng.

Con vật cũng cạ nhẹ chiếc đầu dính đầy rơm vào bàn tay thầy.

- Vàng đang cảm ơn thầy đã giúp nó được mẹ tròn con vuông. Con vật biểu lộ tình cảm và sự biết ơn theo cách của nó.

Thầy lại thì thầm bên tai Vàng:

- Hôm nay con đã làm mẹ rồi nhé. Ăn nhiều cỏ tươi để có sữa cho nghé con bú. Ở chùa thì phải biết nghe kinh kệ, thầy và mấy cô sẽ tụng kinh chú nguyện cho hai mẹ con. Biết nghe kinh, khi thoát kiếp thú được sanh trở lại làm người có chánh tín...

Con Vàng cúi đầu. Dường như nó hiểu hết những lời thầy nói. Thầy bảo loài vật dù hữu tình hay vô tình đều có Phật tánh. Con vật do Phật tánh lu mờ nên phải sanh ra làm kiếp thú. Con Vàng biết gieo duyên lành với Phật pháp, đời sau nó sẽ gặp quả tốt. Một thành viên mới vừa chào đời làm không khí ở chùa rộn ràng vui nhộn hơn. Thầy và mấy chị bận bịu suốt ngày bên hai mẹ con. Với tôi đây là một sự kiện mới mẻ. Sau nhiều tháng ở chùa, tôi thấy mình như được lớn khôn thêm.

* * *

Sư cô tôi có một ngôi chùa nhỏ ở thành phố. Sư chú - Thầy của mấy huynh đang coi sóc trên đó. Trước đây thầy có mở Ký nhi Viện tại chùa, vì người rất yêu thích trẻ con. Thấy vùng đất mới này chưa có trường mẫu giáo, thầy bèn nhận nuôi trẻ cho những gia đình trong xóm. Thầy dạy chúng học, dạy hát, và bày các trò chơi. Tôi cũng có phụ thầy vài việc linh tinh. Được một thời gian thì thầy bị bệnh phải về chùa phổ điều trị. Mấy chị cũng về hết trên ấy. Ngôi chùa quê chỉ còn lại vài cô Phật tử và tôi. Và thế là tôi nghiêm nhiên trở thành cô giáo dạy trẻ bắt đầu đi.

Tôi dạy đám học trò nhỏ của mình học hết 24 chữ cái, rồi dạy rập vần, tập viết, đọc chữ. Tôi định ninh là chỉ trong một thời gian ngắn, các bé sẽ biết đọc biết viết làu thông. Ít hôm sau khi mở tập một bé, tôi phát hiện mấy dòng chữ của phụ huynh:

"Thưa cô giáo! Các cháu còn trong tuổi mầm non. Cô giáo dạy nhiều quá e tạo áp lực căng thẳng, các cháu khó mà tiếp thu được, sẽ có hại cho trí não. Xin cô giáo dạy theo phương pháp sư phạm để đầu óc non nớt các cháu được thoải mái vừa chơi

vừa học"

Ôi! Một người mới trình độ lớp bảy như tôi thì làm gì biết đến phương pháp sư phạm. Tôi chỉ dạy thế cho sư phụ một thời gian thôi mà, có gì phải nghiêm trọng dữ vậy. Không dạy nữa thì thôi. Tôi để cho bọn trẻ mặc sức chơi đùa quậy phá trong khuôn viên chùa. Tôi vừa ngồi nhìn chúng nó đùa vừa học kinh. Thịnh thoàng nhìn ra cổng chờ đợi. Tôi đợi sư phụ về. Tôi cầu mong mình sớm được xuất gia. Mà sao sư phụ đi lâu quá. Tôi ở chùa đã hơn năm, học xong hai thời công phu, học thuộc cả 214 bộ chữ Hán. Sư phụ có đưa cho tôi quyển Tam Thiên Tự. Và tôi cũng đang nghiên ngẫm tự học. Những buổi tối ngồi học một mình, tôi nhớ mãi lớp học có thầy và mấy huynh. Khung cảnh yên bình ấm cúng ấy chắc chẳng bao giờ còn trở lại. Mấy huynh về thành phố xuất gia và chẳng ai còn thích ra đây nữa. Nghe nói Sư phụ tôi cũng bận dạy lớp mây tre lá gì đó. Người sẽ không còn trở lại nơi này.

Lớp dạy trẻ tồn tại đâu được vài tháng thì chấm dứt. Trong thôn xã người ta đã cho xây trường Mẫu giáo rồi. Tôi trở lại công việc nấu ăn, kiểm củi và cũng thôi không còn mong đợi gì nữa. Đôi khi tôi nghĩ, nếu mình không đủ duyên xuất gia vì nghiệp chướng quá nặng, thì cũng đành làm một tín nữ ở chùa. Tôi đã quen với cảnh chùa quê yên tĩnh vắng người. Nếu xuất gia về chùa phố tôi sợ mình khó lòng thích hợp. Còn nếu xuất gia rồi mà vẫn ở đây, không có thầy chỉ dạy thì con đường tu của tôi sẽ như thế nào.

* * *

- Sư phụ về, Tâm ơi...

Nghe tiếng mấy cô reo lên ngoài sân, tôi vội chạy ra. Sư phụ về. Người dựng xe giữa sân rồi đi quanh xem vườn. Như vậy là thầy không ở lại. Người chở lương thực lên cho chùa. Một lúc sư phụ vào nhà bếp thấy tôi lui cui dọn ăn liền nói:

- À! Tâm! Ăn cơm xong con lấy xe đạp về nhà thưa với ba má là rằm này lên chùa dự lễ xuất gia của con.

Tôi ấp úng như không tin vào những gì mình vừa nghe:

- Con được xuất gia ... Ở đây thưa thầy...?

- Chiều nay thầy chờ con về chùa trên phố. Rằm làm lễ xuất gia cùng với mấy huynh nữa. Con



lo sửa soạn hành lý đi.

Tôi mừng quá. Tay chân cứ quỳnh lên. Cuối cùng điều tôi mong ước đã đến. Tôi đã trông đợi biết bao cho ngày lễ trọng đại này. Mấy tháng trước, huynh Hòa có lên. Huynh lên để lấy vài món đồ gì đó rồi về ngay và không quên thông báo cho tôi một tin:- Sư bác nhắn rằm này bác lên làm lễ xuất gia cho Tâm đó. Ráng học kinh giỏi nghe.

Ngày rằm, tôi dậy thật sớm quét dọn trong ngoài sạch sẽ. Lòng hân hoan trong tâm trạng chờ đợi. Buổi chiều trôi qua. Rồi tối đến, vẫn không thấy Sư phụ. Ai cũng bảo thầy không lên đâu. Song tôi vẫn hy vọng, chờ đợi. Sau thời tụng kinh tối, tôi bắt ghế ra ngồi giữa sân ngắm trăng mà tâm trí dõi theo mọi tiếng động từ xa. Thầy thường lên về bằng Honda đen. Hôm nay có trăng, biết đâu người bất ngờ hứng thú chạy xe lên. Trăng rằm lung linh sáng tỏ. Cảnh vật dường như đang muốn sẻ chia với người đa mang tâm trạng đợi chờ.

Ngày lễ xuất gia quả là trịnh trọng. Phật tử chùa cùng người thân của ba huynh đệ đến dự thật đông. Ba và đứa em gái nhỏ của tôi đã có mặt ở chùa từ sớm. Sư chú sắp bày lễ xuất gia đầy đủ nghi thức như thời chư Tổ sư tầm đạo. Chúng tôi được trao cho một cây tre dài, một đầu buộc đôi dép, đầu kia là gói hành trang nhỏ. Ba huynh đệ đi chân đất quây gánh quanh cây bồ đề ba vòng, hàng Phật tử nối tiếp theo. Sau đó mọi người cùng trở vào quỳ trước chánh điện làm lễ. Thời tụng kinh chú nguyện vừa xong, thầy dùng kéo cắt mái tóc dài của tôi đưa cho ba, rồi mới cạo hết chỗ tóc còn lại. Tôi đã mười sáu tuổi, nhưng thầy vẫn cho để chỏm. Thầy bảo:

- Còn nhúm tóc là còn phiền não. Con phải nỗ lực chuyên tu cho dứt phiền não thì thầy mới cạo hết.

Tôi được xuất gia. Cảm giác hân hoan kéo dài trong nhiều ngày liền. Sáng ngủ dậy thấy mình bỗng chốc thành một người khác. Rờ lên mái đầu trống trơn là lạ, lòng xao xuyến như vừa đánh mất đi một cái gì đó rất đổi thân quen. Một mái tóc dài. Một chút hình hài xưa cũ. Tôi đã rũ bỏ tất cả để bước sang một trang đời mới. Chỏm tóc nhỏ xíu vắt qua tai thật ngộ, tôi soi gương và mỉm cười một mình. Huynh Hào đi ngang qua, thấy

thơ



Quảng gánh lo

*Đêm qua giấc ngủ chập chờn
Sáng nay thức dậy nỗi buồn không tên
Tháng ngày trống vắng chành vênh
Nghe trong thỉnh lặng tình mềm đôi vai
Ta đi xoay giấc mộng dài
Trăm bề nghìn nỗi hình hài sắc không
Đôi tay muốn níu nghìn trùng
Cuộc đời dâu bể cuộn vòng tử sinh
Trăm năm thu gọn bóng hình
Xác thân lưu lạc cũng thành hư không
An vui giây phút tự lòng
Buông trôi phiến não thông dong dòng đời
Vô thường thả gió cuốn trôi
Cho ta giữ lại nụ cười hồn nhiên.*

XUÂN MAI

tôi cười thì đứng lại nói:

- Tâm xuất gia rồi trông khác hẳn. Mặt mày sáng sủa lên. Không còn vẻ trầm ngâm tư lự như trước.

Huynh Huyền phụ họa:

- Lại hay cười nữa. Cười tươi như hoa ấy.

Sư phụ từ trong phòng bước ra. Tôi cúi đầu khép nép, sợ bị người quở trách.

- Đó là nụ cười sơ tâm, nụ cười hoan hỷ của một hành giả vừa bước chân vào cửa đạo. Con phải giữ nụ cười trong sáng ấy trong suốt cuộc đời...

Sư phụ ngưng nói, đi lại phía học bản lục tìm giấy tờ gì đó. Tôi chần chừ, muốn thưa thầy cho mình trở về chùa rầy mà không dám. Một lúc sư phụ bước tới đưa cho tôi tờ giấy:

- Đây là giấy nhập học. Con ghi lý lịch vào đây đủ. Ngày mai diệu Nhi đem lên trường nộp để

xin nhập học.

Thầy tôi còn ngờ ngác, thầy nghiêm giọng:

- Thầy cho con học tiếp phổ thông. Vài năm nữa có đàn giới, thì cùng với mấy huynh thọ giới Sa di. Học hết phổ thông thầy sẽ gửi vào Ni trường học đạo. Muốn học đạo pháp cũng cần trao dồi thêm kiến thức thế học.

Tôi là cô Diệu mới xuất gia. Và ngày mai tôi lại được đi học. Tôi mân mê chỏm tóc, thấy mình như bước ra từ trong một câu chuyện cổ tích nào đó.

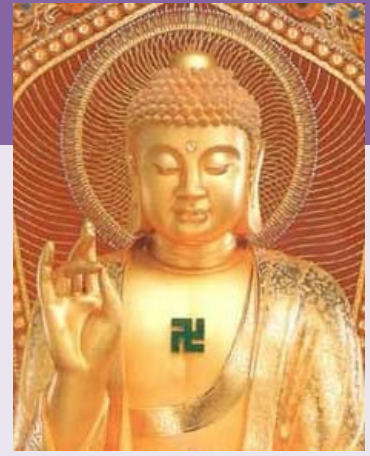
Thì tôi vừa được sanh ra trong ngôi nhà chánh pháp mà. Tâm niệm ban đầu. Nụ cười sơ tâm. Hành trang đạo tình thuở đầu đời rồi đây sẽ chắp cánh cho tôi vươn xa trên mọi nẻo về tâm thức./.

Lam Khê

Đức Phật của thằng Moi

HUỲNH KIM QUANG

Tượng Niệm Ngày Đản Sinh Của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Lần Thứ 2,637



Nó là một đứa bé miền quê, mà người trong làng hay gọi là thằng Moi. Có lẽ vì hồi nhỏ nó hay moi đất sét để nắn cái này cái kia cho nên, mới có cái biệt hiệu đó. Nó nhớ hồi đó, có lần nó nắn tượng mấy ông Phật mà nó thấy trong chùa, bị mẹ nó la cho một trận tơi bởi khói lửa, nói là không nên làm vậy vì thất kính với Phật. Trong đầu óc nó không biết làm như vậy là thất kính với Phật, nó chỉ biết thấy ông Phật trong chùa như thế nào thì nắn lại như vậy. Mà mẹ nó nói cũng đúng. Nó nắn tượng Phật xấu hoắc, không có tướng hảo quang minh gì cả, chỉ làm xấu đi hình tượng phước trí trang nghiêm của Phật mà thôi.

Nó có duyên vào chùa từ lúc còn tằm bé, đầu chừng một vài tuổi gì đó. Nhưng, kỷ ức trong nó còn ghi lại được về hình ảnh ngôi chùa và đức Phật thì chắc vào khoảng 4, 5 tuổi.

Đó là ngôi chùa quê ở miền Trung. Một ngôi chùa đơn sơ, mộc mạc, dân dã nằm giữa cánh đồng ruộng mênh mông bên con đường đất gồ ghề, sỏi đá lờm chờm. Không khí trong chánh điện của ngôi chùa với nó lúc đó rất thiêng liêng, thần thoại, và có cái gì đó làm cho một đứa bé như nó cảm thấy sợ sệt, nhất là tượng của ngài Tiều Điện Đại Sĩ mà bọn trẻ được biết đến với tên là Ông Tiều, và hai ông Hộ Pháp mặt đỏ, mặt trắng. Ông Tiều thì thờ riêng một bàn, còn hai vị Hộ Pháp thì đứng hai bên bàn thờ Phật. Hồi đó nó không dám đứng đối diện để nhìn thẳng mặt Ông Tiều, mà chỉ dám đứng xa xa ngoài cửa hàng ba để lén lén nhìn vào Ông. Nhưng, điều lạ là bất cứ nó đứng ở đâu dù lén lút nhìn thì cũng thấy Ông nhìn chăm chăm vào nó. Nó sợ Ông Tiều đến nỗi không bao giờ dám một mình bước vào chánh điện chùa mà không có ai, dù là giữa ban ngày ban mặt. Hễ thấy Ông Tiều là nó sợ. Ngược lại, thấy những tượng Phật trên bàn thờ Phật chính trong chùa thì nó

không sợ hãi gì, chỉ có cảm nghĩ đức Phật là một vị thần thánh gì đó cao siêu, thần thoại, bí mật lắm. Trong những ngôi chùa miền Trung vào thời đó, đa phần đều thờ nhiều tượng Phật trên bàn thờ chính trong chánh điện nên, vị nào cũng không lớn lắm, chỉ cao độ 5, 6 tấc là cùng.

Vài năm sau, lúc 7, 8 tuổi, nó được vào chùa ở luôn. Với nó, lúc ban đầu, công việc khó khăn, đáng sợ nhất mà mỗi ngày phải làm là thời khóa cúng thí thực cô hồn vào chiều tối. Cúng thí thực cô hồn thì phải tới đứng trước tượng Ông Tiều để cúng cơm cho cô hồn ăn, mà nó thì sợ Ông Tiều quá làm sao dám làm việc này. Cho nên, dù nó cũng lại bàn Ông Tiều để cúng cơm nhưng không dám nhìn mặt Ông, chỉ găm cái mặt xuống nhắm mắt lại hoặc nhìn hai bàn chân của Ông mà tụng lia lịa cho xong rồi bỏ chạy. Thấy nó biết được điều này nên dạy nó sau khi cúng thí thực xong thì uống chén nước lạnh để cúng trên bàn Ông Tiều, rồi sẽ hết sợ. Nó làm theo. Vậy mà vài tháng sau thì nó hết sợ Ông Tiều thiệt. Không biết có phải vì nó uống nước cúng Ông Tiều mà hết sợ Ông hay là nhờ ở chùa học kinh, tụng kinh mỗi ngày nên cảm thấy không còn sợ nữa. Có lẽ là cả hai, bởi vì uống nước cúng Ông Tiều là cách trị bệnh tâm lý, mà đọc tụng kinh Phật cũng là cách điều phục tâm.

Trong trí óc của một đứa bé học tiểu học như nó, đức Phật là một bậc thần thánh, thiêng liêng, và cao siêu khó tả. Lúc ấy, nhìn đức Phật nó không sợ nhưng cảm thấy khoảng cách giữa Ngài và nó rất xa. Nó cũng không có ý tưởng thực hành theo giáo pháp của Ngài để diệt khổ và được an lạc. Tuổi trẻ ngây thơ chưa biết thế gian và kiếp người đau khổ cỡ nào để mà mong cầu hết khổ.

Rồi mấy năm sau lên trung học, nó được lên chùa thỉnh để

học, vừa nội điển vừa ngoại điển, tức vừa học Phật Pháp vừa học chương trình văn hóa ngoài đời. Kiến thức đời và đạo cùng với kinh nghiệm sống đã bắt đầu lớn dần theo tuổi tác. Nhờ có học chữ Nho nên nó có thể hiểu được Kinh Phật dạy những gì. Nó nhớ năm đó, lúc còn học trung học đệ nhất cấp, có một ni sư vì thân phụ của cô mang trọng bệnh nên đã nhờ chùa tụng Kinh Pháp Hoa để hồi hướng công đức cho cụ. Lần đầu tiên trong đời nó có duyên được đọc trọn bộ Kinh Pháp Hoa tới 7 lần liên tục theo bản dịch tiếng Việt của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh. Là thiệt, càng đọc nó càng thấy thấm, mới lờ mờ hiểu rằng thì ra nó cũng giống gã cùng tử và tâm ý của đức Phật thật vĩ đại và đáng tôn kính biết chừng nào. Quả đúng như Kinh Pháp Hoa nói, "Đức Phật ra đời vì một nhân duyên lớn, đó là muốn cho chúng sinh được mở bày, chỉ vẽ, thấu rõ, và thâm nhập vào trí tuệ của Phật."

Từ đó nó xem Phật Pháp như không khí để thở, như thức ăn để nuôi sống mỗi ngày và nhìn thấy đức Phật là vị Thầy thật gần trong đời. Trong trí óc nó vào những năm sau này, đức Phật không còn thần thoại, không còn bí mật, và cũng không xa với cuộc sống hằng ngày. Mỗi khi nghĩ đến đức Phật và lời dạy của Ngài trong kinh, nó thấy đức Phật gần gũi hơn bất cứ ai. Ngày xưa, còn bé, mỗi khi niệm danh hiệu Phật nó thường không chú tâm đến mà chỉ niệm cho lấy có. Đến khi hiểu được giá trị tôn quý và cao cả của Ngài trong đời mình thì nó không dám buông lung lúc niệm Phật, mà rất thành tâm như gọi tên một bậc Thầy, một vị Cha tôn kính và gần gũi trong đời.

Càng học kinh Phật, nó càng khẩu phục tâm phục đức tính ưu việt của đức Phật mà nó cho là không một vị giáo chủ tôn giáo nào có thể sánh bằng, đó là trí tuệ vượt thoát siêu việt của Ngài. Chính đức Phật đã vượt thoát lên

trên tất cả mọi định chế tư tưởng, tôn giáo, và xã hội để đạt đến sự giác ngộ và giải thoát rốt ráo. Đức Phật cũng đem phương thức ấy để dạy lại cho hàng đệ tử của Ngài một cách bình đẳng và không giấu giếm điều gì. Trong giáo pháp mà đức Phật dạy, hề còn một chút dính mắc nào đến ngã, tức sự hiện hữu, dù là sự hiện hữu của tự ngã năm uẩn hay sự hiện hữu của một pháp nào đó trong bản chất vi tế nhất của cấu sinh, thì cũng chưa phải là sự giác ngộ và giải thoát tối hậu. Giác ngộ và giải thoát thực sự chính là vô ngã, và vô ngã cũng chính là niết bàn. Vô ngã cho nên, đức Phật đến đi tự tại. Vô ngã cho nên, đức Phật được xưng tụng là Như Lai (Tathàgata). Vô ngã cho nên, đức Phật nói Pháp 45 năm mà chưa từng nói lời nào. Vô ngã cho nên, đức Phật có thể bằng đôi chân trần đi khắp vùng châu thổ sông Hằng để nói Pháp dạy người diệt khổ. Vô ngã cho nên, đức Phật sinh ra dưới gốc cây, thành đạo dưới gốc cây, khất thực ngồi ăn dưới gốc cây, ngủ dưới gốc cây, và niết bàn cũng dưới gốc cây. Vô ngã cho nên, đức Phật không lập giáo đoàn, không xem chính Ngài như vị giáo chủ, và dạy hàng đệ tử tự thắp đuốc lên mà đi.

Kỳ diệu làm sao, gần gũi làm sao bậc Thầy như đức Phật!

Bởi vậy nó thường nghĩ, cái quý giá nhất trong đời này của nó chính là gặp được Phật Pháp và có một bậc Thầy như đức Phật.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALI
BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2557
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – USA * Tel.: (714) 571-0473

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2557 (DL. 2013) Tại Mile Square Park, thành phố Fountain Valley, California, Hoa Kỳ

Thứ Bảy 11 tháng 5 năm 2013

- 9:00 am: Xe Hoa Kính Mừng Phật Đản tập trung về Mile Square Park
- 10:00 am: Thắp Hương và đặt vòng hoa Tường Niệm tại đài Chiến Sĩ Việt Mỹ
- 12:00 am: Diễn hành xe hoa trên lộ trình MSRP-Euclid-Bolsa-Magnolia-Westminster-Euclid-MSRP
- 2:30 pm: Lễ chào mừng Đại Lễ Phật Đản PL.2557
 - Cắt băng công chào
 - Khai mạc khóa Tu Học và Đố Vui Phật Pháp
- 3:00 pm: Văn nghệ kính mừng Phật Đản
- 5:00 pm: Thuyết pháp
- 6:00 pm: Thắp nến nguyện cầu thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc

Chủ Nhật 12 Tháng 5 năm 2013

- 8:00 am: Trang nghiêm đạo tràng
- 9:00 am: Chương trình đồ đệ học & Phật Pháp vấn đáp
- 9:30 am: Chư tôn đức vân tập Kỳ Viên Tịnh Xá
- 10:00 am: Cô Phật khất thực và Cúng dường Trai Tăng tại Kỳ Viên Tịnh Xá
- 11:00 am: Văn nghệ kính mừng Phật Đản
- 01:15 pm: Thuyết pháp
- 02:00 pm: Đại lễ Phật Đản chính thức (có chương trình riêng)
Phát Giải Thưởng Dân Quyền và Bất Đồng Chính Kiến
- 05:00 pm: Văn nghệ kính mừng Phật Đản
- 08:00 pm: Kết thúc chương trình Đại Lễ Phật Đản.

- Trong hai ngày đại lễ sẽ có các buổi Pháp Thoại do chư Tôn Đức Việt Nam và Tăng Sĩ ngoại quốc hướng dẫn bằng Việt và Anh ngữ. Các thời khóa Sinh Hoạt Phật Pháp Việt và Anh ngữ dành cho Thanh Thiếu niên cũng được thực hiện trong khuôn viên lễ hội.
- Đây là lần đầu tiên Diễn hành xe hoa kính mừng Đại Lễ Phật Đản thật trang nghiêm và hoành tráng trên lộ trình MSRP-Euclid-Bolsa-Magnolia-Westminster- Euclid-MSRP.
- Kính xin chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì các tự viện quan tâm và hỗ trợ. Rất mong các mạnh thường quân, các cơ sở thương mại phát tâm bảo trợ, ngân phiếu cúng dường và bảo trợ xin đề: Đại Lễ Phật Đản và gửi về địa chỉ: 803 S. Sullivan St, Santa Ana, CA 92704, mọi chi tiết cần biết xin liên lạc điện thoại (714) 571-0473.
- Vào cửa tự do, ăn chay miễn phí. (Chương trình này có thể thay đổi)

HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ “Good Question, Good Answer”

của **Ven. Shravasti Dhammika**

Thích Nguyên Tạng dịch

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG 7 TRÍ TUỆ VÀ TỬ BI

Tôi thường nghe Phật tử nói về trí tuệ và tử bi. Hai từ này có ý nghĩa gì?

Một số tôn giáo tin rằng tử bi hay tình thương là phẩm chất tinh thần quan trọng nhất nhưng họ đã không thành công về việc phát triển trí tuệ, kết quả chỉ là một người khờ tốt bụng, một người tử tế có chút ít hiểu biết hoặc không biết gì cả. Những hệ thống tư tưởng khác như khoa học, tin rằng trí tuệ có thể tốt nhất để phát triển, trong khi tất cả mọi tình cảm kể cả tử bi bị loại ra. Hậu quả của kiểu suy nghĩ này mà khoa học có khuynh hướng bận tâm về kết quả mà lãng quên đi là khoa học phải phục vụ con người chứ không phải để kiểm soát và khống chế con người. Nói khác hơn, làm cách nào các nhà khoa học mặc cả khả năng của mình để phát triển bom nguyên tử, chiến tranh vi trùng.v.v... Tôn giáo luôn xem lý trí và trí tuệ như là kẻ thù của tình cảm cũng như yêu thương và lòng trung thành. Khoa học luôn xem tình cảm như yêu thương và trung thành là kẻ thù của lý trí và tính khách quan. Và dĩ nhiên, hệ khoa học phát triển thì tôn giáo suy thoái. Mặt khác, Phật giáo dạy rằng để trở thành một người hoàn hảo phải phát triển cả trí tuệ và lòng tử bi. Vì nó không phải là giáo điều mà dựa vào kinh nghiệm, Phật giáo không có gì phải e ngại khoa học cả.

Như vậy theo Phật giáo, trí tuệ nghĩa là gì?

Trí tuệ tối thượng thấy rằng tất cả các hiện tượng sự vật đều không hoàn hảo, không thường hằng và vô ngã. Sự hiểu biết này là tự tại hoàn toàn và đưa đến phúc lạc lớn lao, được gọi là Niết bàn. Tuy nhiên, Đức Phật không nói nhiều về mức độ trí tuệ này. Không phải là trí tuệ nếu chúng ta đơn giản tin tưởng vào những gì người khác nói lại. Trí tuệ thực sự là nhìn thấy trực tiếp và tự mình hiểu. Ở mức độ này, trí tuệ làm cho tâm cởi mở hơn là tâm lượng hẹp hòi, lắng nghe những quan điểm của người khác hơn là tin mù quáng; cẩn thận xem xét những sự kiện ngược lại hơn là vùi đầu trong mê lộ; phải khách quan hơn là thành kiến hay phe phái; dành thời gian để hình thành ý kiến và niềm tin hơn là chỉ chấp nhận điều đầu tiên hay điều dễ cảm xúc nhất đưa đến cho ta; và luôn sẵn sàng thay đổi niềm tin một khi sự thật tương phản lại ta. Người làm được điều này chắc chắn là khôn ngoan và cuối cùng đến gần với hiểu biết chân chính. Con đường của người Phật tử đòi hỏi phải có lòng can đảm, kiên nhẫn, linh động và thông minh.

Tôi nghĩ là có rất ít người có thể làm điều đó. Vậy thì điểm nổi bật của Đạo Phật là gì nếu chỉ có một ít người có thể thực hành?

Sự thật không phải mọi người đều sẵn sàng theo Đạo Phật. Vì vậy có thể nói rằng chúng tôi nên dạy đạo mà mọi người có thể dễ hiểu hơn là thất bại trong sự buồn cười. Phật giáo nhằm vào chân lý và nếu



người chưa hiểu hết bây giờ, họ có thể sẵn sàng ở kiếp sau. Tuy nhiên có nhiều người, chỉ với những lời chân thật hay khuyến khích thì có thể làm tăng trưởng sự hiểu biết của họ. Vì thế người Phật tử cố gắng trong khiêm tốn và âm thầm chia sẻ sự hiểu biết về đạo của mình với người khác. Phật dạy chúng ta lòng tử bi và chúng ta truyền dạy đến người khác cũng vì lòng tử bi.

Theo Phật giáo tử bi là gì?

Như trí tuệ bao gồm sự hiểu biết hay tri thức từ bản thể của ta, tử bi bao gồm tình cảm hay cảm giác của bản tính con người. Giống như trí tuệ, tử bi là phẩm chất duy nhất của con người. Tử bi được tạo thành bởi hai từ "co" là cùng nhau và "passion" là cảm giác mạnh. Và đó là tử bi. Khi ta thấy một người nào đó buồn khổ chúng ta cảm thấy nỗi đau của họ như là nỗi đau của chính ta và cố gắng loại bỏ hay xoa dịu nỗi đau của họ thì đó là tử bi. Vì thế, tất cả mọi người đều tốt, tất cả đều có đức tính như Phật là chia sẻ, sẵn sàng an ủi, thông cảm, quan tâm và chăm sóc - tất cả đều là biểu hiện của lòng tử bi. Bạn cũng nên chú ý rằng trong con người có lòng tử bi, sự quan tâm và yêu thương người khác cũng là bắt nguồn từ sự chăm sóc và thương yêu chính mình. Chúng ta có thể thật sự hiểu người khác khi ta thật sự hiểu được chính mình. Chúng ta biết điều gì tốt nhất đối với người khác cũng như ta biết cái gì tốt nhất cho chính ta. Vì vậy trong Đạo Phật, sự phát triển tâm linh của riêng mình sẽ nở rộ một cách tự nhiên trong sự quan tâm đến sự lợi lạc của người khác. Cuộc đời của Đức Phật đã minh chứng rất rõ điều này. Ngài đã dành sáu năm dài để tìm ra hạnh phúc cho mình, sau đó Ngài mang lại lợi ích đó cho toàn nhân loại.

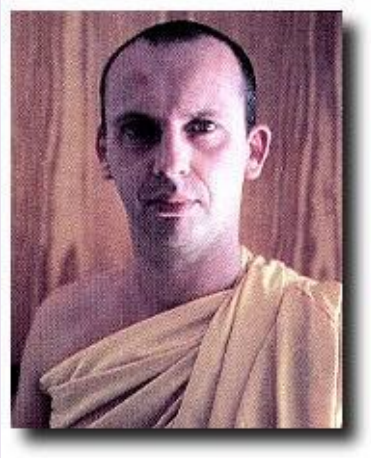
Vậy Ngài nói rằng có thể giúp người khác hữu hiệu nhất khi ta tự giúp mình. Đó không phải là ích kỷ hay sao?

Chúng ta thường thấy lòng vị tha, quan tâm đến người khác trước khi cho chính mình, ngược lại với tính ích kỷ là lo cho mình trước rồi mới nghĩ đến người khác. Phật giáo không xem cách nhìn trong hai thái độ này mà hòa lẫn cả hai. Thật sự quan tâm đến mình sẽ dần dần hướng sự quan tâm đến người khác khi người ấy nhận ra người khác thật sự cũng giống như mình. Đây mới thật sự là tử bi. Tử bi là viên ngọc báu trong vương miện của những lời dạy của Đức Phật.

LESSONS IN DHARMA

GOOD QUESTION, GOOD ANSWER

by *Ven. Shravasti Dhammika*



CHAPTER 7 WISDOM AND COMPASSION

What do the terms wisdom and compassion mean in Buddhism?

Some religions believe that compassion or love (the two are very similar) is the most important spiritual quality but they fail to develop any wisdom. The result is that you end up being a good-hearted fool, a very kind person but with little or no understanding. Other systems of thought, like science, believe that wisdom can best be developed when all emotions, including compassion, are kept out of the way. The outcome of this is that science has tended to become preoccupied with results and has forgotten that science is to serve man, not to control and dominate him. How, otherwise could scientists have lent their skills to develop the nuclear bomb, germ warfare, and the like. Religion has always seen reason and wisdom as the enemy of emotions like love and faith. Science has always seen emotions like love and faith as being enemies of reason and objectivity. And of course, as science progresses, religion declines. Buddhism, on the other hand, teaches that to be a truly balanced and complete individual, you must develop both wisdom and compassion. And because it is not dogmatic but based on experience, Buddhism has nothing to fear from science.

So what, according to Buddhism, is wisdom?

The highest wisdom is seeing that in reality all phenomena are incomplete, impermanent, and not self. This understanding is totally freeing and leads to the great security and happiness which is called Nirvana. However, the Buddha doesn't speak too much about this level of wisdom. It is not wisdom if we simply believe what we are told. True wisdom is to directly see and understand for ourselves. At this level then, wisdom is to keep an open mind rather than being closed-minded, listening to other points of view rather than being bigoted; to carefully examine facts

that contradict our beliefs, rather than burying our heads in the sand; to be objective rather than prejudiced and partisan; to take time about forming our opinions and beliefs rather than just accepting the first or most emotional thing that is offered to us; and to always be ready to change our beliefs when facts that contradict them are presented to us. A person who does this is certainly wise and is certain to eventually arrive at true understanding. The path of just believing what you are told is easy. The Buddhist path requires courage, patience, flexibility and intelligence.

What is the point of Buddhism if only a few can practice it?

It is true that not everyone is ready for Buddhism yet. But to say therefore that we should teach a religion that is false but easily understandable so everyone can practise it is ridiculous. Buddhism aims at the truth and if not everyone has the capacity to understand it yet, they perhaps will be ready for it in their next life. However, there are many who, with just the right words or encouragement, are able to increase their understanding. And it is for this reason that Buddhists gently and quietly strive to share the insights of Buddhism with others. The Buddha taught us out of compassion and we teach others out of compassion.

What, according to Buddhism, is compassion?

Just as wisdom covers the intellectual or comprehending side of our nature. Like wisdom, compassion is uniquely human quality. Compassion is made up of two words. 'co' meaning together and 'passion' meaning a strong feeling. And this is what compassion is. When we see someone is in distress and we feel their pain as if it were our own, and strive to eliminate or lessen their pain, then this is compassion. So all the best in human beings, all the Buddha-like qualities like sharing, readiness to give comfort, sympathy, concern and caring - all are manifestations of compassion. You will notice also that in the compassionate person, care and love towards others has its origins in care and love for oneself. We can really understand others when we really understand ourselves. We will know what's best for others when we know what's best for ourselves. We can feel for others when we feel for ourselves. So in Buddhism, ones own spiritual development blossoms quite naturally into concern for the welfare of others. The Buddha's life illustrates this very well. He spent six years struggling for his own welfare, after which, he was able to be of benefit to the whole of mankind.

Isn't it selfish to say that we are best able to help others after we have helped ourselves.

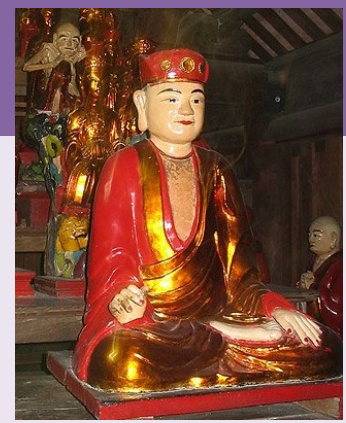
We usually see altruism, concern for others before oneself, as being the opposite of selfishness, concern for oneself before others. Buddhism does not see it as either one or the other but rather as a blending of the two. Genuine self-concern will gradually mature into concern for others as one sees that others are really the same as oneself. This is genuine compassion. Compassion is the most beautiful jewel in the crown of the Buddha's teaching.

(to be continued)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Thần của Nghề Đúc Đồng: Thiền Sư Không Lộ (1016-1094)

Nguyên Giác dịch sang Anh văn



Xưa thật xưa, một nhà sư Việt Nam đã tới gặp vua Trung Quốc, mang tất cả đồng trong kho vị vua này về Việt Nam, và sau đó trở thành vị thần bảo hộ cho thợ nghề đúc đồng.

Ngài có họ là Dương. Pháp danh là Không Lộ, nghĩa là Lối Đi Tánh Không. Khi một số dân làng phát âm khác đi, pháp danh này có nghĩa là "Khổng Lồ."

Không Lộ (1016-1094) sinh ở huyện Hải Thanh, tỉnh Nam Định. Xuất gia theo học với Thiền sư Lôi Hà Trạch, ngài tu thiền rất chuyên cần. Ngài có nhiều thần thông – như bay trên không, bước trên mặt sông, hay hàng phục cọp.

Ngài có một túi xách, trông bình thường nhưng có thể chứa nhiều vật lớn. Ngài cũng có một cây gậy rất nặng.

Một hôm, nhà vua Việt Nam nói với Không Lộ, "Bạch Thiền Sư, ta muốn trang bị phẩm vật cho tất cả các chùa trong nước; nhưng trong nước không có nguyên liệu đồng đen. Ta nghe rằng vua Trung Quốc là Phật tử nhiệt tâm, và thường cúng dường các sư. Ta muốn thỉnh sư sang gặp vua Trung Quốc và lạy quyên đồng về."

Sau nhiều ngày đi bộ vượt núi, xuyên rừng và qua sông, Không Lộ tới thủ đô Trung Quốc.

Khi nhà sư không lồ xuất hiện ở cung điện, vua Trung Quốc hỏi, "Bạch Hòa thượng, ngài từ đâu tới? Ta có thể cúng dường gì cho ngài?"

Không Lộ trả lời, "Sư muốn có một ít đồng đen để về đúc làm phẩm vật cho các chùa Việt Nam."

Nghĩ rằng nhà sư mang theo nhiều người, vua hỏi, "Bạch Hòa Thượng, quý quốc cần bao nhiêu đồng? Thầy mang theo bao nhiêu người?"

Sư Không Lộ nói, "Sư tới đây một mình, và chỉ xin đồng cho đủ túi xách này."

Vua Trung Quốc nhìn chiếc túi xách nhỏ, và nói, "Thầy có mang cả trăm túi xách, ta cũng sẵn sàng để Thầy lấy đồng đủ cả trăm túi."

Vua ra lệnh một nội thị dẫn nhà sư tới kho vua với lời hứa rằng Sư Không Lộ có thể lấy bao nhiêu tùy sức mang về.

Trên đường vào nhà kho, có một sân rất rộng trên đó có một tượng trâu vàng, lớn như ngôi nhà và sáng chói như mặt trời.

Quan giữ kho chỉ vào trâu vàng và nói giỡn với nhà sư, "Bạch Thiền Sư, có cần trâu vàng này không?"

Không Lộ nói, "Không. Ta chỉ cần một ít đồng đen thôi."

Trong khi viên quan kinh ngạc nhìn, Không Lộ đưa tất cả đồng đen trong kho vua rất lớn vào túi xách của sư, móc vào đầu gậy và bước ra.

Quan giữ kho vội vã trình báo lên vua rằng đồng bị lấy cả rồi. Vua Trung Quốc không bao giờ ngờ có chuyện như thế; vua hồi tiếc, ra lệnh 500 chiến binh theo chặn để bắt nhà sư.

Sau khi vượt 300 dặm với túi nặng với vai,

Không Lộ nghe tiếng lính kỵ binh Trung Quốc hò hét từ phía sau.

Tới một dòng sông lớn, nhà sư nhìn lại, thấy đoàn lính phóng ngựa gần tới giữa đám mây bụi mịt mù.

Không Lộ bước đi trên mặt sông; tới giữa sông, nhà sư quay lưng lại, nói với các chiến binh vừa dừng ngựa ở bờ sông, "Ta muốn gửi lời cảm ơn tới Vua Trung Quốc, và ta hy vọng đã không làm phiền tới quý vị."

Trở về thủ đô Việt Nam, Không Lộ kể cho nhà vua về chuyện đi.

Vua Việt Nam yêu cầu sư lấy đồng để làm bốn bảo khí Phật Giáo có thể trường tồn nhiều ngàn năm.

Không Lộ mời các thợ đồng giỏi nhất nước tới làm việc, và chia đồng làm bốn phần.

Trước tiên, Không Lộ xây một tháp chín tầng, đặt tên là tháp Bảo Thiên. Ngôi tháp đứng cao vút giữa thủ đô, dân nơi này từ các hướng đều thấy tháp rõ ràng.

Kế tiếp, sư đắp một pho tượng Phật cao sáu trượng (khoảng 20 mét), và một chiếc đỉnh lớn với chu vi bằng 10 người ôm.

Sau khi dùng số đồng còn lại làm chuông, Không Lộ đánh chuông, nghe tiếng ngân đầu tiên vang xa, tới tận Trung Quốc.

Đánh thức bởi tiếng chuông, tượng trâu vàng trước kho vua đứng chồm dậy và phóng về hướng nam nhiều ngàn dặm.

Thấy chuông mới đúc xong, trâu vàng ngủ ngủ và nằm xuống kế bên chuông.

Không Lộ lo ngại chiến tranh có thể bùng nổ nếu vàng chảy vào Việt Nam. Thiền sư nói với nhà vua, và được phép ném quả chuông khổng lồ để tránh cuộc chiến có thể xảy ra.

Một hôm, Không Lộ xách quả chuông lên núi, ném chuông xuống Hồ Tây. Chuông bay cao lên không, và rơi ùm vào hồ.

Nghe tiếng chuông bay, trâu vàng phóng theo tiếng chuông và nhảy vào Hồ Tây, nơi từ đó còn được gọi là Hồ Trâu Vàng.

Sau khi viên tịch, Thiền Sư Không Lộ được thờ như vị thần bảo hộ cho thợ đúc đồng.

Ngài để lại vài bài thơ, trong đó các câu sau thường được nhắc tới:

*Ta đôi khi bước lên đỉnh núi cao
hét to một tiếng dài, làm cả bầu trời lạnh băng.*

THAM KHẢO:

Truyện kể trên kết hợp từ nhiều truyện và bài của Thích Thanh Từ, Lê Như Thích Trung Hậu, Nguyễn Đông Chi và Huỳnh Kim Quang.

Băng hình có thể xem ở đây:
<http://youtu.be/S8aGvqm5xKw>

The Deity of Bronze Workers: Zen Monk Khong Lo (1016-1094)

Translated by **Nguyen Giac**

A long time ago there was a Vietnamese monk who came to see the King of China, brought all the bronze materials from the royal warehouse to Vietnam, and later became the protector deity of bronze workers.

His family name was Duong. His dharma name was Khong Lo, meaning the Path of Emptiness. When pronounced with different accent by some villagers, his dharma name had the meaning of "The Giant."

Khong Lo (1016-1094) was born in Hai Thanh County, Nam Dinh Province. Becoming a monk under the guidance of Zen master Loi Ha Trach, he practiced meditation very heedfully. He had many supernatural powers – such as flying in the sky, walking across the river, or taming the tigers.

He had a dharma bag that looked normal on the outside but would contain so many large things. He also had a very heavy staff.

One day the King of Vietnam said to Khong Lo, "Dear Zen Master, I want to make the furnishings for all Buddhist temples in the country; however, we do not have raw materials for black bronze. I hear that the King of China is a devout Buddhist and he usually makes offerings to monks. I would like to ask you to come to see him and ask for bronze material."

After many days of walking over mountains, through jungles and across rivers, Khong Lo came to the capital city of China.

When the giant monk appeared in the royal courtyard, the King of China asked him, "Dear Reverend, where do you come from? What should I give you as offerings?"

Khong Lo replied, "I would like to have some black bronze to make the furnishings for Buddhist temples in Vietnam."

Thinking that the monk came with a large entourage, the king asked, "Dear Reverend, how much bronze does your country need? How many people do you bring here?"

Khong Lo said, "I come here alone, and ask for some bronze enough to fit in this bag."

The King of China looked at the small bag and said, "Even if you have one hundred bags, I am willing to let you put bronze in all of them."

The King of China ordered a royal attendant to guide the Zen monk to the royal warehouse with the promise that Khong Lo could take as much as he could carry.

On the way to enter the warehouse, there was a very large yard on which there was a gold statue of a buffalo as big as a house and as shiny as a sun.

The Treasury mandarin pointed at the gold buffalo and playfully said to the monk, "Dear Zen Master, do you need this buffalo?"

Khong Lo said, "No, Sir. I just need some black bronze."

While the mandarin watched in surprise, Khong Lo put all the black bronze materials in the very

large warehouse into his bag, hung the bag at the end of his staff and walked away.

The Treasury mandarin hastily reported to the king that all the bronze is gone. The King of China could never imagine that scenario; he felt regret and ordered 500 soldiers to stop and arrest the monk.

After having passed 300 miles with the heavy bag on shoulders, Khong Lo heard the battle cries of the Chinese cavalry soldiers from behind him.

Coming to a large river, he looked back and saw the soldiers galloping toward him among a moving cloud of dust.

Khong Lo started walking onto the surface of the river; at the middle of the river, he turned back and said to the soldiers who just stopped their horses at the riverbank, "I would like to send thankful words to the King of China, and I hope I didn't bother any of you."

Coming back to the capital of Vietnam, Khong Lo told the king about the journey.

The King of Vietnam asked him to use the bronze to make four Buddhist ritual items that would last for thousands of years.

Khong Lo invited the best bronze workers in the country to come to work, and divided the bronze things into four parts for them.

Firstly, Khong Lo built a nine-level tower and named it as Bao Thien Tower. The tower stood tall in the capital, whose residents from all directions could see it clearly.

He then built a Buddha statue whose height was six truong high (around 20 meters), and a incense censer whose circumference was ten arm-spans.

After using the remaining bronze to make a huge bell, Khong Lo struck it and heard the sound of the first bell tolling resonate far and wide, even into China.

Woken up by the bell, the gold buffalo in front of the royal warehouse stood upright and darted southward thousands of miles.

Seeing the newly cast bell, the gold buffalo sniffed around and lay down next to the bell.

Khong Lo worried that a war would erupt if the gold started flowing into Vietnam. He talked to the king and got permission to throw away the giant bell to avoid a possible war.

One day, Khong Lo took the bell up to a mountain, and threw the bell into the West Lake. The bell flew high into the sky, and made a big splash into the lake.

Hearing the sound from the flying bell, the gold buffalo chased after the sound and jumped into the West Lake, which since then has been called with an additional name as the Lake of the Gold Buffalo.

After his death, the Zen Monk Khong Lo has been worshipped as the protector deity of the bronze workers.

He left some poems from which the following lines have been frequently recited:

I sometimes went atop the mountain
and yelled out a long cry, making the sky frozen.

REFERENCE:

The story above was compiled from numerous articles of Thich Thanh Tu, Le Nhu Thich Trung Hau, Nguyen Dong Chi and Huynh Kim Quang.

The video can be watched here:
<http://youtu.be/S8aGvgm5xKw>

Lời của Biển

HUỆ TRẦN



Mùa hè đang thiên hành đến gần vạn hữu. Những thành phố ven biển, cư dân dường như không thể chờ lâu hơn. Cuối tuần, bãi biển đã đông, dù đôi khi gió vẫn lạnh. Người đi dạo, kẻ đi cầu, nhóm này trượt nước, nhóm kia dong buồm, cô bé này nhặt vỏ sò thì cậu bé kia tý mi xây lâu đài cát Những hình ảnh quá thân quen với biển.

Biển muốn nói với người rằng, những mùa đông, chẳng phải chỉ người nhớ biển đâu, mà biển cũng rất nhớ người. Không tin, vào ngày mùa đông nào, người rắng chày rét, thả bộ ra ven biển, xem có nghe biển tí tê thương nhớ qua sóng vỗ ghềnh đá hay không?

Làm sao nghe sóng mà hiểu lời biển ư?

Người quên rồi à? Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ lặng nghe sóng biển mà lập ra pháp môn Nhĩ-Căn-Viên-Thông đấy! Biển đã từng rất hoan hỷ vì được là phương tiện để Bồ Tát quán chiếu, nhận ra Tánh-Nghe khác với Cái-Nghe.

Tánh-Nghe không sanh diệt, luôn sẵn đó, tiếp nhận âm thanh ở tầng sâu thẳm bằng sự trung thực tuyệt đối, không theo mô hình như Cái-Nghe, là phải có Căn duy-ên với Trần mới sanh Thức.

Chắc người nhớ giai thoại Đức Thế Tôn truyền ngài Anan thành một tiếng chuông, rồi hỏi:

- Có nghe không?

- Dạ, có nghe.

Khi không thình chuông nữa, Đức Thế Tôn lại hỏi:

- Có nghe không?

- Dạ, không nghe.

Biển thích nhất ở lời dạy tiếp theo:

- Sao ông biết là không nghe?

Cái gì cho ông biết là không có tiếng chuông? Này Anan, hãy quán chiếu ngay đó. Cái ông "có nghe" là do Căn (tai) duyên với Trần (tiếng chuông) mà sanh Thức (nhận biết âm thanh). Còn cái cho ông biết không có tiếng chuông, thì chính là Tánh-Nghe. Cái-Nghe biến diệt theo căn trần. Tánh-Nghe thì lặng thình, ở đó nhận diện mà không đi đâu

cả. Giai thoại này, biển chỉ biết được tới đó, do một lần có hai Phật tử thả bộ theo bờ cát, vừa hứng gió biển, vừa nói chuyện dạo. Biển quá rành rang, quanh năm suốt tháng chẳng có gì làm, nên biển nương theo tinh thần lời dạy này mà lân la, gần gũi, lắng nghe tâm sự của những người tìm đến biển, nhờ đó mới biết rằng cõi ta-bà, người người khổ quá!

Cũng chính vì lặng lẽ theo tâm người mà biển nghe được đôi lời dạy của Đức Thế Tôn. Nghe rồi, mới thấy lạ cho người, vì người biết nói, mà khi hành xử thì lý sự thường lại chẳng đi đôi!

Cậu sinh viên ngồi trên bờ đá, bứt đầu bứt tai, lậm rậm một mình: "Thì rớt rồi! Ăn làm sao, nói làm sao với cha mẹ đây!? Ai chả biết, học tài thi phận, nhưng thi rớt thì nhục quá! nhục quá!"

Khiếp chưa? Làm như trên đời chỉ có một mình cậu ta thì rớt! Sao không chấp nhận thực tại là rớt rồi thì học chăm chỉ hơn, chờ thi lại. Thi rớt có phải là trời sập đầu mà ra biển gào khóc vậy!?

Rồi lại cặp vợ chồng luống tuổi, ngồi sau đụn cát, than thở:

- Con với cái, sao cùng một nhà mà chẳng giống nhau! Phải chỉ cái ngoan ngoan hiểu thảo của con Ba, san sẻ bớt cho thằng út thì mình đỡ khổ biết mấy! Khuyến học cái nọ lại đòi học cái kia, học dờ chừng, kêu không thích, không hợp, lại đổi qua cái khác. Rầy la thì lớn tiếng cãi, quăng sách, quăng bút như quăng vào mặt mình. Biết thế, thà sanh ra quả trứng, đem luộc, còn có bữa ăn!

Ôi trời ơi, biển nghe mà thấy khổ còn hơn đương sự khổ! Thế nhưng biển sững sột khi bà vợ nhỏ nhẹ an ủi:

- Thôi ông à, sanh thì phải dưỡng, đó là bổn phận trách nhiệm mình. Nó nghe lời được bao nhiêu là duyên phận nó. Ông không nhớ trong kinh có dạy rằng cha mẹ, con cái, hay thân bằng quyến thuộc, có khi vì

nhiều đời nhiều kiếp còn ràng buộc ân oán chưa xong mới lại tìm gặp nhau để ân đền oán trả. Ông khen con Ba ngoan, có lẽ nó tìm mình trả ơn thuở nào, còn thằng út hư, chắc là mình nợ gì kiếp trước, nó đến đòi. Nhưng ngoan hay hư thì kiếp này chúng nó đều đang là con mình, mình cứ mang tình thương mà đùm bọc, có phải nhẹ lòng không?

Ông vin câu đó, nguyệt bà một cái dài:

- Thì ra tôi cũng nợ bà hồi nào hồi nào, nay bà tìm tôi mà cảm râm suốt ngày!

Bà phản ứng ngay:

- Ông mà nợ gì. Tui mới là con nợ nè, cớm bưng nước rớt hơn bốn chục năm, chưa được một lời cảm ơn ngọt ngào, chỉ toàn là trách với moi!

Như vậy thì chắc họ đều biết, đều tin có nhân quả, có sanh tử luân hồi. Rõ ràng người biết, mà lại hành xử như không biết! Rằng mô dị rủa!?

Cũng như, biển vừa chứng kiến một hoạt cảnh, ngay tại đây, ngay bãi cát bên hàng dừa đó. Hai vợ chồng với ba con nhỏ, trải tấm khăn dưới gốc dừa rồi bày thức ăn trưa, cùng nhau ăn uống vui vẻ. Ăn xong, hai người lớn đọc sách, hai bé gái chạy loanh quanh, còn bé trai thì bắt đầu chơi cái trò cổ điển ngoài bãi biển, là xây lâu đài cát. Bé khéo tay, khá thận trọng, tý mi, nên dần dà thành hình, tuy cái cổng thì to đùng, mà lâu đài thì lại quá nhỏ, so với cổng. Nhưng nhìn gương mặt hân hoan ngăm qua, nhìn lại của bé thì biển nghĩ rằng chẳng phải bé thiếu kỹ thuật, mà chắc có dụng ý gì. Ngay khi ấy, hai bé gái chới rượt bắt nhau, chạy như mũi tên, cùng đâm sầm vào lâu đài, làm sụp đổ tan tành!

Bé trai vừa đâm hai bé gái túi bụi, vừa gào khóc:

- Sao làm đổ lâu đài của tui? Vua và quân lính sắp về tới rồi! Hu! Hu! Làm trả lại tui mau lên!

Bố mẹ cùng buồm sách, chạy đến vỗ về bé trai. Người bố giảng giải:

-Nín đi con, có chi đâu mà tiếc, mà khóc. Lâu đài này bằng cát, có phải thật đâu! Có giữ mãi được đâu! Nếu hai chị không đạp phải thì lát nữa đây, gió lớn cũng đủ thổi bay hết!

Điều đó thật quá đi chứ! Lâu đài bằng cát mong manh, làm sao mà giữ lâu được. Đứa bé trai chắc cũng biết thế, vì nhiều phần, chẳng phải đây là lần đầu bé chơi trò này. Nhưng bé vẫn sụt sùi tiếc rẻ cái không thật. Tệ hơn nữa, không chừng bé còn đang lo lắng vì trí tưởng tượng là nhà vua và quân lính sắp về tới, mà thành siêu quách đổ rồi, vua sẽ ngự ở đâu?

Này, biển hỏi thật người, khi người đổ dành đứa bé đừng khóc, đừng tiếc, vì lâu đài cát là cái không thật, không nắm giữ mãi được, người có phút nào nghĩ lại chính mình?

Biển từng chứng kiến bao cảnh đời, nghe bao nhiêu tâm sự, biển e rằng không chỉ các em bé xây lâu đài cát, khi đổ mất thì tiếc, thì khóc, mà người lớn cũng từng xây, chẳng phải một, mà có khi nhiều, thật nhiều lâu đài cát; rồi khi mất cũng đau khổ, khóc lóc tả tơi, có khi cuồng điên hủy mình vì mất cái không thật đó!

Lâu đài cát của người lớn nhiều hình dạng khác nhau lắm. Nghe này, xem biển nói có sai không. Đó là tình ái, danh vọng, tiền tài. Khai triển ba món này ra thì thấy ngay cơ man nào là nguyên nhân của những khổ đau!

Tình nào mà không khi đầy khi với? Danh vọng nào mà không khi sang khi hèn? Tiền tài nào mà không khi còn khi mất? Vậy mà suốt kiếp nhân sinh, người người đều lao vào những mục tiêu ảo tưởng này, như thiếu thân lao vào lửa. Khi không đạt được điều mong muốn, có phải người cũng

khổ lo trăm mối vì những trí tưởng mơ hồ. Như đứa bé, bị phá vỡ "lâu đài không thật", đã tiếc, lại còn buồn lo cuống cuống vì "vua và quân lính không thật", sắp về tới, sẽ ở đâu?

Toàn là những cái "không thật", luôn quay cuồng người người trong vòng "khổ thật".

Lại một lần, thấy hai người trẻ ngồi trên ghế đá, tưởng họ thù thì yêu đương, biến tỏ mò đến gần. Ai dè, họ đang chia sẻ về một đoạn trong kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn đó thế này:

"Cao sang nghèo khổ, lớn nhỏ nam nữ, suy nhỏ chồng chắt, do tâm sai sử. Không ruộng lo ruộng, không nhà lo nhà, họ hàng của cải, có không cũng lo, được một thiếu một, lo cho bằng người, vửa được chút ít, lại càng lo hơn"

Vậy, sự đau khổ tự mình chuốc lấy, vì do không biết đủ, không biết chấp nhận hạnh phúc là cái mình đang có, phải vậy không?

Hiếm lắm mới có lần biển nghe được ai đó, nói câu này: *"Người an vui với cuộc sống thì không cần phải có mọi thứ tốt nhất trên đời, mà chỉ cần sống tốt nhất với những gì đang có"*

Biển thấy điều này đơn giản quá, đơn giản như câu chuyện của hai người chán đời đến mức muốn hủy đời, mà biển cũng tình cờ nghe kể. Chỉ tiếc, biển không nhớ xuất xứ. Nội dung câu chuyện thế này:

Đêm khuya, cô thiếu nữ bị tình phụ, lang thang ra biển với ý định tự trầm. Cũng giờ đó, tại nơi đó, anh thương gia thất bại trên thương trường, xấu hổ, tuyệt vọng, cũng muốn chết. Chàng phát hiện ra nàng trước. Chàng chạy đến:

- Này cô, đêm hôm khuya khoắt, cô một mình ra đây làm gì? Cô định tự tử hả?

Chạm đúng vết thương, nàng òa lên khóc:

- Anh ấy phụ tôi! Tôi đã tin tưởng. Tôi đã trao hết. Tôi đã mất hết. Thiếu anh ấy, tôi làm sao sống được!

Chàng nhìn nàng. Người thiếu nữ còn trẻ và đẹp, thiếu chi cơ hội để có

hạnh phúc khác. Chàng đã ân cần an ủi nàng như thế. Và kỳ diệu thay, chàng sùng sốt khi nghe chính giọng mình đồng dạ nói tiếp với nàng rằng:

- Trước khi gặp người phụ bạc ấy, cô vẫn yêu đời, vẫn trẻ, vẫn đẹp, thì nay, không có người phụ bạc kia, cô nào mất gì đâu! Hãy đứng lên, và đi vào thành phố, ở đó, cô còn biết bao bạn bè, thân thuộc, yêu thương và đón chờ cô về.

Thiếu nữ mở to mắt, nhìn người đối diện.

Chàng lời cảm ơn nào giá trị hơn là giọng lệ tình ngộ.

Lặng nhìn thiếu nữ đi vào thành phố bằng những bước chân sáo, chàng mới nhận ra rằng, đó chính là những lời mà trong sát na màu nhiệm vừa rồi, chàng đã bật ra để nói với chính mình: "Ta vào đời với hai bàn tay trắng, giờ có làm ăn thất bại cũng chỉ là về với trắng tay! Có mất gì đâu!"

Nếu được chứng kiến, thế nào biển cũng tìm cách bảo anh chàng hãy chạy theo thiếu nữ, xin hộ tống nàng về nhà. Chỉ là nghĩa cử hào hiệp của bậc trượng phu thôi, nhưng biển thật tình tin rằng nếu trở thành đôi bạn thì đó sẽ là hai kẻ hạnh phúc lâu dài hơn những đôi bạn khác, vì họ đã có kinh nghiệm bản thân về những gì quý giá trong tâm tay. Chỉ khi nào biết nhìn thẳng vào những đau thương mất mát bằng con mắt trí tuệ với lòng dũng cảm rực lửa thì mới tìm được sự giải thoát.

Biển từng nghe một ông cụ, sáng khoái ngâm cho nhóm bạn già của mình thương thức hai câu thơ mà cụ nói tác giả là Thiên-sư Trúc Lâm, tức là vua Trần Nhân Tông của nước Việt Nam đây:

"Áo rách ôm mây, ban mai húp cháo"

Bình xưa dốc nguyệt, trời khuya nấu trà"

Người khổ công nhọc sức đến bao giờ thì tiền tài danh vọng mới mon men đến gần được như vua?

Vậy mà vua bỏ hết, lên non đạm bạc, hạnh phúc khôn cùng!

Nếu bắt chức vua khó quá, người đâu cần phải bỏ hết lên non. Chỉ cần biết đủ và trân quý hiện tại, là gánh nặng khổ đau phiền não sẽ lập tức được đặt xuống rồi.

Thế mà ít ai chịu buông.
Dieu seul le sait!

Huệ Trân

(Tào-Kê tịnh thất – giờ chi tịnh, một ngày tịnh tu, tháng Năm)



THIỀN VÀ Y KHOA

HIỆU NĂNG CỦA THIỀN TRONG VIỆC TRỊ BỆNH

Y sĩ Huệ Lộc

Thiền là làm lặng yên cái trí nhờ hít vô thở ra theo đúng kỹ thuật. Sự ích lợi của Thiền không thể nghĩ bàn, nó bao la vô tận, ai cũng biết Đức Phật đặc đạo là nhờ Thiền định.

Phật giáo Việt Nam, từ khi Tổ Tỷ Ni Na Lưu Chi sang truyền Đạo Phật (580-2012) tại VN, nay đã ngót nghét 1430 năm, gần 15 thế kỷ. Đạo Phật là Đạo Phổ Độ chúng sanh, cứu nhân độ thế cho nên các triều đại huy hoàng Việt Nam, Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn: Mỗi chùa đều có một bệnh xá Đông Y, Thuốc Nam, châm cứu để giúp đỡ cho nhân dân gặp khi trở trời, gió nghịch, nhất là dân bệnh nhân nghèo. Mãi đến khi Triều Nguyễn, nước Việt ta bị Thực dân Pháp đô hộ thì Đạo Phật bị kỳ thị, không được phát triển như trước nữa. Cho đến ngày nay qua bao thăng trầm, Phật Giáo Việt Nam đồng hành, đồng cam cùng Dân Tộc:

Ngày xưa, mỗi chùa là mỗi bệnh xá Đông Y, thuốc Nam, châm cứu. Ngày nay, mỗi một Phật Tử nên là một Lương Y tự trị bệnh cho chính mình và cứu độ tha nhân, bằng phương pháp THIỀN TRỊ BỆNH.

Hiện nay tại Hoa Kỳ cũng như các Quốc gia tiên tiến khác đều đưa Thiền vào Y Tế để chữa trị bệnh nhân. Chúng tôi có ghé qua Portland Hospital, bang Oregon Hoa kỳ. Tại bệnh viện này có riêng một khoa chuyên về Thiền trị bệnh. Tại Cộng hòa Liên bang Đức, thành phố Tuebingen chữa bệnh bằng Thiền và có luôn máy phân hình và đo hoạt động của não bộ PET (Positron Emission Tomography).



Ni Sư Tường Liên Viện Trưởng Thiền Viện MDQ TP Houston, đang tham quan máy Đo Hoạt Động Não tại Tuebingen/Germany.

Hiện nay phong trào Học Thiền rầm rộ phát triển khắp nơi. Con gái Đại tướng Westmoreland quy y theo đạo Phật ăn chay ngồi thiền, vợ chồng Phó Tổng Thống Gore cũng ngồi Thiền, Tổng Thống Hoa



Kỳ Barack Obama cũng ngồi thiền để nâng cao sức khỏe và giải tỏa những căng thẳng. Thống Đốc tiểu bang Cali, Thống đốc tiểu bang Maryland v.v... hàng ngày vẫn thực tập thiền.

Vậy Thiền là gì? Lợi ích của Thiền như thế nào?

Nói một cách giản dị: Thiền là làm lặng yên cái trí nhờ hít vô thở ra theo đúng kỹ thuật. Sự ích lợi của Thiền không thể nghĩ bàn, nó bao la vô tận, ai cũng biết Đức Phật đặc đạo là nhờ Thiền định.

Không có Thiền thì không có Phật Giáo. Tác dụng của Thiền làm bộ óc tăng thêm chất xám, sáng tạo, tâm trí vui vẻ, thanh tịnh, giải tỏa những căng thẳng lo âu, phiền muộn.

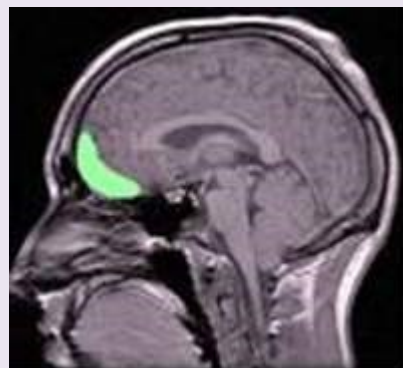


Đi tìm Giác ngộ: Cựu Tổng thống Bill Clinton đã tập Thiền để được thư giãn

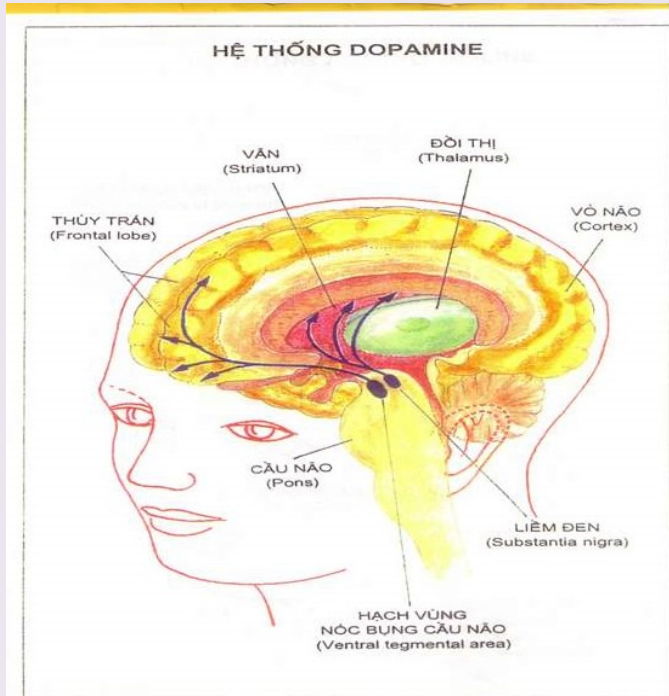
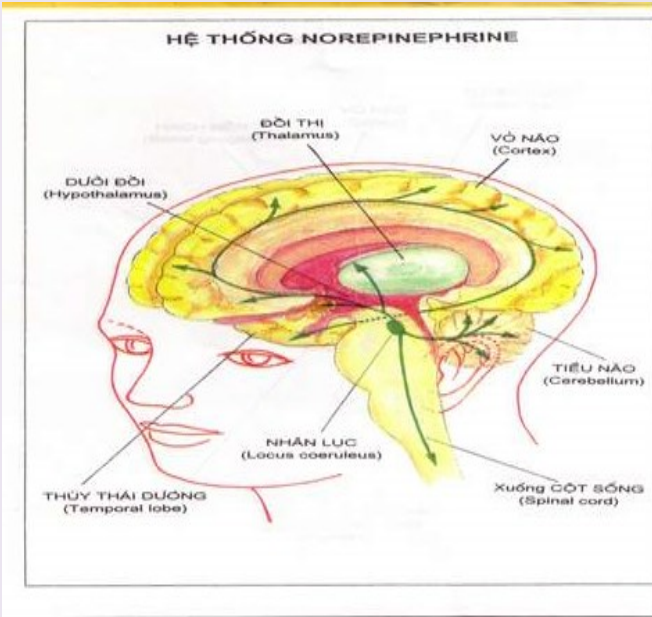
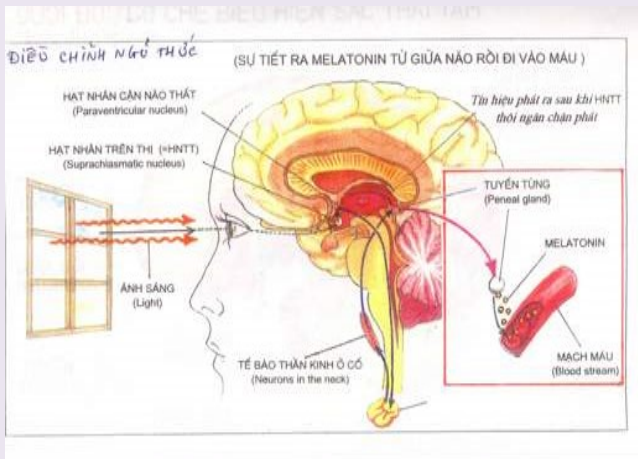
Thông tấn Radaronline dẫn một nguồn tin nói rằng: "Từ khi bệnh tim gây ra nỗi kinh hoàng cho ông ta, cựu Tổng thống Bill Clinton đã tìm nhiều cách để giúp ông thư giãn. Ông ta có đời sống bận rộn, đi lại nhiều trong cương vị làm đặc sứ cho Hoa Kỳ, và cần phải giữ đầu óc cho mình mẫn. Thiền tập đã cung ứng cho ông điều đó, ông ta có một câu thần chú (mantra) mà ông thích tụng lên, và sau mỗi thời Thiền tập, ông cảm thấy được chuyển hóa và đầy năng lực tích cực. Thiền hiển nhiên đã cho ông ta một thế giới tốt lành -- ông cảm thấy thích hợp hơn và mạnh mẽ hơn bao giờ hết."

Hình mô tả chất xám gia tăng nhờ ngồi thiền

Cũng trong những năm cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 này, một số nhà khoa học và nhất là các nhà sinh lý học, giải phẫu học và cơ thể học đã khởi động đào sâu, xoáy mạnh nghiên cứu rộng sâu hơn về vai trò kỳ diệu của một



số cơ quan, huyết mạch hoặc những vùng trong não bộ con người; như Tuyến Tàng Pineal gland nằm sâu trong não có một vai trò hết sức quan trọng về sự phát triển sức khỏe cũng như tâm linh.



Nghiên cứu cho thấy khi một người có tâm loạn động, giận dữ, hệ thống NÃO sản xuất ra chất Độc tố: Nori (Norepinephrine). Chất độc này như thuốc rầy vậy, làm tinh thần căng thẳng (Stress). Các nhà tâm sinh lý học nghiên cứu cho thấy 60% bệnh lý là do stress tạo ra. Nhờ thiền định giải tỏa nhanh Stress.

Máy PET cũng cho biết, nghiên cứu Y Tế Khoa học cũng cho thấy khi ngồi Thiền những tác dụng của hệ thống não bộ sản xuất ra những kháng chất:

DOPAMINE: khống chế các tế bào ung thư và trị được những bệnh quái ác.

MELATONIN: Tăng chất xám, bổ não, củng cố bộ óc.

ENDORPHINS: Chất giảm đau

ACETYLCHOLINE: làm điều hòa lục phủ, ngũ tạng, cơ thể linh hoạt

INTERFERON: Do tế bào cơ thể sanh ra, ngăn ngừa không cho các viruses phát triển chống Ung thư. Và nhiều kháng chất nữa. Các kháng chất này,

(Những hình ảnh này do Ni Sư Tường Liên cung cấp)

"Khoa học chứng minh rằng, Thiền đem lại sự quân bình cho cả hai phần phải và trái của khối óc, quân bình các mãnh lực âm dương trong cơ thể. Tài liệu khoa học nghiên cứu cũng cho thấy, mối tương quan giữa thiền định và sự rung động của bộ óc như sau: Hãy tưởng tượng bạn đang làm việc trong sở, có nhiều vấn đề, như bị chủ la rầy, có nhiều vấn đề cần giải quyết, đầu óc bạn bối rối, bức bối, rồi điện thoại reo, bạn phải trả lời, trả lời chưa xong điện thoại khác lại reo lên nữa, vấn đề chưa tới, nhìn vào thời khóa biểu, sẵn có buổi họp xảy ra trong vài phút, bạn lo lắng, việc trong sở, việc tại nhà v.v... Trong tình trạng đó nếu có một máy đo Điện não đồ ELEC trocephalograph đo mức rung động làn sóng trong óc bạn thì máy EG ghi nhận sự rung động ở mức 22 chu kỳ trong một giây hay ở mức BETA. Sau khi đi làm trở về nhà ăn uống, tắm rửa

ngủ ngơi thoải mái cho xả giãn thì **rung động ở óc sẽ hạ thấp xuống khoảng 10 chu kỳ trong 1 giây hay ở mức ALPHA.**



Nếu tham thiền tập trung tư tưởng vào một hình ảnh đẹp như một bông hoa, một câu thần chú, hay quán niệm hơi thở, thể xác bạn ngồi yên bất động, tâm trí lắng yên, không bị những tư tưởng lộn xộn, xâm nhập thì mức độ rung động của **làn sóng trí óc sẽ được ghi nhận khoảng 4 chu kỳ trong 1 giây hay ở mức THETA.** Nếu bạn là một hành giả đã thiền định nhiều năm, nhập thiền dễ dàng, mức tập trung hoàn hảo đạt đến trạng thái hòa nhập trọn vẹn, không còn phân biệt chủ thể hay đối tượng thì mức rung động của bộ óc sẽ vào khoảng **2 chu kỳ trong 1 giây hay ở mức DELTA.** Khi nhập vào trạng thái siêu đẳng của Đại Định (SAMADHI) toàn thân đắm chìm trong an lạc tuyệt vời, bỏ lại đằng sau cái giới hạn vật chất, thì tiến đến mức ra ngoài DELTA, ra ngoài tầm mức mà kỹ thuật não điện đồ EG không còn đo được nữa.

Tình trạng tâm thức siêu đẳng này thì chỉ người đã đạt đến trạng thái đó mới biết, lúc đó Chân ngã cảm nhận được nó." (THIÊN ĐỊNH VÀ KHOA HỌC . Darshani Deane/ Nguyễn Phong.)

Như vậy, Thiền định tháo gỡ các tấm màn vô minh, vẫn che mắt chúng ta từ bao lâu nay, để biết chính mình thực sự là ai, đồng thời khi ta làm chủ được cái tâm thì cánh cửa sức khỏe tự nhiên được bật tung ra. Do đó, đứng vào góc độ khoa học Thiền mang lại sức khỏe làm cho trí tuệ được thăng hoa, sáng tạo, thông minh hơn, đặc biệt giảm y phí điều trị cho đồng hương, bớt gánh nặng Y Tế cho chính phủ.



Cần ăn, uống gì để tránh ung-thư?

*Để ngăn chặn bệnh ung-thư,
Tăng sức tim, phổi... phòng ngừa bị đau,
Để mắt nhìn rõ trước, sau,
Cà rốt, rền, Táo... ăn nhiều: tốt thêm,
Đun thành nước cốt cho ngon,
Uống lúc sáng sớm, uống thêm 5 giờ chiều,
Giúp người thấy khỏe rất nhiều,
Tránh được ung-thư là điều mình mong!
Phơi nắng: 15 phút khỏe xương,
Chính nhờ tắm nắng: Vitamin D giúp người,
Cần uống nước Trà, Sả tươi,
Giúp tránh ung-thư , để người luôn vui,
Ăn trái cây, ăn rau tươi,
Giúp tránh bị độc, giúp người khỏi đau,
Khi ăn dưa đỏ (Cantaloupe) trước, sau:
Giảm ung-thư phổi , giúp mau khỏe người,
Ăn Tỏi, Cà-chua, hành tươi:
Giúp "Tiền liệt tuyến" khỏi thời ung thư...
Uống nước nhiều: tránh ung thư!
Bàng-quang không bị ung thư nhờ uống nhiều...
Nước Chanh: chua, ngọt: ngon nhiều:
Giúp miệng, bao-tử: tránh nhiều ung thư,
Măng tây, Broccoli: chữa khỏi ung thư,
Nhờ chứa Glutathione: chống ung thư dễ dàng....
Su hào, Bắp cải (Cabbage), rau xanh,
Luôn cùng Cà-rốt : chống ngành ung thư,
Đừng uống nước ngọt nhiều giờ:
Ung thư Tụy-tạng: nguy cơ hơn nhiều!
Lá Đu-đu: cắt nhỏ, nấu lâu...
Ăn chung món khác: trị sàu ung-thư!
Phải MỎ: vất bỏ ung thư!
Quang-tuyến trị liệu (Radio therapy) để ngừa bệnh thêm...
Loại trừ nguy hiểm đang thêm hại người,
Khỏi bệnh: Cuộc đời sẽ vui,
Cần học biết các điều vui, cần làm:
Khảo cứu phương pháp tốt lành,
Ăn các thực phẩm tránh ngành ung-thư,
Ăn củ-Nghệ: sẽ tránh ALZHEIMER,
Nghệ có CURCULUM chống bệnh tim, mạch
Cố tìm các cách mới nhất:
Tránh đau đớn, chật vật... thân mình,
Đời luôn vui: khi an lành,
Không bị bệnh, tật, lại danh giá nhiều...!!!*

HẢI THANH PHẠM-N-LƯƠNG, M.D.

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY**CANH KHOAI MỠ****Vật Liệu:**

Bạn có thể dùng một trong hai nhóm vật liệu sau đây:

1. một củ khoai mỡ tươi (2 cups)
2. một bao khoai mỡ bào đông lạnh

Và

3. Một bó rau ngò om (có thể dùng ngò gay hoặc hành lá)
4. 1 tablespoon (=1.oz) đường phèn (rock sugar); nếu bạn dùng nước lạnh
5. 4 teaspoon bột nấm
6. 4 cups nước dừa tươi (khỏi dùng đường phèn) hoặc nước lạnh
7. Tiêu

Cách Làm:

Bạn hãy cho nước dừa tươi hoặc nước lã (6) vào xoong và nêm vào đường phèn (4), bột nấm (5) nấu cho sôi và vặn lửa nhỏ lại.

Nếu bạn dùng khoai mỡ tươi, sau khi lột vỏ và rửa sạch khoai thì bạn có thể làm khoai nhỏ ra bằng một trong những cách sau đây:

- 1) Dùng muỗng cạo khoai ra cho nát.
- 2) Hay đập khoai nhỏ ra
- 3) Hay có thể cho vào máy xay và xay khoai ra cho nhuyễn

Khi sẵn sàng cho khoai vào nước thì vặn lửa lò lên cho nước sôi. Sau khi nước sôi, cho khoai tươi nhuyễn hay bao khoai mỡ vào và quậy đều và bớt lửa lò lại và tiếp tục quậy cho đến khi khoai chín và sệt lại. Đổ ra tô và cắt ngò om nhỏ lại rồi cho lên mặt tô và chút tiêu thì bạn sẽ có được một tô Canh Khoai Mỡ rất là ngon.

Ghi chú: Nếu bạn không có bột nấm bạn có thể dùng 2 teaspoon muối, 2 teaspoon đường.



Chú thích của CP: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

Mười lời khuyên để giúp chúng ta biết sống và bước theo vết chân của Đức Phật

FABRICE MIDAL
Hoang Phong chuyên ngữ

Lời giới thiệu của người dịch:

Trong một quyển sách nhỏ mang tựa đề là «Phật Giáo nhập môn» (ABC du Bouddhisme, nhà xuất bản Grancher, 2008) tác giả Fabrice Midal nêu lên một số các vấn đề cần bàn nhằm giúp chúng ta có một cái nhìn bao quát về Phật Giáo. Tuy các chủ đề trong tập sách này đều mang tính cách đại cương thế nhưng kiến thức của ông về Phật Pháp thì lại thật vô cùng sâu sắc và các đường nét chính yếu trong giáo lý nhà Phật đã được ông trình bày với một chiều sâu và dưới các khía cạnh uyên bác thật bất ngờ.

Ông tránh không dùng các thuật ngữ đặc thù của Phật Giáo mà đôi khi đã bị lạm dụng đến nỗi trở nên quá công thức và «nhàm chán». Những điều mà ông nêu lên tuy có vẻ mới lạ, hiện đại và thiết thực, đi thẳng vào tâm hồn và con tim của người đọc, thế nhưng thật ra thì những điều ấy đều phản ánh sự hiểu biết thật thâm sâu về giáo lý của ông một cách kín đáo và khéo léo.

Dưới đây là phần chuyển ngữ toàn bộ chương 9 (tr. 151-161) bao gồm 10 lời khuyên của tác giả hầu giúp chúng ta bước theo con đường của Đức Phật một cách đúng đắn và vững chắc hơn.

1- Tất cả đều có thể biến cải được

Niềm tin sâu xa nhất trong giáo lý nhà Phật là tất cả mọi người đều có thể tự cải biến mình trong từng giây phút một. Chẳng có gì gọi là định mệnh cả. Thế nhưng đây không phải là một điều dễ để cho mọi người có thể thực hiện được. Phần đông chúng ta chỉ biết sống với những gì xảy đến với mình. Khi mọi sự không được suôn sẻ thì lại nhất định không tự vấn để tìm hiểu nguyên nhân do đâu mà ra để cải thiện lấy mình, mà lại cứ khăng khăng tìm cách thay đổi cả thế giới này và buộc người khác phải chấp nhận quan điểm của mình.

Chúng ta đều có khuynh hướng khư khư tin rằng các khó khăn của mình đều do người khác gây ra hoặc là do hoàn cảnh mang đến cho mình. Nếu ta nổi giận thì ấy là vì người khác chọc cho ta bực tức – mà không hề nghĩ rằng chính cái tâm thức của mình nổi giận và hành hạ mình và không hề nhận ra là mình có thể ứng xử khác hơn thay vì chỉ biết nổi giận

Tương tự như thế, nếu có ai xúc phạm đến mình thì ta cứ cho là vì người ấy không biết kính nể mình ; nếu mình có tính hay nhút nhát thì cứ đổ lỗi cho người khác thiếu dịu dàng và hành xử thô bạo khiến cho mình khiếp sợ ; nếu mình cảm thấy cô đơn thì ấy lại là vì trong cái thế giới này chẳng còn ai biết cố gắng đối xử ngay thật và sâu xa với mình.

Bước theo con đường của Đức Phật có nghĩa là ý thức được rằng sự hiện hữu của mình nhất thiết không chỉ lệ thuộc vào các cảnh huống xảy ra để từ đó chúng ta sẽ không quy hết tất cả lỗi lầm cho chúng.

Thật vậy giáo dục, bối cảnh xã hội và sự tàn phá môi sinh khiến cho chúng ta khó mà tìm được một cuộc sống đúng nghĩa của nó – thế nhưng dù sao đi nữa thì chúng ta cũng vẫn có thể cải thiện được chính mình (bối cảnh bên ngoài tuy không hoàn toàn thế nhưng ta có thể biến cải nội tâm của chính mình để mang lại cho ta một cuộc sống nhiều ý nghĩa hơn). Hạnh phúc không nhất thiết chỉ lệ thuộc vào các cảnh huống bên ngoài. Chẳng phải là chúng ta vẫn thường nghe nói là có nhiều người phải chịu đựng mọi thứ khó khăn cay nghiệt, sống trong cảnh cớ hàn hoặc bị tật nguyền trầm trọng, thế nhưng họ vẫn tìm thấy được niềm hân hoan và một sự an bình sâu xa.

Chúng ta thường hay tìm cách đổ thừa cho những gì không được hoàn hảo trong thế gian này nhằm lẫn tránh không muốn đối mặt với các khó khăn và âu lo của mình trong cuộc sống. Thật thế, phê phán sự tàn phá của tư bản chủ nghĩa, chỉ trích những kẻ gây ra các thảm họa môi sinh đều là những gì hết sức chánh đáng hầu mang lại một thế giới công bằng hơn. Thế nhưng không có một lý do nào khiến ta có thể vin vào đây để không tự biến cải lấy mình, để tránh không làm ô nhiễm cái thế giới này và gây thêm khổ đau cho người khác. Nếu muốn hành động một cách đúng đắn, để có thể giúp đỡ những người chung quanh và rộng hơn nữa là cả toàn thể nhân loại một cách hữu hiệu hơn, thì ít nhất chúng ta cũng phải tập cải thiện lấy mình và mang lại một sự an lạc cho chính mình trước đã.

Thiền định là một phương pháp tuyệt vời nhất có thể giúp chúng ta thực hiện được việc ấy. Nó giúp chúng ta nhận ra được các cơ cấu vận hành đang kèm kẹp chúng ta để mà tháo gỡ chúng. Việc ấy quả thật hết sức gay go, tế nhị và vì thế cũng sẽ khó cho chúng ta có thể tránh hết được mọi khó khăn. Thế nhưng đây lại là cách hữu hiệu nhất giúp chúng ta biết xem trong cuộc sống của chính mình.

Nhìn vấn đề từ góc cạnh đó thì quả không sai lạc khi nhận thức được rằng những lời giáo huấn của Đức Phật đã dạy cho chúng ta biết là có một con đường giúp chúng ta tự cải thiện lấy mình và vượt lên trên các khó khăn từ lâu đã ngăn chặn không cho mình tìm thấy những gì cao quý hơn trong cuộc sống.

2- Tìm hiểu nội tâm của chính mình

Phép thiền định giúp chúng ta khám phá ra những gì mà chúng ta có thể cảm nhận được trong từng giây phút một và giúp chúng ta tiếp cận được

với những thể dạng xúc cảm cũng như những kinh nghiệm cảm nhận mà trước đây hoàn toàn xa lạ với mình. Theo cách nhìn đó thì bước theo con đường của Đức Phật trước hết có nghĩa là dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu. Thế nhưng thật hết sức lạ lùng bởi vì trong cuộc phiêu lưu đó chúng ta sẽ khám phá ra những cảnh vật hình như rất quen thuộc và gần gũi với mình. Ấy chẳng qua là vì trước đây chúng ta vẫn thường sống quá xa với chính mình, chẳng khác một người dưng không hề quen biết với mình.

Thật thế, nội tâm của chúng ta hoàn toàn khác hẳn với những gì mà chúng ta thường tưởng tượng. Cái nội tâm đó không hề tự khép mình phía sau những quan điểm quá hời hợt đối với mọi sự vật – chẳng hạn như «tôi chỉ thích màu đỏ và không thích màu xanh», hoặc là «trưa nay tôi muốn được ăn một cốc kem dâu tây» (*chúng ta thường có những khuynh hướng suy nghĩ và hành động thật hời hợt mà chúng ta không hề ý thức được*). Cái nội tâm ấy đúng hơn là nên biết lắng nghe những âm hưởng sinh động vọng lại từ thế giới này. Nếu nhìn trên bình diện đó thì nội tâm nhất thiết phải là một sự mở rộng và không hề là một cái hang sâu thật bí hiểm để tự giam mình vào đấy.

Đi nghe một buổi hòa tấu là một dịp để hé mở lòng mình hầu tạo ra một khoảng không gian giúp cho tiếng nhạc có thể vang lên và làm hiển lộ được toàn bộ ý nghĩa của nó trong tâm hồn mình...

Giáo huấn của Đức Phật luôn khuyên chúng ta phải chặn đứng mọi sự mê hoặc của các hiện tượng bên ngoài. Chúng ta không nên chỉ biết phóng nhìn vào mọi sự vật và xem đây như những thứ chết khô, mà thật ra thì chúng luôn hiển hiện ra để đối đầu với chính chúng ta, do đó chúng ta cần phải nhận biết được chúng đúng với cung cách mà chúng đang tác động với chính mình. Chúng ta nhìn thẳng vào các vật thể ấy qua sự cảm nhận của chính mình trong từng giây phút một (*những gì trình bày trên đây thật sâu sắc: mọi sự vật không phải là những đối tượng vật chất vô tri, vô giác và bất động mà chúng hiện ra như những ảo giác luôn biến động trước mặt chúng ta và tác động trực tiếp vào sự cảm nhận của chúng ta trong từng khoảnh khắc một. Có thể xem đây là một cách ứng dụng của Duy Thức Học, thế nhưng có lẽ tác giả không muốn đề cập đến lý thuyết và những khái niệm trừu tượng mà chỉ khuyên chúng ta hãy nhìn vào tác động của các đối tượng qua sự cảm nhận của chính mình để quán thấy sự tương tác giữa chúng ta và mọi sự vật chung quanh*).

Thế rồi chúng ta sẽ khám phá ra rằng không có một bức tường nào ngăn cách các vật thể bên ngoài với chúng ta. Khi nào mà bạn đã hoàn toàn hòa nhập được với các cảm nhận nội tâm của mình thì khi đó bạn cũng sẽ mở rộng được lòng mình với ngoại cảnh – và đây cũng là cách giúp mình có thể hiện hữu một cách thật sự (*mở rộng lòng mình để hòa nhập với thế giới và để cho thế giới tràn ngập tâm hồn mình*). Thật ra thì sự phân biệt giữa bên trong và bên ngoài như trên đây cũng chỉ là một phương tiện khéo léo giúp chúng ta tiếp cận hài hòa với thực tại mà thôi (*trên thực tế thì thực tại bên ngoài và chính chúng ta cũng chỉ là một*).

Chính sự cố gắng hội nhập với những gì mà chúng ta cảm nhận được sẽ giúp chúng ta vượt lên trên ảnh hưởng tác động bởi thực trạng khái niệm hóa luôn chi phối chúng ta và tách rời chúng ta ra khỏi thế giới (*có nghĩa là khi nào đã hội nhập được với thực tại thì khi đó chúng ta cũng sẽ vượt thoát*

TÂM PHẬT TRONG EM

thơ

*Ngước lên nhìn Đức Phật
Hai tay em thành kính
Đoá sen búp bé nhỏ
Cúi lạy đấng Thiên Nhơn
Hôm nay em phát nguyện
Thọ trì tam quy y
Trước Phật đài trang nghiêm
Thanh tịnh em cúi đầu*

*Phật ở trong tâm em
Cầu Phật từ chứng minh
Hộ trì chúng tánh Phật
Ngày càng tăng trưởng lên
Hôm nay măng mới mọc
Mai thành tre vững chãi
Tiếp nối giòng Phật chủng
Tồn tại ở thế gian*

*Phật là bậc Đại Giác
Pháp Con đường tỉnh thức
Tăng đoàn thể thanh tịnh
Tam bảo quý trên đời
Trong nhiều kiếp đã qua
Gieo duyên lành Phật đạo
Hôm nay dù thơ ấu
Xin nguyện hướng quay về*

*Mười phương Phật chứng minh
Chư hộ pháp thiện thân
Dẫn dắt lòng con trẻ
Đến bến bờ an vui
Chánh đạo thật nhiệm màu
Soi sáng khắp thế gian
Xua tan phiền não chướng
Tịnh độ chính trong ta.*

*Hôm nay em quy y
Một ngày thật đáng nhớ
Hoàng Thy - Stacy Man
Linh diệu Toàn tâm Phật
Công ơn cha nghĩa mẹ
Sanh thành dưỡng dục con
Tình thầy càng nặng hơn
Xin nguyện nhớ muôn đời*

*Hôm nay lo chăm học
Mai này con khôn lớn
Đáp đền bốn ân nặng
Xứng danh con Lạc Hồng.*

(Thương tặng Stacy Man nhân ngày quy y Tam bảo)

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

khỏi mọi ngõ ngách của tư duy luôn bị chi phối bởi các khái niệm mang tính cách quy ước và công thức). Nếu bảo rằng: «đây là gốc cây», «đây là cái ghế», «đây là con người» – thì đây là những cách phát biểu trong số muôn ngàn cách phát biểu khác, không hề nhằm vào việc nói lên sự thật về gốc cây, cái ghế hay con người (vì đây chỉ là các danh xưng mang tính cách quy ước do con người sáng chế ra để «trao đổi» và «hiểu ngầm» với nhau). Do đó chúng ta phải tập khám phá ra những thứ ấy dưới những thể dạng hoàn toàn mới mẻ (gạt bỏ những quy ước sẵn có). Giác Ngộ chính là như thế mà chẳng phải là thứ gì khác hơn. Đây là cách cứ để cho mọi sự vật, mọi bối cảnh hiển hiện ra đúng như thế (không gán thêm cho chúng một sự diễn đạt nào cả).



Nghệ thuật cũng có thể là một phương tiện hữu hiệu giúp chúng ta nhận biết được thể dạng tâm thần ấy. Người nghệ sĩ ngoài việc phải trau dồi các khía cạnh thật chuyên biệt và vô cùng nghiêm ngặt ấy trong con người mình thì còn phải nghĩ đến là phải làm thế nào để tạo ra được sự xúc động tương ứng cho người khác. Thế nhưng thói thường thì chúng ta lại cứ tin là phải làm ngược lại thì mới đúng, tức tự nghĩ rằng nếu muốn cho người khác hiểu được mình thì nhất thiết mình phải từ bỏ những gì cá biệt nhất của mình. Chúng ta chấp nhận một ngôn ngữ chung (quy ước) mà mọi người đều chấp nhận, và oái oăm thay chính cái ngôn ngữ ấy thì lại tẻ nhạt và hời hợt biết bao (sống với những gì quy ước chúng ta sẽ quên khuấy đi cái bản chất đích thật của chính mình).

Tất cả sự sống của con người chẳng qua đều bị bủa vây bởi cái áp lực nặng nề đó: «thế thì tôi có đủ can đảm trở thành như thế đó hay không, bằng cách sẵn sàng chấp nhận là điều ấy có thể sẽ bị các người khác không chấp nhận, hay tốt hơn thì tôi chỉ nên rập khuôn theo các quy ước thường tình?». Con đường của Đức Phật cho biết là càng quay về với chính mình thì mình lại càng hiểu được rằng cái tôi không hề là một trò thao túng của cái ngã mà đúng hơn là một thể dạng rang người của sự giác ngộ (tác giả muốn ám chỉ bản thể đích thật hay Phật Tính nơi mỗi con người). Đây chính là thực thể của nội tâm, nơi trú ngụ của sự tự do đích thật luôn che chở cho mình tránh khỏi mọi thứ đầu độc của các tín điều tôn giáo và mọi sự tin tưởng vào các thể chế xã hội.

3- Tự vận lấy mình

Bước theo bước chân của Đức Phật có nghĩa là không được phép sống một cuộc sống buông thả mà phải cảng đáng trọng trách đối với sự hiện hữu của chính mình. Thật hết sức quan trọng phải biết tự quán xét lấy mình, theo dõi các dấu vết do sự vận hành của tâm thức lưu lại (tức là nghiệp), có nghĩa là phải thận trọng đối với từng hành động của mình. Phải quán xét xem chúng có được đúng đắn hay không? Khi nói đến hành động thì trên con đường bao giờ lại chẳng có ít nhiều điều đáng tiếc xảy ra. Có phải là ta thường bị bắt quả tang đang che giấu những chuyện mà mình cố tình lèo lái khác đi hay chẳng, hoặc đôi khi có phải là ta cũng nhận thấy được cái bản chất hung bạo, hay sự hèn nhát của

chính mình, hoặc có thể là ta cũng từng làm bộ như là một người thật khả ái, và đây thì cũng chỉ là cách đeo vào cho mình một chiếc mặt nạ nhằm che giấu các dụng ý của mình. Đối với những người Phật Giáo nếu phải đối đầu với những điều đáng tiếc ấy thì cũng chẳng có một lý do gì để phải lo sợ hay nao núng, bởi vì họ luôn biết tự cải thiện lấy mình và xem sự lương thiện là chất men quý giá nhất cho sự sống.

Đây cũng chính là lý do tại sao phải luyện tập thiền định. Thiền định giúp mang lại một thể dạng thông minh thật chính xác (prajna – bát nhã hay trí tuệ) giúp chúng ta quán nhận được sự trung thực khi nhìn vào những gì giả mạo luôn

tìm cách lẫn át và che khuất cái trí thông minh ấy. Khi nào biết giữ không để cho sự lệp lạc và các hành động sai lầm làm nhòe bản chất của mình thì khi đó chúng ta cũng sẽ không còn lo ngại bị bắt quả tang nữa (trước sự giả dối và lèo lái thiếu lương thiện của mình). Thật ra thì đây cũng chỉ là những thứ sai trái và bất-định-hướng mà mình có thể biến cải được dễ dàng.

Khi nào bạn đủ sức để tự nhận biết mình là một người ganh ghét thật cay độc khiến mình luôn rơi vào một tình trạng căng thẳng thật nghiêm ngặt và thường xuyên hơn là mình tưởng, hoặc khi nào bạn nhận thấy mình thường hay nổi giận hơn là mình tưởng, thì đây sẽ là một điều đáng mừng. Không còn gì có thể khiến cho bạn phải lo lắng nữa, bởi vì vào đúng lúc mà bạn ý thức được thực trạng ấy thì đây cũng chính là lúc mà bạn thoát ra khỏi sự mù quáng, và cũng có nghĩa là bạn đã thoát ra khỏi ngục tù (nhìn thấy được sự khiếm khuyết của mình cũng đã là «một» sự giác ngộ, quán nhận được bản chất đích thật của mình và của mọi hiện tượng sẽ là «một» cấp bậc giác ngộ khác cao hơn, chỉ còn cần bước thêm một bước nữa để đạt được sự Giác Ngộ toàn thiện). Đây là cách mà bạn ý thức được trách nhiệm đối với cuộc sống của chính mình. Và đây cũng chính là cách giúp cho bạn trở về với chính bạn.

Cứ tự tồn quán xét xem chúng ta phải hành động như thế nào và tại sao mình lại xem đây là cách có thể giúp cho mình tránh được mọi hiểm nguy. Khi nào tìm thấy được giải đáp (ý thức được trách nhiệm của mình đối với chính mình) thì khi ấy tất nhiên là chúng ta cũng sẽ trút bỏ được cả cái gánh nặng trên vai, và nhất là ý thức được cái gánh nặng ấy từ lâu nay vẫn thường xuyên đè bẹp mình mà mình không hề hay biết. Khi phải đối đầu với sự sợ hãi và yếu hèn của mình – thì mình cũng sẽ hiểu rằng cần phải xắn tay áo lên mà hành động (phải trông cậy vào sự cố gắng của chính mình).

4- Buông xả

Con Đường không phải là một phương tiện giúp gom góp một mớ hiểu biết, mà đúng hơn là một cách hành xử thật triệt để nhằm giúp chúng ta biết mở rộng lòng mình để mà buông xả.

Mỗi khi gặp phải một chuyện bực dọc thì tức thời ta cố tìm cách gỡ rối. Theo Phật Giáo thì phải loại bỏ ngay cách phản ứng như thế và không bao giờ nên mong muốn mọi sự sẽ xảy ra đúng như sở nguyện của mình.



Đây chính là điều tuyệt vời nhất trong giáo huấn của Đức Phật về sự buông xả.

Bạn không thể nào tự mình quyết định buông xả được mà phải có một sự vận hành nào đó giúp cho bạn buông xả. Con đường mà Đức Phật mở ra chính là cách giúp cho sự vận hành đó tác động đến bạn. Thế rồi chúng ta sẽ khám phá ra rằng mở rộng lòng mình thì nào có mất mát hay thiệt thòi gì cho mình đâu (và biết đâu trái lại còn tốt hơn cho mình là đằng khác).

5- Phải nhận biết được đây là gì để mà buông xả

Mỗi khi gặp phải một cảnh huống khó khăn, hoặc phải đối đầu với những điều thất vọng hay bất hạnh, thì giáo huấn nhà Phật luôn khuyên chúng ta hãy buông xả ngay-tức-khắc những oán hận trong lòng mình. Tuy nhiên phải cẩn thận, không được mượn những lời giáo huấn ấy để biến chúng trở thành một thứ sách lược hữu dụng giúp mình lẩn tránh mọi sự bất an.

Nếu muốn phát động được sự buông xả thì trước hết chính mình phải nhận biết được các kinh nghiệm cảm nhận của chính mình. Cái bẫy giăng ra là thái độ dựa vào các lời giáo huấn như một phương tiện tránh né các khó khăn có thể xảy ra cho mình. Chúng ta cảm thấy bức dọc thế nhưng nếu biết nghĩ đến là mình đang bước theo con đường của Đức Phật thì phải loại bỏ ngay các sự bức dọc ấy ra khỏi lòng mình. Nếu cho rằng phải vô cảm với tất cả mọi thứ thì đây quả không phải là con đường của sự buông xả.

Trái lại, con đường đó đòi hỏi chúng ta phải thật trầm tĩnh để cảm nhận được sự bức dọc đang bóp nghẹt mình, và không nên ghép thêm cho nó bất cứ

một sự phán đoán nào, không nuôi dưỡng nó, cũng không thừa nhận nó.

Nếu muốn thực hiện được điều đó thì lời khuyên sau đây sẽ là một trong những lời khuyên hữu hiệu nhất: «phải nằm được nó để mà buông bỏ nó ra» (ý thức được sự bức dọc, cơn giận dữ hay sự lo buồn của mình, nhìn thấy được chúng một cách trầm tĩnh để nằm cổ chúng mà vứt bỏ ra khỏi lòng mình).

Hãy nhẹ nhàng đối mặt với các thử thách mà mình cảm nhận được trong cuộc sống đúng thật như thế, để rồi buông bỏ chúng ra. Một hành động vừa giản dị lại vừa sâu xa. Thật vậy, hãy buông xả và chỉ biết có thể thôi.

Nếu chúng ta gặp phải những cảnh huống khó khăn thì cứ mớ sự đau buồn và lo lắng ngồi xuống với mình để cùng nhau uống một tách trà, đẩy chằng qua là vì chúng đang ở trước mắt mình thế thôi. Hãy kính trọng chúng (như những người khách), quan sát xem chúng tác động đến mình như thế nào, nhưng tuyệt nhiên không phải vì thế mà để cho chúng tiếp tục dung túng trong ngôi nhà của mình. Đến một lúc nào đó thì cũng nên chào tạm biệt chúng. Đây mới chính thật là ý nghĩa của sự buông xả. Đau buồn và lo lắng đang sờ sờ ra đây, và chúng ta chấp nhận sự hiện diện của chúng để rồi buông bỏ chúng.

Mỗi khi bị tràn ngập bởi những thứ suy nghĩ nặng nề hay bị các thứ xúc cảm bồn loạn xâm chiếm lấy mình trong cuộc sống thường nhật, thì ta hãy ngồi lên chiếc tọa cụ thiền định để mà buông xả chúng.

6- Không nên lẩn tránh khổ đau

Không nên tìm cách lẩn tránh khổ đau mà phải chú tâm tìm hiểu chính mình là gì và mình đang sống như thế nào. Khổ đau quả là một khối chì, thế nhưng cái khối chì ấy lại có thể biến thành vàng ròng của tình nhân ái.

Cái bẫy giăng ra bởi bất cứ một con đường nào hay bất cứ một tín ngưỡng nào là một mục chỉ biết nói đến vàng ròng, nếu lên toàn là vàng ròng để mê hoặc chúng ta khiến chúng ta chỉ mơ ước đạt được nó, thế nhưng các con đường ấy hay các tín ngưỡng ấy lại không hề dạy cho chúng ta biết phải làm thế nào để biến đổi cái khối chì đang đè bẹp chúng ta trong những giây phút hiện tại này (để biến nó trở thành vàng ròng).

Cách duy nhất có thể giúp chúng ta bước vào con đường là phải chấp nhận mọi sự lầm lẫn và lo âu của mình một cách thực lòng. Đây chính là mảnh đất bằng phẳng cho mình đặt chân.

Có hai con đường hay nói đúng hơn là hai cái bẫy mà chúng ta phải tránh. Đây là thái độ nhất mực cho rằng tất cả sẽ phải xảy ra tốt đẹp và đồng thời không chấp nhận là mình đang khổ đau.

Hoặc ngược lại thì chỉ biết liên tục ta thán, và sống như một nạn nhân thật khổ sở luôn phải gánh chịu đủ mọi thứ hy sinh – chẳng hạn như lúc nào cũng có cảm giác là phải đưa lưng để gánh chịu mọi sự nhịn nhục.

Con đường trung đạo có nghĩa là không than vãn mà phải xét thật kỹ xem những gì không được sườn sẽ đang xảy ra với mình để chấp nhận nó một cách thành thực hầu tự giải thoát mình ra khỏi nó.

7- Sự từ bỏ

("Từ bỏ" – renoncement / renunciation – là một thuật ngữ thông dụng và rất thường thấy nếu lên trang vô số các bài kinh Nguyên Thủy, và mang ý

nghĩa là «từ bỏ thể tục và rời xa tổ ấm để bước theo bước chân của Đức Phật». Tuy nhiên theo những gì mà tác giả trình bày dưới đây thì trong xã hội ngày nay "từ bỏ" không còn nhất thiết có nghĩa là từ bỏ tất cả để chọn cho mình «một kiếp sống vô gia cư và để ôm bình bát đi hết nhà này sang nhà khác» mà từ bỏ phải là trọng tâm của từng hành động, cử chỉ và ngôn từ của mình. Thật vậy, «xuất gia» biết đâu cũng có thể ngự trị trong nơi sâu kín của lòng mình, tàng ẩn bên trong từng hành động và cử chỉ nhỏ bé của mình – ghi chú thêm của người dịch).

Rất nhiều người cứ ước muốn được bước theo con đường của Đức Phật nhằm giúp cho mình biết chú tâm hơn và để chia sẻ với người khác một quan điểm nào đó về thế giới này mà mình hằng tâm nguyện, hoặc để mang lại cho mình một thể dạng thanh thản nào đó, thế nhưng họ lại không muốn mở rộng lòng mình và quên mình một cách thật sự. Thật thế từ bỏ là hành động trước tiên giúp mở ra con đường của Đức Phật. Bước theo con đường đó tức có nghĩa là từ bỏ cái ý nghĩ tự cho mình là trung tâm. Đây là cái bài ca mà chúng ta thường xuyên đem ra mà hát đi hát lại, thật thế vào một lúc nào đó thì cái bài ca ấy cũng sẽ phải trở nên chán ngắt (thế những vẫn có nhiều người chỉ biết sống với những gì hời hợt, vô nghĩa mà không biết «chán ngắt», sống như thế cũng chẳng khác gì những người mê mãi hát ka-ra-o-kê mà thôi).

Thế nhưng từ bỏ cũng không có nghĩa là phải loại bỏ những gì mà mình yêu quý – chẳng hạn như của cải, những điều tự nguyện và bạn hữu của mình – mà đúng hơn là loại bỏ ý niệm cho rằng mọi sự nhất thiết phải lệ thuộc vào mình. Bạn có thể tự nguyện chọn một cuộc sống thanh bần thật khắt khe thế nhưng không phải vì thế mà nhất thiết phải từ bỏ bất cứ gì cả, ngược lại là chẳng khác, bởi vì khi đã chọn cho mình quyết tâm ấy thì chính đây đã là cách xác định cái tham vọng thật lớn lao được trở thành một con người toàn thiện.

Sự từ bỏ phải thể hiện bằng một sự rút lui, tức là ẩn náu thật kín đáo trong từng hành động của chính mình, và không nên khoe khoang để cho mọi người kính phục mình. Một người mẹ trong gia đình nấu nướng cho con cái thì nào có bao giờ nghĩ đến là cần phải nói lên với chúng rằng « này các con hãy nhìn xem mẹ có tuyệt vời lắm không ». Người mẹ chỉ biết là phải làm những gì mình cần phải làm, và chỉ có thể thôi. Và như thế chẳng phải là đã tuyệt vời hay sao (người tu hành phục vụ chúng sinh giản dị như người mẹ làm cơm trong bếp). Theo một cách hiểu nào đó thì trước hết sự từ bỏ chỉ đơn giản có nghĩa là sẵn sàng chấp nhận tất cả mọi khó khăn.

Sự từ bỏ không phải là một quyết tâm chưa hề có ai nói đến mà đúng hơn đây là một tấm gương mà nhiều người đã từng trông vào, đây là tấm gương mà Đức Phật đã nêu lên cho chúng ta noi theo nhằm giúp chúng ta biết cương quyết hơn trong từng cảnh huống của đời mình.

"Biết tuân thủ" cũng có thể là một cách khác để nói lên sự từ bỏ. Chúng ta tự nguyện hy sinh cho kẻ khác và cứ để cho bốn phận hưởng dẫn con tim mình. Theo thì câu phát biểu sau đây của nữ thi hào người Nga là Zvétaieva có thể nói lên được cái đẹp của ý nghĩ trên đây: «Tôi tuân thủ một thứ gì đó tuy rằng không được đều đặn cho lắm, bởi vì lúc thì nó điều khiển tôi, lúc thì lại ra lệnh cho tôi, tuy thế sự liên tục đó không hề bị gián đoạn. Khi nào mà nó điều khiển tôi – thì tôi đối thoại với nó, thế

nhưng khi mà nó ra lệnh cho tôi – thì tôi lại nghe lời nó» (khi lòng từ bị hướng dẫn mình thì mình bàn thảo với nó, thế nhưng nếu mà nó đã ra lệnh cho mình rồi thì mình chỉ biết mở rộng lòng mình mà thôi).

Đây là một thứ kỳ cương đúng đắn và cũng là cội nguồn mang lại một niềm hân hoan sâu xa. Có lẽ chúng ta cũng đều biết rằng kinh sách mô tả những người xuất gia từ bỏ tất cả là những con người "sung sướng và hạnh phúc, hân hoan một cách chân thật, vô cùng khả ái, tâm hồn trong sáng, trầm tĩnh, thanh thản, sinh sống bằng vật hiến dâng, tâm thức thì chẳng khác gì như con hươu (giữa cánh đồng cỏ mênh mông)». Thế thì chúng ta cũng nên tự hỏi tại sao họ lại sung sướng đến thế?

Chẳng qua là vì họ quyết tâm bất tuân lệnh cái cảm tính tự xem mình là trung tâm của tất cả và khi đã ý thức được điều đó thì chúng ta cũng sẽ biết mở rộng lòng mình và hy sinh cho cái bầu không gian tinh khiết đó. Tất cả chúng ta đều có đủ sức để làm được như họ.

8- Phải bảo vệ môi trường mà chúng ta đang sống

Kinh sách thường nhắc nhở là nếu mình có nhiều bạn hữu cao quý chăm lo cho mình thì nhất định đây sẽ là một điều đáng quý. Sự nhản nhủ này không phải là những lời khuyên hời hợt không đáng để quan tâm.

Đức Phật có kể một câu chuyện như sau:

«Thuở xưa có một chú voi thật hiền hòa. Thế nhưng sự thế lại xoay chiều thật bất ngờ, chẳng qua vì có một bọn trộm cắp đêm đêm cứ kéo nhau đến tụ tập nơi gần chuồng voi để bàn thảo các kế hoạch bắt chính, chúng khuyến nhau chớ nên khiếp sợ khi phải giết người hay phải sử dụng các phương tiện hung bạo. Chú voi cảm nhận được sự hung bạo ấy và nghĩ rằng cần phải hành động và vì thế đã trở nên hung hăng một cách lạ thường. Nhà vua chủ con voi bèn sai một vị quan của triều đình – tiền thân của Đức Phật – đến tận nơi xem thực hư như thế nào. Vị quan rình nghe được các lời nói hung dữ của bọn trộm cắp và đồng thời cũng nhận thấy các lời hung dữ ấy đã tác động đến con voi. Vị quan bèn ra lệnh di chuyển con voi đi nơi khác để sống gần các vị hiền nhân. Thế là chịu ảnh hưởng bởi những người tốt lành, chú voi lại trở lại hiền hòa và ngoan ngoãn như xưa».

Được bạn bè nâng đỡ thì chúng ta sẽ phát lộ được những gì cao quý nơi con người mình, đây quả thật là một sự hỗ trợ hữu hiệu. Nếu những người chung quanh không ngó ngang gì đến mình hoặc còn ngầm ám hại mình, thì tất sẽ khiến cho cuộc sống của mình trở nên khó khăn hơn gấp bội. Thật vậy, chẳng có gì giản dị hơn lời khuyên trên đây thế nhưng các lời khuyên ấy lại hết sức cần thiết để nhắc nhở chúng ta phải biết quan tâm đến những người đang sống cạnh ta và luôn cả môi trường chung quanh chúng ta nữa.

Tất nhiên là nếu đã bước theo con đường của Đức Phật thì chúng ta đều có khả năng hành động thật thích nghi với mọi cảnh huống. Thật thế quả khó cho tất cả chúng ta có thể hội đủ mọi điều kiện để được sống trong những ngôi nhà lý tưởng và có được thật nhiều bạn hiền, thế nhưng cũng phải hiểu rằng có những thứ khác quan trọng hơn thế nhiều, đây là khả năng quán nhận được là cái thế giới bao quanh chúng ta đang tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ đến thể dạng tâm thức của chính mình như thế

nào. Tôi luôn nhấn mạnh đến điều này, bởi vì có một xu hướng vô cùng đáng tiếc là mình cứ ngỡ rằng khi đã bước vào con đường tâm linh thì môi trường bao quanh chúng ta tất sẽ không còn gì là quan trọng nữa và chỉ có thể dạng tâm thức của mình mới là điều đáng quan tâm. Quả thật không có gì sai lầm hơn thế.

9- Biết hân hoan đón nhận cái đẹp

Bước đi trên con đường của Đức Phật đòi hỏi chúng ta phải biết đón nhận cái đẹp hiển hiện ra ở bất cứ nơi nào, biết khơi động một tâm hồn tươi trẻ để thán phục tất cả những gì tuyệt vời. Thế nhưng nếu muốn thực hiện được điều đó thì không nên ra sức tìm hiểu đủ mọi thứ mà cứ để cho lòng mình kinh ngạc trước mọi sự tuyệt vời (*không cần tìm cách giải thích gì cả mà chỉ nên để cho con tim tràn ngập bởi những gì tuyệt đẹp hiển hiện ra với mình*).

Một hôm người đệ tử thân cận của Đức Phật là A-nan-đà có hỏi Ngài rằng: «Thưa Đấng Thế Tôn, có phải là nên để nửa đời người để kết thân với cái đẹp, để buộc mình vào cái đẹp và để hội nhập với cái đẹp hay chăng?». Đức Phật trả lời như sau: «Không phải là chỉ dành ra nửa kiếp người mà phải dồn tất cả cuộc đời thánh thiện của mình vào việc ấy».

Muốn đón nhận được cái đẹp thì phải biết chú tâm vào mọi thứ. Chính đây cũng là cách làm cho sự xao lãng biến mất nhằm giúp cho một sự tương quan thiêng liêng có thể phát hiện để nối kết mình với thế giới sinh động này.

10- Chỉ cần cảm nhận được là như thế

Chúng ta đều có thể ước nguyện mong sao cho mình trở nên một con người ích lợi, tốt lành, hoặc biết đâu cũng lại có thể là một con người đáng kính. Chúng ta mong muốn phát huy được các phẩm tính ấy. Thực ra thì cũng có rất nhiều con đường giúp mình thực hiện được điều ấy. Các con đường ấy đôi khi cũng tỏ ra vô cùng hữu ích, thế nhưng lắm khi cũng có thể là những con đường lừa đảo lợi dụng sự ngây thơ của kẻ khác (*bằng sự hứa hẹn chẳng hạn*).

Con đường của Đức Phật thì lại hướng vào một chiều khác hơn. Đây là những gì thật đơn giản. Không có gì cần phải thay đổi. Không có gì cần phải đạt được. Chỉ là như thế. Cái thể dạng hiện hữu mà chúng ta đang có, đứng vào cái giây phút thực tại này, thì nó chỉ là như thế. Đây chính là cái thể dạng thanh thản đích thực: chẳng còn có gì để làm cho thăng tiến thêm, cũng chẳng có gì khác tốt hơn để mà đạt được. Con đường không đưa ra bất cứ một thứ gì khác hơn là những thứ đang hiển hiện ra như thế và con đường cũng khuyên chúng ta cứ nên hân hoan được là như thế.

Đây là cách mà bạn cảm thấy mình được yêu thương vô điều kiện. Sự yêu thương ấy chẳng phải là do một con người nào cả, mà chỉ đơn giản biết rằng mình đang được yêu thương thế thôi. Nhất thiết được yêu thương một cách tuyệt đối. Không một khiếm khuyết nào. Đây là một sự tự tin vô điều kiện đang bùng dậy trong ta (*tác giả mô tả sự giác ngộ thật khéo*).

Bures-Sur-Yvette
Hoang Phong chuyển ngữ



Chỉ là ảo ảnh

(tựa do Chánh Pháp đặt cho các trích đoạn từ thi phẩm Lục Bát Ba Câu của cố thi sĩ Nguyễn Tôn Nhan do Thư Quán Hương Tích xuất bản)

*ngó sơ đủ biết hoa sen
ngửi sơ đủ biết mùi em thơm nồng
tâm thông hay là ý thông.*

*vin vào tâm hay vào than
vân còn lơ lửng hai chân ở ngoài
chi bằng không vin vào ai.*

*thực tình anh chẳng có đâu
chỉ là ảo ảnh ngàn thu tụ thành
rời ra sương móc tan nhanh.*

*những là giả tạm thôi em
rớt cùng chỉ có nhu mềm mới phân
thấp cao đâu có gì cân.*

*tạm coi rớt rảo là không
tạm nhìn cái cõi đại đồng nực gan
vướng vào từ chết đến tàn.*

*thoạt đâu chỉ một hào sinh
thêm vào hai gậy là thành âm dương
ba là thu nhiếp mười phương.*

NGUYỄN TÔN NHAN

thơ

PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ



7 THE FOUR NOBLE TRUTHS BỐN CHÂN LÝ CAO QUÝ

2. The Second Noble Truth: THE CAUSE OF SUFFERING

The cause of suffering is desire based on greed and selfishness. The Buddha saw that the cause of suffering is selfish desire and greed. People want all kinds of things and want to keep them forever. However, greed is endless, like a bottomless pit that can never be filled. The ore you want, the more unhappy life is. Thus, our limitless wants and desires are the cause of our suffering.

Many children who have had a taste for chocolate will keep asking for more. When they do not get it, they will feel upset or even angry. Although they know that eating too much chocolate may cause them to have a bad stomach or toothache, they still want more.

The things we want most can cause us the most suffering.

2. Chân Lý Cao Quý thứ hai: NGUYÊN NHÂN CỦA KHỔ ĐAU

Nguyên nhân của khổ đau là sự ham muốn do lòng tham lam và sự ích kỷ. Đức Phật đã nhận ra nguyên nhân của khổ đau là ích kỷ, ham muốn và tham lam. Người ta muốn tất cả mọi thứ và muốn giữ nó mãi mãi. Tuy nhiên, lòng tham không có giới hạn, nó giống như cái lỗ trên mặt đất không có đáy không bao giờ làm đầy được. Nếu em càng muốn nhiều, thì cuộc sống càng nhiều khổ đau. Bởi vậy, những ước muốn và khát khao vô giới hạn của chúng ta là nguyên nhân gây ra khổ đau.

Nhiều trẻ em khi được nếm sô cô la rồi sẽ lại đòi thêm nữa. Khi chúng không xin được, chúng cảm thấy buồn bực và ngay cả giận dữ nữa. Dù chúng biết rằng ăn quá nhiều sô cô la sẽ làm đau bụng hoặc đau răng, nhưng chúng vẫn đòi ăn thêm.

Những cái chúng ta mong muốn nhất đều có thể gây ra khổ đau cho chúng ta nhất.

3. The Third Noble Truth: THE END OF SUFFERING

To end suffering, selfish desire must be removed. Just as a fire dies when no fuel is added, so unhappiness will end when the fuel of selfish desire is removed. When selfish desire is completely removed, there will be no more suffering. Our mind will be in a state of perfect peace. We shall be happy always. Buddhists call the state in which all suffering is ended Nirvana. It is an everlasting state of great joy and peace. It is the greatest happiness in life.

DHARMA FOR CHILDREN PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: Tâm Minh Ngô Tằng Giao

3. Chân Lý Cao Quý thứ ba: CHẤM DỨT SỰ KHỔ ĐAU

Để chấm dứt khổ đau, cái ham muốn ích kỷ phải được loại bỏ. Như là ngọn lửa sẽ tắt đi khi không cho thêm nhiên liệu vào, điều đau buồn sẽ chấm dứt khi cái nhiên liệu ham muốn ích kỷ bị loại bỏ đi. Khi ham muốn ích kỷ đã hoàn toàn bị loại bỏ thì không còn đau khổ nữa. Tâm hồn của chúng ta sẽ ở trong một trạng thái hoàn toàn thanh thản. Chúng ta sẽ luôn luôn sung sướng. Đức Phật gọi cái trạng thái trong đó mọi khổ đau chấm dứt là Niết Bàn. Đó là trạng thái rất sung sướng và bình an mãi mãi. Đó là cái hạnh phúc lớn nhất trong cuộc đời.



4. The Fourth Noble Truth: PATH LEADING TO THE END OF SUFFERING

The way to end suffering is to follow the "Noble Eightfold Path":

1. RIGHT UNDERSTANDING: means to have a correct understanding of oneself and the world. Although we may have our own view of the world, it may not always be right. If we Understand things as they really are, we would be able to live a happier and more meaningful life.

For example, students who understand that it is to their own benefit to learn would work hard to learn more and do better. When they do well, everyone will be happy, including their parents and teachers.

2. RIGHT THOUGHT means to think in the right way. Those who harbour thoughts of greed and anger will easily get into trouble. But if we think correctly, we would end up doing the right things.

For example, if students harbour the right thoughts, they will know that being lazy may make them fail in exams. This would mean spending another year doing the same things. So they would decide to work hard rather than be grumpy about schoolwork.

3. **RIGHT SPEECH** means to avoid lying, tale telling, gossiping, backbiting, idle talk and harsh words. Harsh words can wound more deeply than weapons, while gentle words can change the heart of a hardened criminal. This shows the effect on others in the way we speak.

The Buddha said, "Pleasant speech is as sweet as honey; truthful speech is beautiful like a flower; and wrong speech is unwholesome like filth." Therefore, we should speak words that are truthful, meaningful and with good will.

4. Chân Lý Cao Quý thứ tư: CON ĐƯỜNG DẪN TỚI CHẤM DỨT KHỔ ĐAU

Đường chấm dứt khổ đau là theo "Tám Con Đường Cao Quý":

1. **HIỂU ĐÚNG**: có nghĩa là có sự hiểu biết chính xác về mình và cuộc đời. Mặc dù chúng ta có thể có cái nhìn của riêng chúng ta về việc đời nhưng không phải lúc nào cũng đúng. Nếu chúng ta hiểu mọi vật đúng với bản chất thật sự của nó, chúng ta sẽ có thể sống một cuộc đời sung sướng và có ý nghĩa hơn.

Thí dụ như nếu các em học sinh hiểu rằng việc học có lợi ích cho chính các em thì các em sẽ học hành chăm chỉ hơn và làm việc cố gắng hơn. Khi các em học giỏi, mọi người sẽ sung sướng kể cả cha mẹ lẫn thầy giáo của các em.

2. **NGHĨ ĐÚNG**: có nghĩa là suy nghĩ một cách đúng đắn.

Những ai nuôi dưỡng những tư tưởng tham lam và giận dữ sẽ dễ gặp rắc rối. Nhưng nếu chúng ta nghĩ đúng thời cuối cùng chúng ta sẽ làm những việc đúng đắn.

Thí dụ như, nếu học sinh suy nghĩ đúng đắn, các em sẽ biết rằng lừa dối có thể làm cho các em thi rớt. Điều này có nghĩa là sẽ mất thêm một năm học khác để học lại những cái đã học. Vì vậy các em quyết định học chăm chỉ hơn là cầu nhau với các bài tập ở trường.

3. **NÓI ĐÚNG**: có nghĩa là tránh nói dối, nói đặt điều, nói tầm phào, nói xấu sau lưng, nói vu vơ, nói những lời độc ác. Lời nói ác độc có thể gây tổn thương hơn vũ khí trong khi lời nói dịu dàng có thể làm thay đổi trái tim của một kẻ tội phạm tàn nhẫn. Điều này cho thấy tác dụng với người khác trong cách nói của chúng ta.

Đức Phật nói, "Lời nói làm hài lòng thời dịu ngọt như mật ong, lời nói chân thật thời đẹp như một bông hoa; và nói lời sai trái thời dơ bẩn như rác rưởi." Bởi vậy, chúng ta sẽ nói lời chân thật, có ý nghĩa và với thiện chí.



4. **RIGHT ACTION** means not to harm or destroy any life, not to steal and not to use sex in a harmful way.

5. **RIGHT LIVELIHOOD** means not to live on work that would in any way bring harm to living beings. Buddhists are discouraged from engaging in the following five kinds of livelihood: trading people, weapons, animals for slaughter, intoxicating drinks and drugs. The Buddha said, "Do not earn your living by harming others. Do not seek happiness by making others unhappy."

6. **RIGHT EFFORT** means to do our best to become a better person. Examples of this are to work hard at school and to drop bad habits such as laziness, quick temper, smoking and drugs.

7. **RIGHT MINDFULNESS** means to be always aware and attentive. We should always be aware of what we think, say and do. We must concentrate on everything we do before we can do it well. For instance, if we concentrate in class, we would not miss anything the teacher says.

8. **RIGHT MEDITATION** means to keep the mind steady and calm in order to see clearly the true nature of things. This type of mental practice can make us become more understanding and a happier person.

The Noble Eightfold Path can help us prevent problems or deal with any problems we may come across in our daily life. If we follow it, we are on the way to less suffering and more happiness.

4. **LÀM ĐÚNG** có nghĩa là không làm tổn thương hay hủy hoại bất kỳ cuộc sống của ai, không trộm cắp và không lạm dụng tình dục.

5. **KIỂM SỐNG ĐÚNG** có nghĩa là không sống bằng các công việc gây hại đến cuộc sống của kẻ khác. Các Phật tử được khuyên không nên làm năm loại công việc sau: buôn người, buôn vũ khí, buôn súc vật để giết thịt, buôn các thức uống làm say sưa và ma túy, Đức Phật nói "Đừng kiếm sống bằng cách làm tổn thương kẻ khác. Đừng tìm kiếm hạnh phúc bằng cách làm cho người khác đau khổ."

6. **SIẾNG NÀNG ĐÚNG** có nghĩa là chuyên cần tối đa để trở thành một người tốt hơn. Thí dụ như học tập chăm chỉ ở trường và bỏ đi những thói quen xấu như lừa dối, nóng nảy, hút thuốc lá và sử dụng ma túy.

7. **GHI NHỚ ĐÚNG** có nghĩa là chúng ta luôn nhận biết và chăm chú. Chúng ta nên luôn luôn nhận biết về cái mà chúng ta nghĩ, nói và làm. Chúng ta phải chú tâm vào mọi thứ chúng ta làm trước khi chúng ta có thể làm tốt những thứ đó. Chẳng hạn, nếu chúng ta chăm chú trong lớp học, chúng ta sẽ không bỏ sót một điều gì thầy giáo giảng.

8. **TẬP TRUNG TƯ TƯỞNG ĐÚNG** có nghĩa là giữ cho đầu óc vững chắc và bình thản để nhìn rõ bản chất thật sự của mọi sự vật. Cách thức huấn luyện tinh thần này có thể giúp cho chúng ta trở nên hiểu biết hơn và là một người sung sướng hơn.

Tám Con Đường Cao Quý (Bát Chánh Đạo) có thể giúp chúng ta ngăn ngừa những rắc rối hoặc đối phó với bất kỳ vấn đề nào mà chúng ta có thể gặp phải trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Nếu chúng ta làm theo những điều đó thời chúng ta đang trên đường có ít đau khổ và có nhiều hạnh phúc hơn.

(to be continued...)

BA THỨ ĐỘC: THAM, SÂN, SI

Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ biên soạn



I. Em nghe:

A Châu có một loại bẫy khi đặc biệt. Người ta cột một trái dừa đã được khoét lỗ vào một gốc cây hay nọc chặt xuống đất. Bên trong trái dừa được để một ít thức ăn có mùi thơm. Chiếc lỗ trên trái dừa chỉ nhỏ vừa đủ cho khi dúi tay đùn vào. Nếu khi nắm tay lại thì không thể rút tay ra được. Khi người thấy mùi thơm của thức ăn bèn đến gần rồi dúi tay vào trái dừa nắm lấy thức ăn, nhưng không làm sao rút tay ra được. Thấy người thợ săn đến gần, khi sợ hãi cuống quýt nhưng đành chịu.



Ai đã giữ chú khỉ trong bẫy?

Không ai có thể bắt giữ chú khỉ ngoại trừ sức mạnh của lòng tham. Muốn thoát khỏi bẫy, khỉ chỉ cần buông nắm thức ăn ra. Nhưng vì sức mạnh của lòng tham quá mãnh liệt nên hiếm có con khỉ nào có thể buông tay ra.

Cũng thế, muốn tự do giải thoát, hãy buông tay ra để cho tự ngã và lòng tham muốn ra đi.

Lòng tham không những chỉ có thể giết chết khỉ mà cũng có thể giết chết con người (chúng ta có thể tìm thấy nhiều ví dụ dẫn chứng trong xã hội, trong thương trường, trong lịch sử nhân loại v.v...)

Vì vậy mà tham sân si được gọi là ba thứ độc.

Con người khi tham mà không được toại nguyện thì hay nổi sân và khi tham sân đã chế ngự tâm ta thì trí óc u mê, lú lẫn, làm những điều xằng bậy, nói những lời không nên nói và những tư tưởng đen tối mặc sức khởi lên làm cho tâm não động và hỗn loạn. Con người sống trong sự bất an và phiền não khổ đau nhất định theo sau.

Thiền sư Sogyal Rinpoche nói: con người được huấn luyện một cách thuần thực bởi sinh tử và cho sinh tử; được luyện để nổi ghen ghét đố kỵ, giận dữ; được luyện để bám víu và chấp thủ, được luyện để phiền muộn, thất vọng và thèm khát; được luyện để phản ứng một cách tức giận bất cứ gì khiêu khích ta! Được luyện thuần thực đến nỗi những cảm xúc ấy nổi lên một cách tự nhiên, không cần mời gọi, không cần một chút cố gắng nào cho chúng phát

sinh. Như vậy, mọi sự đều do huấn luyện và năng lực của thói quen. Nói cách khác, nếu ta chuyên chú thực tập Vô minh (Tham, Sân, Si), ta sẽ trở thành chuyên viên của Vô minh, nếu ta tinh thức nhờ tu tập thiền định ta sẽ mở được những cái gút buộc chặt ta với phiền não khổ đau, đưa ta đến giác ngộ giải thoát.

II. Em suy nghiệm:

Tham sân si quả thật là nguy hiểm, chúng đe dọa đời sống chúng ta, chúng là nguyên nhân của đau khổ phiền não và là mối lo chung của xã hội. Những người phạm tội sát nhân, cướp bóc đều là do lòng tham (tham tiền, tham ái dục, tham danh lợi) xúi giục. Vậy muốn thanh lọc tâm và muốn có sự an lạc chung cho xã hội, mỗi chúng ta phải loại trừ ba thứ độc hại này ra khỏi tâm mình.

Trước hết ta tự đặt câu hỏi: Tại sao tham? Tham để làm gì?

Tham là vì ta thấy có "cái tôi" (cái ngã). Ta thương cái tôi đó nhất, cái gì cũng "của tôi", "cho tôi", "vì tôi". Bao nhiêu công sức, trí khôn đều tập trung lo cho "cái tôi": tôi phải giàu, tôi phải giỏi, tôi phải hạnh phúc, tôi phải là số 1 v.v... Nghĩ cho kỹ, ngay cả tình mẫu tử có khi cũng chỉ là một dạng đặc biệt của lòng tham, đúng hơn là "chấp ngã" (chấp "có tôi"). Thật vậy, đã có những bà mẹ thương yêu con mình đến nỗi phải giết con người khác để cướp ngôi báu; có những bà mẹ đã hành hạ con người khác không chút thương xót để phục vị con mình tội đạ; có những bà mẹ thương con nhưng bất chấp nguyện vọng của con, cứ bắt con phải đi theo con đường của mình v.v...

Tham lam không thỏa mãn thì đưa tới sân hận và "khi một niệm sân nổi lên có thể đốt cháy cả rừng công đức." Khi ngọn lửa tham lam và sân hận đã ngự trị tâm ta thì chúng đốt cháy ta, trí óc không còn sáng suốt nữa, tâm hồn thì mê muội. Đó là trạng thái si mê. Con người lúc ấy thật không khác gì loài cầm thú vì không còn biết luân lý, đạo đức, phải trái, thiện ác nữa. Đây chính là đầu mối của tất cả mê lầm gây ra mọi thứ tội ác.

III. Em tu tập:

Muốn loại bỏ tham sân si, em cần phải huấn luyện tâm mình. Thật vậy, một cái tâm thiếu huấn luyện luôn luôn phản ứng, dính mắc vào lạc thú, chán ghét khổ đau, nắm giữ cái ưa thích, xua đuổi cái ghét bỏ; phản ứng với chuyện xảy ra qua tham ái và sân hận, đó là một cái tâm "mất quân bình và mê mết". Muốn đưa tâm trở lại quân bình và thành thới, ta phải đối diện với những tư tưởng, tình cảm và cảm giác của chính mình. Ta phải quan sát một cách đơn thuần những gì đang xảy ra trong tâm ta và đối diện với nó. Quan sát đơn thuần là chỉ quan sát một cách khách quan khi chúng khởi lên, không chọn lựa, không so sánh, không đánh giá, không kỳ vọng hay tính toán, không can thiệp vào những gì đang xảy ra. Nói cách khác là ta thực tập chánh niệm trong mọi lúc và ở mọi nơi vậy.

Khi việc tu tập về sự quan sát đơn thuần này được phát triển, tiến bộ, chúng ta sẽ đối diện với tư tưởng và cảm giác của mình, với hoàn cảnh và với tha nhân một cách khách quan, không còn bị tham ái và sân hận chi phối. Từng bước, chúng ta sẽ loại dần ba thứ độc Tham, Sân, Si ra khỏi tâm mình để thật sự có an lạc và giải thoát.

Câu hỏi:

1. Tại sao nói: "chính lòng tham đã bắt giữ chú khỉ lại trong bẫy"?
2. Năng lực của thói quen là gì? Cho ví dụ.
3. Tại sao nói: Tham là nguyên nhân của đau khổ phiền não? Cho ví dụ.
4. Sân có phải là nguyên nhân của đau khổ và phiền não không? Cho ví dụ.
5. Giải nghĩa câu: "một niệm sân nổi lên đốt cháy cả một rừng công đức".
6. Làm thế nào để huấn luyện tâm mình?



Three Poisons: Greed, Anger, Ignorance

I. I Hear:

Hunters in Asia use the following trick to catch monkeys. They put food bait in a coconut which is fixed to a place and has a small enough hole to fit an open hand of a monkey. When a monkey is drawn to the coconut by the smell of the bait, it slides a hand through the hole to grab the bait and gets stuck to the coconut and thus later gets caught. When the hunter approaches, the trapped monkey is extremely fearful but wouldn't let go its hand of the bait to escape.

What keeps the monkey trapped?

Nothing except its greed and ignorance. To escape, all the monkey has to do is let go of the bait but its mind is full of greed and ignorance to even see that! First, the monkey is trapped by greed and ignorance to let go; later when the hunter approaches, the monkey is further engulfed in fear and anger and so it is completely out of its mind.

Greed, Anger, Ignorance are called the Three Poisons by the Buddha because they will lead to destruction and even death. Overcome by Greed, Anger, and Ignorance, I lose the wisdom and freedom to think, speak, and act.

When my greed is not satisfied, I get angry easi-

ly. And when my anger arises, my mind is cloudy and full of mean thoughts, my speech is affected and full of unkind words, my actions are wrong and full of hatred. All these upset the peace of my mind and cause me pain and suffering and I in turn will cause pain and suffering to others with my words and actions.

The Zen Master Sogyal Rinpoche said: "Mankind is well conditioned by and for life and death; conditioned to be angry and jealous; conditioned to swear by our ideas and possessions; conditioned to be depressed, hopeless, longing; conditioned to react predictably to stimulation. We are conditioned to respond naturally with such destructive emotions that no further effort on our part is necessary to inspire them."

From this, I see that my thoughts and actions are conditioned by habits and to transform this bad energy, I must stop the Three Poisons from polluting my mind. I can accomplish that if I practice mindfulness in my thinking, action, and speech.

II. I Contemplate:

The Three Poisons: Greed, Anger, and Ignorance are the worst danger to our welfare since they bring about jealousy, abuse, hatred, and violence. I see that the world is a better place when I stop taking the Three Poisons and others can stop taking them too.

Why am I greedy? And of what?

I'm greedy of material things such as fame and fortune; I'm also greedy of non-material things such as love and acknowledgement. I'd like to eat good food, to have nice things, to have my wants and needs satisfied, and to be loved and appreciated by everyone. And when these things don't happen, I'm not happy and whoever stands in my way to get them is the target of my hatred. There's no prediction of what I think and do when I'm angry because my mind no longer knows right from wrong.

Why do I get angry?

Many things can make me angry or upset. When my expectation of something or someone goes unfulfilled, I get upset. For example, you are my girlfriend and when we are at a party, you're expected to be right by my side. When you run around to talk to other people in the room and not spending much time with me, you make me angry.

Similarly, when there's a message or a communication to be delivered to me and it fails, I get upset. If you make a mistake, I need to hear your apology to me, and right this moment! The longer you wait to apologize, the more angry I get. When I come home with an award or with something to show off, you need to congratulate me. Your being quiet makes me angry as if you don't care about me!

The third mechanism to cause me upset is when someone or something thwarts my intention. I just spent a lot of money and time to get my car washed and that lousy neighbor of mine had to ruin it all with first his lawn mowing and then his lawn sprinkling! Whether it's unfulfilled expectation, undelivered communication, or thwarted intention, I get upset when things don't go my way.

Why do I sometimes behave in an ignorant way?

My ignorance can be triggered when I'm greedy or angry. These emotions are so strong that they overpower me and I obey them as if they are the grand masters. I also feel ignorant when I'm over-

come by other strong emotions such as prejudice, jealousy, or an internal formation; I also am ignorant when my mind is under the influence of drug or alcohol or perhaps a story I read or a movie I saw.

III. I Practice:

To battle the Three Poisons, I need to practice to re-condition my reflexes. I no longer want to respond to life in an automatic way; rather, I want to think, speak, and act in accordance with Compassion, Wisdom, Perseverance and all the lessons that I learn from the Buddha teaching, from the elders, and from friends and books.

Dealing with Greed:

I know that out of bad habit, I quickly respond to life's stimulation in predictable yet destructive manner. The first step out of this is to allow me more time so I can summon all my trainings to work for me. When I'm about to lose control of my temper, I practice breathing until I regain my composure. Only when my heartbeat and my breath are normal again will I ever risk doing or saying anything in response.

In my regular practice, I contemplate Impermanence so I can see this life is like a dream, this body will not last:

"I am of the nature to grow old. There is no way to escape growing old.

I am of the nature to have ill-health. There is no way to escape having ill-health.

I am of the nature to die. There is no way to escape death."

Having seen that, I get less attached to my wants and needs and become less greedy. As I get wiser, I see that spending lots of time and effort worrying about fame and fortune is against my spiritual maturity. I can't take fame and fortune with me when I die and they can't help me with my pain and suffering; if anything, they cause some of my pain and suffering. The only things of lasting value are my peace, inner happiness, and the good karma that will follow me to the following lives.

Dealing with Anger:

I deal with anger by contemplating Compassion.

To the people whose actions are not kind but whose words are kind, I do not pay attention to their unkind actions but to their kind words and transform my anger to the love of their kind words. To the people whose words are not kind but whose actions are kind, I do not pay attention to their unkind words but to their kind actions and transform my anger to the love of their kind actions.

To the people whose actions and words are not kind but there's a little kindness in their hearts underneath, I do not pay attention to their unkind actions and words but to their kind hearts and transform my anger to the love of their kind hearts.

To the people whose actions and words are not kind and there's nothing kind in their hearts underneath, I do not pay attention to their unkind actions, words, and their hearts but to their suffering and transform my anger to the relief of their suffering. To the robber who came to my house and extorted money and abused me physically, I focus on the mindlessness of his actions, words, and heart and see his pain and suffering. Perhaps he was poisoned with greed, anger, and ignorance; perhaps his family suffers from hunger and poverty; or perhaps his mind was very unstable under the influ-

GIÁC MƠ

*Hai ngàn năm trăm năm sáu năm
Con chưa một lần gặp Đức Phật
Tai duyên phước con chưa tròn rằm
Thân chưa trong, hạnh chưa chân thật*

*Trong một giấc mơ Phật dạy rằng
Chẳng xa, chẳng gần, chẳng tháng năm
Trong con ta luôn luôn có sẵn
Như mặt trời sáng tỷ tỷ năm*

*Ta chiếu sáng, con chưa nhận sáng
Ta chỉ đường, con chẳng chịu đi
Những u minh, tham ái, bất mãn
Xây bốn bức thành đồng sân si*

*Buông bắt loạn, tu trì Quán, Chi
Những vô thường, ngã mạn, tham si
Giữ năm giới, thành tâm bố thí
Ta sẽ về trong mỗi bước con đi*

*Đã qua ngàn kiếp trước có tu
Nay mới được giấc mơ không thật
Tôi choàng tỉnh vén cả phù hu
Năm vóc sát đất đánh lễ Phật.*

(Tịnh Cốc Tây An, 040413)

NGUYỄN NGUYỄN AN

ence of drug and alcohol. The Buddha would love such a person and be willing to help him. The Buddha would want me not to hate him but help him or find someone to help him.

Dealing with Ignorance:

I deal with ignorance by meditating to recognize if my thoughts are influenced by greed, anger, prejudice, or internal formation. Is my mind free from pollutants such as alcohol, drugs, or consumer products such as movies, magazines, music? These pollutants can affect the way I see and hear things.

I Inquire:

1. Explain: It is the greed which traps the monkey.
2. What is the energy of habit? Give an example our automatic response to life's stimulations.
3. Explain: Greed is the cause of some of my pains and sufferings.
4. Could anger be cause of some of my pains and sufferings? Give an example.
5. Explain: When anger arises, it burns out much merits.
6. How do I practice to deal with greed?
7. How do I practice to deal with anger?
8. How do I practice to deal with ignorance?

Hội Y Tế Từ Thiện Sakya Care Foundation Ra Mắt Lần Đầu Tại Quận Cam: Chăm Lo Sức Khỏe Cho Những Người Kém May Mắn

SANTA ANA (VB) -- Lần đầu tiên tại Hoa Kỳ một Hội Y Tế Từ Thiện có tên Sakya Care Foundation do nhiều y bác sĩ Phật tử người Mỹ gốc Việt thành lập đã ra mắt tại Chùa Phổ Đà, thành phố Santa Ana, Quận Cam, Nam California, vào chiều Thứ Bảy, ngày 13 tháng 4 năm 2013, với sự chứng minh của nhiều chư tôn đức Tăng, Ni và hàng trăm đồng hương Phật tử tham dự.

Đại Đức Thích Nguyên Thông đến từ Texas điều hợp Chương Trình Lễ Ra Mắt, với phần nghi thức chào quốc kỳ và hát quốc ca Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, và Phật Giáo. Trong phần giới thiệu khái quát, Đại Đức Thích Nguyên Thông cho biết Hội Sakya Care Foundation hiện có khoảng 60 bác sĩ tình nguyện tham gia các chương trình y tế từ thiện của Hội ở nhiều tiểu bang tại Hoa Kỳ.

Trong lời chào mừng chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử tham dự, Phật tử Quảng Hiếu Ngọc, Trưởng Ban Ngoại Giao của Hội cho biết Hội Sakya Care Foundation là một tổ chức bất vụ lợi đã được ra đời vào tháng 12 năm 2012, nhưng đến cuối tháng 3 năm 2013 các thành viên sáng lập Hội mới có đủ thiện duyên để làm Lễ Phát Nguyện tại Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Chùa Việt Nam ở Houston, Texas, dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Nguyên Hạnh, Viện Chủ Trung Tâm Văn Hóa PG Chùa Việt Nam, Texas; và Hòa Thượng Thích Tịnh Từ, Viện Chủ Tu Viện Kim Sơn, Bắc California. Phật tử Quảng Hiếu Ngọc cũng cho biết rằng đây là lần đầu tiên Hội Sakya Care Foundation chính thức ra mắt trước quần chúng tại Hoa Kỳ.

Phật tử Viên Minh, Hội Trưởng Hội Sakya Care Foundation, trong diễn văn khai mạc, cho biết rằng Hội là nơi tụ hội của các bác sĩ, y sĩ, nha sĩ, y tá và thiện nguyện viên có tâm nguyện "chăm lo sức khỏe cho chư tôn đức Tăng, Ni và san sẻ tình thương cho những mảnh đời cơ cực, thiếu phương tiện y tế, không phân biệt chủng tộc, màu da, hay tôn giáo." Phật tử Viên Minh cũng đã kể cho cử tọa biết rằng khởi đi từ tâm nguyện của một bác sĩ trẻ là Quảng Minh Hậu mà Hội Y Tế Từ Thiện Sakya Care Foundation đã được hình thành. Phật tử Viên Minh bày tỏ lòng tri ân chư tôn đức Tăng, Ni, các y bác sĩ, các nhà bảo trợ đã nhiệt tâm giúp đỡ trong thời gian qua, và đặc biệt kêu gọi các bác sĩ, nha sĩ, y tá trẻ hãy tích cực tham gia hợp tác với Hội để cùng nhau giúp đỡ những người thiếu may mắn. Phật tử Viên Minh nói rằng Hội cần rất nhiều thiện nguyện viên để hỗ trợ cho Hội thực hiện các chương trình y tế từ thiện.

Trong lời huấn từ, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Viện Chủ Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương, San Diego, chứng minh cho Hội, nói rằng con người trên cõi đời này ai cũng chịu nhiều đau khổ và sự đau khổ ấy nằm dưới hai dạng thức: đau tinh thần và khổ thể xác. Đau tinh thần thì có điều được Phật Pháp để trị lành, khổ thể xác là bệnh tật thì cần đến sự chữa trị của thuốc men. Hòa Thượng cho biết



Phật tử Viên Minh, Hội Trưởng Sakya Care Foundation, đang đọc diễn văn khai mạc. Đứng bên cạnh là Phật tử Quảng Minh Hậu, Hội Phó Sakya Care Foundation. (Photo VB)

rất hoan hỷ và tán dương công đức khi thấy Hội Sakya Care Foundation với những bác sĩ trẻ là Phật tử biết dẫn thân phụng sự cho những người thiếu duyên may, thiếu phương tiện chăm sóc sức khỏe. Hòa Thượng nói rằng "đây là tiềm năng của Phật Giáo nơi hải ngoại." Hòa Thượng kêu gọi chư tôn đức Tăng, Ni của các tự viện hết lòng hỗ trợ cho Hội Sakya Care Foundation trên đường hoàn thành tâm nguyện dẫn thân phụng sự cho tha nhân. Hòa Thượng mong rằng "dòng sông tuổi trẻ luôn luôn tuôn chảy trong tương lai của Phật Giáo hải ngoại." Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu cùng với Thượng Tọa Thích Minh Dung đã trao tặng áo có huy hiệu của Hội cho các thành viên của Hội Sakya Care Foundation có mặt.

Phật tử Quảng Minh Hậu, Phó Hội Trưởng, Đại Úy Bác Sĩ Quân Y của Quân Đội Hoa Kỳ, trong phần tường trình hoạt động của Hội Sakya Care Foundation, cho biết rằng Hội là môi trường để các em trẻ người Mỹ gốc Việt sinh ra và lớn lên ở Hoa Kỳ và không rành tiếng Việt có cơ hội đem khả năng của mình để phục vụ cho cộng đồng, cho tha nhân. Phật tử Quảng Minh Hậu cho biết Hội có 6 Chương Trình Y Tế Từ Thiện đã, đang và sẽ thực hiện. Đó là:

- 1) Khám và chữa bệnh miễn phí cho chư Tăng, Ni trong mùa An Cư tại các trú xứ ở Hoa Kỳ, như tại Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California, vào ngày 22 tháng 6 năm 2013; và tại Houston, Texas vào ngày 6 tháng 7 năm 2013.
- 2) Ngày Y Tế Cộng Đồng cho người vô gia cư và các gia đình nghèo khổ, như vào ngày 7 tháng 4 năm 2013 tại Coachella Valley, California; ngày 4 tháng 4 năm 2013 tại Santa Ana, California; và ngày 7 tháng 7 tại Houston, Texas.
- 3) Chương Trình Y Tế Khẩn Cấp giúp đỡ nạn nhân thiên tai.
- 4) Bảo trợ chư tôn đức Tăng, Ni mua bảo hiểm sức khỏe, sẽ thực hiện vào năm 2014.

- 5) Hỗ trợ thông dịch về y khoa cho quý đồng hương Phật Tử Việt Nam, sẽ được bắt đầu trong năm 2014.
- 6) Các chuyến đi y tế từ thiện để khám bệnh và phát thuốc cho những vùng quê nghèo xa xôi hẻo lánh khắp nơi trên thế giới, sẽ được thực hiện trong năm 2014 và 2015.

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, Santa Ana, chứng minh cho Hội, trong lời đạo từ nói rằng các bậc cha mẹ người Việt theo truyền thống khi sinh dưỡng con cái ai cũng mong cho con cái lớn trở thành ích nước lợi dân. Hòa Thượng cho biết hôm nay, chứng kiến sự ra đời của Hội Sakya Care Foundation với những con em là bác sĩ, nha sĩ, y tá dân thân phục vụ cộng đồng, ngài rất lấy làm hoan hỷ và cảm ơn các bậc cha mẹ đã dạy dỗ cho con em thành đạt như vậy. Hòa Thượng cho biết chư Tăng, Ni rất tán đồng và hậu thuẫn cho Hội Sakya Care Foundation. Hòa Thượng kêu gọi các bậc phụ huynh nên khuyến khích con em tham gia vào Hội Sakya Care Foundation để cùng nhau phục vụ cho tha nhân theo hạnh nguyện của chư Phật.

Sau đó là phần tiệc chay gây quỹ hoạt động do Hội Sakya Care Foundation tổ chức ngay dưới mái Chùa Phổ Đà, với những tiết mục văn nghệ giúp vui.

Được biết, quang lâm chứng minh và tham dự Lễ Ra Mắt của Hội Sakya Care Foundation tại Chùa Phổ Đà gồm Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, Santa Ana, Chứng minh cho Hội Sakya Care Foundation; Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Viện Chủ Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương, San Diego, Chứng minh cho Hội; Thượng Tọa Thích Minh Dung, Viện Chủ Chùa Quang Thiện, Pomona, và Tu Viện Sơn Tùng, Phelan; Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Chùa Bát Nhã; Đại Đức Thích Tâm Lương, Trụ Trì Chùa Phổ Đà, Santa Ana; Đại Đức Thích Tín Mãn, Trụ Trì Chùa Viên Quang, San Marcos; Đại Đức Nguyên Thông, Texas; Đại Đức Thích Tâm Hiền; Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh, v.v...

Độc giả có thể liên lạc với Hội Sakya Care Foundation để biết thêm chi tiết về các hoạt động, qua địa chỉ: P.O. Box 2218 Fontana, CA 92334; Tel: (619) 752-4678; Fax: (909) 753-0359; hoặc email: info@sakyacare.org; hay vào trang mạng của Hội ở địa chỉ: www.sakyacare.org



Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu đang huấn từ, hàng đứng là các thành viên của Hội Sakya Care Foundation. (Photo VB)

Vịnh ở núi
 Ghé am Chân Nguyên
 thăm thầy Thông Luận

*Ở núi thăm nhau chớ hỏi Thiền
 Cây xanh, suối biếc tự Chân nguyên
 Một luận hiểu thông, thông khắp cả
 Không làm nhân quả, chẳng làm duyên.*

Chùa hang
 Ở núi mây lùa ngập kín hang
 Cửa hờ gió mở đón xuân sang
 Chủ tiểu theo thầy đi hái thuốc
 Dưới thông còn lại gốc mai vàng.

Sư bà
 Ở núi dù gian khó chắt chùng
 Vạn sự an nhiên tự tánh Không
 Nào ngại lên cao hay xuống thấp
 Sư bà leo núi dựng thần thông.

Gia phong
 Ở núi thâm u sẵn thói nhà
 Lá rừng dãi ngộ khách phương xa
 Âm mẽ trắng trần đầu chẳng pháp!
 Mời nhau nâng chén Triệu Châu trà.

TRẦN BÁCH LINH

thơ



Chư tôn đức quang lâm trong Lễ Ra Mắt Hội Sakya Care Foundation. Trong hình, vị mặc áo tràng vàng là Ht. Thích Nguyên Trí. Từ bên trái của Ht. Thích Nguyên Trí là Ht. Thích Nguyên Siêu, TT. Thích Minh Dung. Đại Đức Thích Nguyên Thông đang đứng điều hợp chương trình. (Photo VB)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

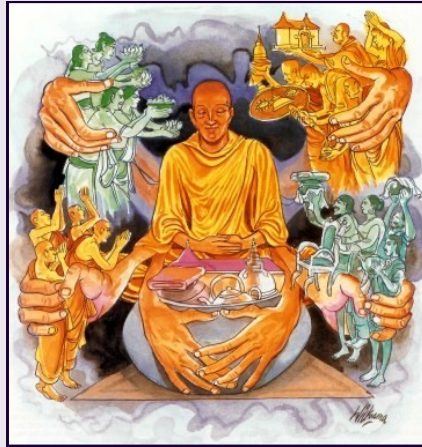
GIÀO NGÔN TẬT ĐỒ CHƯA PHAI BAO NĂM KHỔ HẠNH CŨNG HOÀI CÔNG PHU

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thuở nọ có một gia chủ, tục danh Tâm Ý (Citta), cư ngụ tại thành Ma-chi-ka-xan-đa (Macchikāsajda), thấy Trưởng lão Đại Danh (Mahānāma) đang thiền hành khất thực với phong thái uy nghi tử tốn, khoáng đạt thanh cao; ông bèn sanh tâm hoan hỷ, cung kính dâng lễ, xin ôm y bát, rồi thỉnh Trưởng lão về nhà cúng dường nhiều thực phẩm và lễ vật sang trọng. Sau thời ngộ trai, ông được Trưởng lão ban cho một thời pháp thoại với tựa đề “Lục độ Ba-la-mật”, tức là sáu đại hạnh siêu việt, kiến cố của Bồ tát hạnh thân, gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ.

Ba-la-mật, theo Hán ngữ, là “đáo bỉ ngạn”, nghĩa là qua bờ bên kia: bờ tự do giải thoát; còn bờ bên này (thử ngạn): bờ sanh tử khổ đau. Bồ thí Ba-la-mật là thể hiện hạnh nguyện vượt tầm đối đãi, ngôn ngữ thiền môn gọi là “tam luân không tịch”, tức là chủ bố thí, khách tiếp nhận, và vật dụng trao tặng đều ở trạng thái tịch tịnh tuyệt đối, không còn khái niệm ta và người, năng và sở, chủ thể và đối tượng; tất cả đều vận hành theo một trật tự dung thông và bình đẳng. Nhờ tín tâm sâu sắc, thiện nghiệp lâu đời, Tâm Ý đã nương theo pháp thoại và chứng quả Tu-đà-hoàn. Để thể hiện duyên lành hy hữu, Tâm Ý phát nguyện hiến cúng khu lạc viên Am-ba-ta-ka (Ambātaka) làm nơi trú xứ cho Tăng đoàn bằng cách, theo tập tục, rót nước vào lòng bàn tay phải của Trưởng lão để minh chứng rằng khu vườn từ nay thuộc quyền sở hữu của Giáo hội, và trịnh trọng tuyên bố: “Đạo Phật đã được thiết lập vững mạnh”. Sau đó, một đại thí chủ cũng phát tâm xây dựng một tu viện kang trang, rộng rãi ngay giữa lạc viên, và thể là những cánh cửa thiền môn từ từ mở ra, những nếp y vàng dần dần tụ lại, hợp thành một cộng đồng thanh tịnh trang nghiêm dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Tịnh Pháp (Sudhamma).

Một thời gian sau, hai cao đệ quản chúng của Thế Tôn, nghe



thanh danh và đức hạnh của Phật tử Tâm Ý, quyết định đến Ma-chi-ka-xan-đa để diện kiến dung nhan và tỏ lòng kính trọng thí chủ. Tâm Ý được tin, đích thân ra xa nửa dặm nghinh đón, đưa họ về chùa, thiết lễ trai tăng cúng dường, rồi được dịp nghe pháp, và chứng quả Tư-đà-hàm. Sau đó, Tâm Ý cung thỉnh hai Trưởng lão với một ngàn đồ chúng đến nhà thọ trai vào ngày hôm sau. Đoạn ông quay sang thưa với Sư trưởng Tịnh Pháp:

“Nhân thể kính mời Trưởng lão ngày mai đến nhà con thọ trai với các Sa-môn.”

Bực tức vì thấy mình được mời sau cùng, Sư trưởng Tịnh Pháp im lặng, ra về không quan tâm đến lời mời. Tâm Ý cung kính mời hai ba lần mà sư Tịnh Pháp vẫn phớt lờ, lạnh nhạt.

Hôm sau, Tâm Ý chuẩn bị lễ trai tăng rất trang trọng. Và ngay từ lúc sáng sớm, Tịnh Pháp đã tự nhủ:

“Ta sẽ đến xem coi Tâm Ý thiết lễ thế nào, cúng kiếng những gì cho các Sa-môn đó.”

Thế là mới tờ mờ sáng, Tịnh Pháp đã y bát chỉnh tề, trực chỉ đến nhà Tâm Ý.

Thấy sư vào mà chả ngó ngang gì đến ai, Tâm Ý chấp tay vái chào, thưa:

“Xin mời Trưởng lão ngồi.”

“Không dám!” Sư đáp với thái độ lạnh lùng như băng giá.

“Ta đâu được cái hân hạnh đó. Tiên đường hóa duyên, ghé xem tí thôi!”

Nhưng thấy nhiều phẩm vật đặc sắc đã được bày biện để cúng dường nhị vị cao tăng, Tịnh Pháp thấy ngứa mắt, buột miệng nói:

“Thí chủ, phẩm vật cao sang, hương vị tuyệt vời, nhưng còn thiếu một món!”

“Món chi? Xin Trưởng lão từ bi chỉ giáo.”

“Món bánh mè. Thiếu bánh mè thì ra bẹ bét!”

Tâm Ý im lặng, nhưng trong lòng thấy Tịnh Pháp và bóng dáng của loài quạ điều chẳng khác là bao!

Vừa sượng, vừa tức, Tịnh Pháp vụt buông lời vô duyên, ngớ ngẩn:

“Phải rồi!... Đây là nhà của thí chủ, đang cầu tài cầu lộc, chứ đâu phải chùa chiền gì của mình mà dám luận bàn, góp ý. Ta đi thôi!”

Nghĩ tình thân cận bao năm, Tâm Ý tha thiết mời Sư trưởng Tịnh Pháp ở lại thọ trai với Tăng đoàn, nhưng sư một mực từ chối. Tập khí đồ kỵ tự nhiên thúc giục nhà sư hồi hã ra đi.

Ra khỏi nhà Tâm Ý, Tịnh Pháp xăm xăm đến Kỳ Viên, đành lễ Thế Tôn và thuật lại mọi diễn biến đã xảy ra. Thế Tôn nói:

“Tịnh Pháp, thầy xuất gia tu học đã lâu mà tâm trí còn vướng kẹt vậy sao! Thầy hiểu hai từ ‘nội kết’ và ‘kiết sử’ thế nào, giảng tôi nghe xem.”

Thấy Tịnh Pháp cúi mặt bẽn lẽn, Thế Tôn tiếp:

“Nội kết, nói nôm na, là ‘táo bón’, những thứ cặn bã cô kết trong lòng. Mà đã ‘táo bón’ thì ruột gan ray rứt lắm, phải vậy không? Còn ‘kiết sử’ là gì? Kiết là trời buộc; sử là dẫn dắt. Thầy đã bị nội kết dày vò, kiết sử lôi kéo như thế là vì thiếu chánh niệm và tỉnh giác. Thôi, hãy chiêm nghiệm! Hãy phản tỉnh! Tốt hơn là thầy nên trở lại gặp và xin lỗi thí chủ Tâm Ý.”

Theo lời Thế Tôn, Sư trưởng Tịnh Pháp trở lại gặp thí chủ, tỏ vẻ

ân hận, nói:

"Tâm Ý ơi!... Những gì diễn ra quả thật là ngoài ý muốn của chúng ta. Xin Tâm Ý hỷ xả để cho tình đạo bạn được ngày thêm bền vững nhé!"

Tâm Ý im lặng, lạnh lùng xách thùng đi lấy nước tưới hoa. Thấy thiện chí của mình bị xúc phạm, Tịnh Pháp buồn bực, về thuật lại sự thể với Thế Tôn, và được Thế Tôn khuyên nên trở lại xin lỗi Tâm Ý một lần nữa. Ngài thấy rõ mục tiêu của Tâm Ý là muốn chiết phục tính kiêu căng ngạo mạn của vị Sa-môn này.

Nhưng trước khi Trưởng lão Tịnh Pháp cáo từ với một tân Sa-môn được Thế Tôn cho phép tháp tùng, Ngài có đôi lời huấn thị:

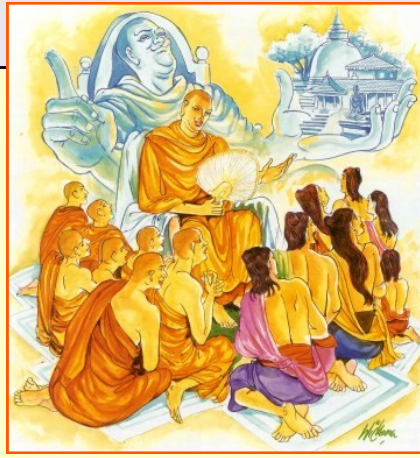
"Này Tịnh Pháp, khi các thầy từ giã gia đình, theo ta tu tập, là các thầy đã tự nguyện suốt đời vô sản, khất thực hóa duyên; nhờ lòng hào tâm của bá tánh thập phương mà duy trì thọ mạng, phát huy đạo nghiệp; vậy thì các thầy còn lý do gì để mà khởi tâm kiêu hãnh. Muốn thoát khỏi ngôi nhà thế tục, ngôi nhà phiền não, ngôi nhà nổi trôi trong ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới, thì trước tiên phải bẻ gãy ngọn cờ kiêu mạn. Kiêu căng ngạo mạn là thành lũy chống gai, bít lấp lộ trình dẫn đến thánh đạo. Kiêu căng chớm khởi, ác nghiệp bùng lên. Người xuất gia học đạo, tu hạnh thanh bần thì phải luôn luôn hàng phục tập khí kiêu căng, chủ quan định kiến. Đừng bao giờ có ý nghĩ đây là chùa ta, trú xứ của ta, môn đệ của ta, thiện nam tín nữ của ta. Ta là trong sạch cao cả, ta là trưởng lão cao niên. Vì sao? Vì một khi khởi lên khái niệm như thế thì trần lao phiền não ùn ùn kéo tới, nhận chìm thiện duyên công đức, che khuất thánh trí thần quang. Thầy đã nhận ra yếu chỉ của Như Lai và thiện niệm của Tâm Ý rồi chứ, Tịnh Pháp?"

"Nam mô Phật," Tịnh Pháp đứng lên đánh lễ Thế Tôn với hai khoeo mắt đỏ rần.

Im lặng trong giây lát, đoạn Thế Tôn mỉm cười, gặt đầu và đọc kệ:

*Kẻ ngu ham danh hão,
Khoái ngôi trước Sa-môn,
Ưu quyền trong tu viện,
Thích mọi người suy tôn.
Hãy để Tăng và tục,
Cho rằng: "Việc ta làm,
Mặc dù lớn hay nhỏ,
Đều phải theo ý ta."*

*Kẻ ngu ôm khát vọng,
Dục mạn lớn dần ra.
(PC. 73, 74)*



The Story of Citta the Householder

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (73) and (74) of this book, with reference to Thera Sudhamma and Citta the householder.

Citta, a householder, once met Thera Mahanama, one of the group of the first five Bhikkhus (Pancavaggis), going on an alms-round, and invited the thera to his house. There, he offered alms-food to the thera and after listening to the discourse given by him, Citta attained Sotapatti Fruition. Later, Citta built a monastery in his mango grove. There, he looked to the needs of all Bhikkhus who came to the monastery and Bhikkhu Sudhamma was installed as the resident Bhikkhu.

One day, the two Chief Disciples of the Buddha, the Venerable Thera Sariputta and the Venerable Maha Moggallana, came to the monastery and after listening to the discourse given by the Venerable Thera Sariputta, Citta attained Anagami Fruition. Then, he invited the two Chief Disciples to his house for alms-food the next day. He also invited Thera Sudhamma, but Thera Sudhamma refused in anger and said, "You invite me only after the other two." Citta repeated his invitation, but it was turned down. Nevertheless, Thera Sudhamma went to the house of Citta early on the following day.

But when invited to enter the house, Thera Sudhamma refused and said that he would not sit down as he was going on his alms-round. But when he saw the things that were to be offered to the two Chief Disciples, he envied them so much that he could not restrain his anger. He abused Citta and said, "I don't want to stay in your monastery any longer," and left the house in anger.

From there, he went to the Buddha and reported everything that had happened. To him, the Buddha said, "You have insulted a lay-disciple, who is endowed with faith and is generous. You'd better go back to him and apologize for your mistake." Sudhamma did as he was told by the Buddha, but Citta would not be appeased; so he returned to the Buddha for the second time. The Buddha, knowing that the pride of Sudhamma had dwindled by this time, said, "My son, a good Bhikkhu should have no attachment; a good Bhikkhu should not be conceited and say 'This is my monastery, this is my place, these are my lay-disciples,' etc., for in one with such thoughts, covetousness and pride will increase."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 73. The foolish Bhikkhu desires praise for qualities he does not have, precedence among Bhikkhus, authority in the monasteries, and veneration from those unrelated to him.

Verse 74. "Let both laymen and Bhikkhus think that things are done because of me; let them obey me in all matters, great and small." Such being the thoughts of the fool, his greed and his pride grow.

At the end of the discourse, Sudhamma went to the house of Citta, and this time they got reconciled; and within a few days, Sudhamma attained Arahatsip.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Nửa chữ cũng Thầy

VÕ HỒNG

(tiếp theo trang 31)

Lần đầu tiên tập đứng sấp hàng, tập giờ mũ chào, tập vòng tay ngồi im, tập gơ tay xin nói. Y như mới ngày nào mẹ tập đứng tập đi.

Đừng nặng lời đối với quan niệm Quán Sư Phụ mà ghét lấy vị trí của thầy giáo. Vào cái thời mộng muội xa xưa, nông nghiệp thô sơ đó, người đàn ông có uy quyền lớn nhất là vua. Rồi tới người đàn ông có nhiều chữ nghĩa và truyền dạy chữ nghĩa, mở đường cho con cháu mình thi cử đỗ đạt, đó là ông thầy. Người cha khiêm tốn nhận địa vị thứ ba vì cha thường là nông dân ít nói, ông thợ cùn cùn. Mà có chi phải ganh ghét ông thầy, vì ông thầy, thầy đồ, thì luôn luôn nghèo, vẫn chương thương tình tặng cho hai chữ "thanh bạch", không nữ nói trắng ra là "bần khổ". Và thời nay thì cũng đâu có khác mấy thời xưa?

Chưa dám kể rằng các bậc thông thái thời xa xưa đều đóng vai thầy chứ ít ai đóng vai tể tướng. Như Đức Khổng Tử, vạn thế sư biểu mà không mấy ai không biết. Người thầy có sức học uyên bác, biết con vật đào ở dưới đất nước lỏ là con Phần dương chớ nhất định không phải là con chó, biết vật lạ vớt được ở sông Đại giang nước Sở là trái bèo, bửa ra ngọt như mật, biết dị nhân ở nước Trần cầm giáo đâm mình là con cá chiêm Đại ngư, biết con chim lớn mình đen cổ trắng, có một chân ở nước Tề là con Thượng dương, bay đến đâu là nơi đó có mưa to lụt lớn. Người thầy đó suốt đời chu du trải khắp bảy nước Lỗ, Vệ, Tống, Trịnh, Tấn, Tần, Sở. Có hồi làm tới Tướng quốc, có hồi ngồi giảng cho học trò dưới một gốc cây (quan Tư mã thấy ngựa mất liền sai chặt gốc!), có hồi nhin đói ba ngày mà vẫn điềm nhiên ngồi gầy đàn, đọc sách. Suốt đời chăm dạy Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, bỏ nước Lỗ ra đi vì vua Lỗ thiếu Lễ, bỏ nước Vệ ra đi vì vua Vệ thiếu Đức.

Bậc thầy ở Á Đông là vậy, còn ở phương Tây? Lần trang sử cũ thấy ông Socrate. lạ thay,

cũng đồng thời với Khổng Tử, nhích nhau chẳng mấy năm, khi Khổng Tử qua đời thì Socrate lên chín.

Socrate, đó là một người khiêm tốn hiền lành, mặc áo sỡn vai, đi chân trần ngao du trên những con đường của thủ đô Hy Lạp, nói chuyện với mọi người về những đề mục tầm thường: thời tiết, mùa màng, chợ búa... Nhưng khi già tử; kẻ đối thoại chợt nhìn thấy cái ông mặt mũi xấu trai đó có nói cho mình một cái gì đó khiến mình suy nghĩ và mình đang hiểu mình hơn. Nghệ thuật của thầy Socrate đó. Thầy chỉ đặt những câu hỏi và người học trò học suy nghĩ. Thầy mở mắt cho họ hiểu là họ chưa biết được bao nhiêu, chưa biết đúng và khiến họ ước muốn những hiểu biết chân chính. Thầy so sánh phương pháp giáo dục của mình với phương pháp đỡ đê, - mẫu thân của thầy là một bà mẹ - giúp trí tuệ con người để ra cái Chân lý mà nó có mang sẵn trong đó.

Đệ tử theo Socrate càng ngày càng đông và những quan niệm mới của ông khiến ông có nhiều kẻ thù. Ngay cả nhiều bậc phụ huynh cũng không bằng lòng vì đầu óc con em họ tràn ngập những suy nghĩ mới. Và ông bị đưa ra tòa, lấy cớ là ông phỉ báng chân lý, phỉ báng thần linh và làm hư giới trẻ. Ông trả lời rất ít, không tự bào chữa. Tòa tuyên án tử hình. Ông từ chối không xin giảm án, hy vọng rằng cái chết của mình sẽ khắc sâu vào lương tâm của người công nhân Nhã Điển, bây giờ và cả ở thế hệ tương lai, còn hùng hồn hơn cả những lời rao giảng.

Trong ngục thất, ông uống cạn ly thuốc độc một cách bình tĩnh, các đệ tử bao quanh ông, nước mắt chảy ròng. Đệ tử Criton vuốt mắt cho thầy.

Lý tưởng của người Thầy vĩ đại (chữ dùng của sử gia: grand Maître) được các môn sinh khai triển thành những môn phái, trong số có những môn phái tưởng như trái ngược nhau: phái Khuyến nho, phái khắc kỷ, phái Hưởng lạc... Đệ tử sáng chói

nhất của Socrate là Platon, được người đời tôn vinh là "ông vua của ngành Triết học", người được Hoàng đế Denys tiếp long trọng như tiếp một vị quân vương. Đệ tử của Platon là Aristote, thầy học của A-Lịch-Sơn Đại đế, nhà thông thái toàn diện mà thời Trung cổ đã tôn vinh là "Thầy của mọi khoa học". Thật là thời đại hoàng kim của sự kể tục thầy trò!

Ở ta thuở xưa, nghề dạy học đã thành cái nghiệp của người biết chữ. Nhà Nho khi còn hàn sĩ, khi thi đậu đợi bổ ra làm quan, khi hưu hoặc khi phải treo ấn từ quan lui về ẩn dật... đều mở trường dạy học. Trường chỉ sơ sài một mái tranh đã đủ, khỏi thủ tục xin giấy phép kinh doanh. Học không phải nhiều môn nên khỏi cần mời nhiều thầy chuyên môn. Thịnh thoàng lịch sử có nêu tên những bậc thầy khả kính, có kiến thức uyên thâm, có đạo đức cao khiết, có môn đệ thành đạt. Tiêu biểu là thầy Chu Văn An đời Trần, thanh liêm chính trực, dâng sớ xin chém bầy gian thần, vua không nghe liền tự quan lui về ẩn giật, mở trường dạy học, đào tạo nhiều môn sinh hiền đạt như Phạm Sư Mạnh...). Chừng như danh nhân văn hóa nào cũng từng là thầy giáo: Phan Huy Chú, Bùi Hữu Nghĩa, Đặng Huy Trứ, Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến...

Thầy cô giáo hôm nay không dám sánh với những bậc sư biểu đó. Trường sư phạm đào tạo những thầy cô giáo dạy đúng chương trình, dạy có lương tâm, và chỉ bấy nhiêu đó thôi, học sinh và phụ huynh đã phải có bốn phận đối xử có nhân có nghĩa. Đừng như bà phụ huynh nọ ý mình có sạp buồn lớn, quen thân với cấp tính cấp khu, một hôm nhận được giấy cô giáo chủ nhiệm thông báo con mình vô kỷ luật liền đợi tới giờ cô, xông thẳng vô lớp, tát tai đấm đá túi bụi đứa con, chửi mắng ầm ỹ rồi hùng dũng bỏ đi ra. Khiến tôi chợt nhớ tới cuộc diện kiến giữa A-Lịch-Sơn Đại đế với nhà hiền triết Diogène thuộc môn phái Khuyến nho.

Diogène sống với một con chó, ở trong một cái thùng gỗ, hạn chế tối đa nhu cầu đến mức



một cái một cái chén để mức nước uống cũng ném đi khi thấy hai bàn tay bùm lại cũng hứng được nước. Nghe danh nhà hiền triết, một hôm Đại đế đến đứng cạnh cái thùng lễ độ thưa:

- Tiên sinh có cần gì, quả nhân xin...

Triết gia trả lời:

- Ta cần người đứng xe ra để nâng dọi được vô cửa thùng.

Tướng tùy tùng rút gươm toan chém tên vô lễ (nghề chuyên môn mà!), nhưng vua gạt đi, nói:

- Nếu ta không là A-Lịch-Sơn thì ta muốn được là Diogène.

A-Lịch-Sơn trong Diogène như trọng thầy mình, người thầy mà nhà vua đã từng nói: "Sinh ra ta là cha ta, Hoàng đế Philippe. Dạy ta sống xứng đáng là thầy ta, Aristote".

Lên ngôi năm 20 tuổi mà đánh Đông dẹp Bắc, xuạ quân từ Hy Lạp sang tận Ba Tư, Ấn Độ, cái thể anh hùng, nhưng nhà vua biết cúi đầu trước cái Đức của bậc hàn sĩ. Thử đặt bà phụ huynh chủ sạp vào địa vị nhà vua, thì bà sẽ đá cho cái thùng lăn lông lốc mấy chục vòng!

"Nhất tự vi sư, bán tự vi sư", vậy mà tôi gặp trường hợp có người học trò cũ xưng hô với tôi bằng "anh". Tôi hoàn toàn không cảm thấy bị xúc phạm mà chỉ thấy thương hại cho anh ta. Rõ ràng là anh ta có tỏ ra lúng túng khi sắp phải chọn giữa hai tiếng "thầy" và "anh". Tôi muốn vỗ vai thân mật an ủi: "Sao em khổ chi vậy?" Tiếng "thầy" có gì là cao giá đâu mà em phải cần nhắc? Xung quanh ta thiên hạ dùng tiếng "thầy" khỏe ru mà: thầy thuốc, thầy cúng, thầy võ, thầy phủ thùy, thầy địa!..."

Kể ác tâm nghĩ và người ác khẩu nói: truyền đạt kiến thức cho học sinh thì nói có công ơn gì? Chỉ là nghề sinh nhai, còn nhẹ hơn nghề đắp đường, khỏe hơn nghề bửa củi. Kiến thức thứ đó của danh nhân kim cổ chớ đâu phải của chính thầy cô mà phải thán phục? Vậy là bao nhiêu cái ơn phải đi, bấy nhiêu cái oán lãnh đủ, vì kiến thức truyền rao, học sinh phải nghe, phải học, phải thuộc, phải biết vận dụng để làm bài. Lười học, câu thả, làm sai, thầy cô phải la phải phạt, vậy là mang oán. Gặp phụ huynh có quyền có chức thì từ oán chuyển sang uy hiếp.

Có một lần một bà mẹ cầm tờ đơn đến trường kiện cô giáo. Tôi mời ngồi nơi phòng khách và mở lời trước:



- Tôi biết vụ này. Con bà về mét là bị cô giáo bạt tai. Cô giáo nói không. Không có ai làm nhân chứng. Nhưng mà đôi cơ chúng tá làm gì, chúng ta cùng giải quyết cái căn bản. Con bà được bà cứng, học lười và hỗn với cô giáo từ lớp Một. Cô giáo rầy la, cảnh cáo nhưng bà bênh con: ăn hiếp lại cô giáo. Lên lớp 2 cũng vậy, lớp 3, lớp 4 và bây giờ lớp 5 đều cũng vậy. Nội dung đang rất bí đất mà bà đâu có hiểu. Con bà không học thì sức đâu mà lên lớp? Nhưng để học lại một năm nữa thì cô giáo chịu sao nổi với nó, với bà? Vậy là nâng điểm, cho lên. Cứ liên tiếp như vậy. Rồi cuộc nay học lớp 5 mà trình độ đâu chừng tới lớp 3 rưỡi. Mà phạm học kém thì ngồi nghe giảng không hiểu, phải nghịch phá. Bà ơi, rồi cuộc cô giáo nào rui dạy trúng con bà đều cũng phải nhẫn nại chịu đựng cho qua năm học, chịu khó ngồi tụng niệm một trăm chữ NHÂN. Nhưng còn bà, thưa bà, bà sẽ phải khổ với nó suốt cuộc đời bà.

Người đàn bà chăm chăm nhìn tôi. Cái đơn kiện đến cuộn tròn khá lớn, giờ như được xếp cho nhỏ lại.

Nhà giáo bị uy hiếp bốn bề. Là người thợ xây, nhưng tâm hồn học trò đâu có dễ uốn như cây, như gạch? Quả là có một số ít nhà giáo kém phẩm chất nhưng tại sao lại vin vào số ít nhỏ nhoi này để phủ nhận cái đa số lớn lao kia?

Riêng người học trò cũ ngồi nói chuyện với thầy, viết thư thăm thầy thì còn được hưởng thêm một niềm vui ích kỷ: đó là thấy mình vẫn còn trẻ. Bởi một khi các bậc trưởng thượng: cha, mẹ, thầy giáo đều từ trần thì mình sẽ cảm thấy cô độc lạ thường, mình như già đi trong phút chốc. Như những ngày cây cổ thụ ngã xuống, các cây nhỏ bấy lâu nép bóng chột bị phơi trần ra chịu đựng nắng, gió, mưa.

Gắng tạo niềm cảm thông, niềm an ủi cho các thầy cô giáo để ngày ngày họ dạy dỗ con của bạn trong niềm vui. Cũng dễ hiểu thôi mà: khi có nước mát tưới đều, bụi thùy cúc nở những đóa hoa rực rỡ. Và con của bạn đang ngồi vậy quanh, hưởng hương sắc của hoa.

Còn thầy cô giáo cũ thì có mong chờ gì ở bạn đâu? Vì vậy mà một lời thăm hỏi đủ đem lại niềm vui thanh khiết.

VÕ HỒNG